

Quyển 12

Thứ 6. TAM MA HÍ ĐA ĐỊA

Phần 2

Lại nữa, sao gọi là tu tập tác ý các tướng sở duyên? Tức là ở nơi các tướng kia kia, tác ý tư duy. Vì dùng tư duy có thể làm 4 việc, đó là: tu tập tác ý như thế; lại năng tránh xa sở tri phiền não của kia; lại năng luyện tác ý đây cùng tác ý khác, khiến về sau sanh khởi triển chuyển càng thêm sáng sạch; lại tức khi tu tập tác ý đây, nhằm chán hoại diệt sở duyên, xả các phiền não, giữ gìn sự đoạn diệt, khiến tương tục xa lìa các phiền não. Tu tập như thế gọi là tác ý các tướng sở duyên.

Lại nữa, do 4 nhân duyên, nhập Sơ tĩnh lự cho đến Hữu đẳng: 1. Lực nhân; 2. Lực phương tiện; 3. Lực thuyết; 4. Lực dạy trao.

Sao gọi là lực nhân? Tức là đã từng gần gũi nhập các tĩnh lự.

Sao gọi là lực phương tiện? Tức là tuy không gần gũi nhập các tĩnh lự, nhưng do lực luôn tu tập không gián đoạn, năng nhập các định.

Sao gọi là lực thuyết? Ở nơi pháp các tĩnh lự tăng thượng duyên, nghe nhiều, gìn giữ cho đến nói rộng. Tức nương pháp đây, một mình ở chốn yên tĩnh, lìa các phóng dật, đồng mãnh tĩnh tấn tự sách tấn mình, trụ tùy pháp hành pháp. Do đây năng nhập các tĩnh lự định.

Sao gọi là lực dạy trao? Tức là ở nơi Thân giáo sư, hoặc Quĩ phạm sư, hoặc theo một vị Tôn trưởng khác, được dạy trao về Sơ tĩnh lự.. không điên đảo, tiếp thu thuận theo. Từ đây quán sát tỉ mỉ thẳm sâu, tác ý tư duy năng nhập tĩnh lự cùng các định khác.

Như vậy hiển thị 4 bậc quán hành: 1. Bậc đầy đủ lực nhân; 2. Bậc có lực phương tiện; 3. Bậc lợi căn; 4. Bậc độ căn.

Lại nữa, có 4 loại người đắc tĩnh lự: 1. Kẻ ái thượng tĩnh lự; 2. Kẻ kiến thượng tĩnh lự; 3. Kẻ mạn thượng tĩnh lự; 4. Kẻ nghi thượng tĩnh lự.

Sao gọi là kẻ ái thượng tĩnh lự? Như có người trước từng nghe công đức của các tĩnh lự định, mà không nghe phương tiện xuất ly khỏi kia, nên đối với định kia chỉ một hướng thấy công đức thù thắng, đồng mãnh tĩnh cần. Do nhân duyên đây, nhập Sơ

tĩnh lự hoặc các định còn lại. Nhập như vậy rồi, về sau sanh ái vị.

Sao gọi là kẻ kiến thượng tĩnh lự? Như có người từ sự dạy bảo của thầy, hoặc từ thầy khác được nghe: “Các thế gian thấy đều là thường... Nương phương tiện như vậy, nhập Sơ tĩnh lự cho đến Hữu đẳng, năng đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly”. Kia nương kiến đây, dũng mãnh tinh cần tu tập, nên nhập Sơ tĩnh lự hoặc các định còn lại. Đã nhập như vậy, có khả năng tự nhớ nghĩ nhiều kiếp quá khứ, bèn sanh kiến đây: “Ta và thế gian đều là thường...”. Từ định đây khởi rồi, chấp kiên cố không xả. Lại ở thời sau, tư lự thâm sâu, quán sát tỉ mỉ thâm sâu, nên đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly.

Sao gọi là kẻ mạn thượng tĩnh lự? Như có người nghe danh các bậc Tôn trưởng đã nhập Sơ tĩnh lự cho đến Hữu đẳng. Nghe việc đây rồi bèn sanh kiêu mạn: “Kia có thể nhập các tĩnh lự định, ta vì duyên gì mà chẳng nhập được?”. Kia do nương mạn đây, dũng mãnh tinh cần, nhập Sơ tĩnh lự và các định còn lại. Nhập như vậy rồi về sau sanh kiêu mạn. Hoặc nhập định rồi tác tư duy đây: “Chỉ có ta năng nhập được tĩnh lự như vậy, người khác chẳng thể nhập”. Kia

nương mạn đây, lại ở thời sau nơi các tĩnh lự tư lự thẳm sâu, quán sát tỉ mỉ thẳm sâu.

Sao gọi là kẻ nghi thượng tĩnh lự? Như có người tánh ám độn, xưa từng vui tập hành Xa-ma-tha, do đây nhập các tĩnh lự hoặc các định còn lại. Như vậy nhập rồi, vì muốn đắc những điều chưa đắc, lại đối với thượng định phương tiện siêng tu, nơi bốn thánh đế siêng tu hiện quán. Bởi tánh ám độn nên không thể nhanh chóng chứng hiện quán thánh đế. Do nhân duyên đây, ở nơi các sở chứng khác liền sanh nghi hoặc. Nương nghi hoặc đây, lại ở nơi thắng tiến, tư lự thẳm sâu, quán sát tỉ mỉ thẳm sâu.

Lại nữa, sao gọi là các tĩnh lự định tương ưng ái vị? Có kẻ độn căn, hoặc vì hành tham, hoặc vì hành nhiều phiền não. Kia chỉ được nghe sở hữu công đức của Sơ tĩnh lự... nói rộng như ái thượng tĩnh lự. Đối với việc xuất ly các thượng định chẳng thể rõ biết, nên sanh ái vị đoái luyến đắm trước, trụ kiên cố. Ở đây nói đến sở ái vị tức là đã ra khỏi. Còn nói năng ái vị tức là đang chánh nhập.

Sao gọi là các tĩnh lự định thanh tịnh? Có người tánh trung căn, hoặc tánh lợi căn, hành phiền não hoặc hành trần mông. Kia từ người được

nghe quá hoạn của ái vị Sơ tinh lự... cùng cách thức xuất ly thượng định. Do đây đồng mãnh tinh tấn nhập Sơ tinh lự, hoặc các định còn lại. Nhập như vậy rồi, liền năng tư duy quá hoạn của các định, đối với việc xuất ly các thượng định cũng năng rõ biết, nên chẳng sanh ái vị.

Sao gọi là các tinh lự định vô lậu? Như có người hành tùy tín, hoặc hành tùy pháp, hoặc hành trần mông, lúc trước đã nhập hiện quán bốn thánh đế, hoặc lại đang chánh phương tiện tu hiện quán. Kia do hành trạng tướng trước, nhập Sơ tinh lự hoặc các định còn lại. Nay ở nơi hành đây, trạng đây, tướng đây không tư duy trở lại, nhưng đối với các pháp sắc cho đến thức, tư duy các hành như bệnh, như ung... Nơi pháp hữu vi, tâm sanh chán ghét, sợ hãi, chế phục. Đối với cam lồ giới, buộc niệm tư duy. Như vậy mới có thể nhập định vô lậu.

Lại nữa, sao gọi là thuận phần thối định? Có kẻ độn căn, dục giải hạ liệt, vì siêng tinh tấn nên nhập Sơ tinh lự hoặc các định còn lại. Ở nơi hỷ, nơi lạc, nơi công đức thù thắng không thể kham nhẫn, nên từ tinh lự mà bị lui sụt. Như như tạm nhập các định khác nhau, như vậy như vậy trở lại thối thất,

cho đến chưa thể khéo léo điều luyện các căn.

Sao gọi là thuận phần trụ định? Có người tánh trung căn, hoặc tánh lợi căn, kia chỉ được nghe công đức của các định... nói rộng như tương ưng ái vị đã thuyết ở trước. Nơi định đã đắc, chỉ sanh ái vị mà không thể thăng tiến, cũng không thối giảm.

Sao gọi là thuận phần thắng định? Có người được nghe phương tiện xuất ly định kia, nên nơi định đã đắc không sanh vui đủ, chẳng sanh ái vị, lại muốn cầu vị thù thắng. Do nhân duyên đây liền được thăng tiến.

Sao gọi là thuận phần quyết trạch định? Do người kia thấy sâu quá hoạn của tất cả thân, nên năng nhập vô lậu. Lại, các vô lậu gọi là phần quyết trạch vì cực cứu cánh. Thí như những vật ở thế gian như bình ngọc... đã khéo tuyển chọn, gọi là quyết trạch, từ đây về sau không thể tuyển chọn nữa. Đây cũng như vậy, vì quá đây lại không thể giản trạch hơn nữa, nên gọi là phần quyết trạch.

Lại nữa, sao gọi là không gián đoạn nhập các đẳng chí? Như có người đắc Sơ tĩnh lự cho đến Hữu đẳng, nhưng chưa viên mãn thanh tịnh sáng sạch. Trước thuận thứ lớp nhập cho đến Hữu đẳng, về

sau nghịch thứ lớp nhập cho đến Sơ tinh lự.

Sao gọi là siêu vượt nhập các đẳng chí? Như có người ở Sơ tinh lự cho đến Hữu đẳng đã đắc viên mãn sáng sạch. Từ Sơ tinh lự không gián đoạn vượt nhập Đệ tam tinh lự. Đệ tam tinh lự không gián đoạn vượt nhập Không vô biên xứ. Không xứ không gián đoạn vượt nhập Vô sở hữu xứ.. cho đến nói rộng. Nghịch thứ lớp vượt cũng vậy. Lấy cực xa nhất cũng không thể vượt quá Đệ tam đẳng chí, chỉ trừ chư Như Lai và chư Đại Bồ-tát đã xuất Đệ nhị a-tăng-xí-da, các bậc đây tùy ý muốn mà nhập các định.

Sao gọi là huân tu tinh lự? Như có người đã đắc bốn chủng tinh lự hữu lậu cùng với vô lậu. Vì ở nơi đẳng chí đã thu được tự tại, vì thọ quả đẳng chí tự tại, nên trường thời tương tục nhập các tinh lự hữu lậu, vô lậu, lại thêm sự xen tạp nhau cho đến hữu lậu không gián đoạn, vô lậu hiện tiền, vô lậu không gián đoạn, trở lại nhập hữu lậu. Nên biết ngang đây tức là thành tựu sự huân tu. Nếu ở chỗ này, lúc này, việc này, muốn nhập các định, liền ở chỗ đây, lúc đây, việc đây năng nhập các định. Đây gọi là ở nơi các đẳng chí đã thu được tự

tại. Quả đẳng chí tự tại tức là ở hiện pháp lạc trú, triển chuyển càng thêm tịnh sáng, lại vì do đây đắc đạo bất thối. Lại tịnh tu trị đạo năng dẫn phẩm công đức thù thắng của giải thoát, thắng xứ cùng biến xứ... Nếu có mạng chung mà còn thủ dư tàn, do nhân duyên đây liền nhập cõi Tịnh cư.

Do tu các tĩnh lự phẩm nhuộm, trung, thượng có sự sai khác, nên ở tất cả xứ thọ ba quả địa, như trong Có tâm có tứ địa đã rộng phân biệt. Vì tu tập Không tâm chỉ tứ tam-ma-địa, nên sanh làm Đại phạm.

Do lực huân tu phẩm nhuộm, trung, thượng, thắng thượng, cực thượng, nên sanh ở năm cõi trời Tịnh cư. Nên biết, vì nhân tu tĩnh lự định thanh tịnh nên sanh tĩnh lự địa, chẳng phải do tập gần gũi những pháp tương ưng ái vị. Nếu đã sanh cõi kia rồi mà khởi ái vị, tức liền thối mất. Nếu tu thanh tịnh, sanh trở lại cõi kia, hoặc sanh định dưới, hoặc tiến lên định trên. Trước ở nơi này tu đắc định rồi, sau sanh sang cõi kia. Vì cơ sao? Vì chẳng phải chưa ly dục mà sanh được vào cõi kia, vì chẳng phải các dị sanh chưa tu đắc định mà có thể ly dục. Lại chẳng phải trong chốn này và ở cõi

kia nhập các đẳng chí mà lạc có sai khác, chỉ do sở y của thân mà có sai biệt.

E. Nhiếp tông yếu các kinh:

Đã thuyết tương tu tập tác ý sai khác. Sao gọi là nhiếp tông yếu các kinh? – Tức là tám giải thoát... như kinh đã rộng thuyết.

1. Giải thoát:

Như trước đã thuyết, từ Hữu sắc quán các sắc... cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ là 7 giải thoát đầu, vì ở nơi đã giải thoát sanh thắng giải, nên gọi là giải thoát. Giải thoát thứ 8 là Diệt thọ tưởng, vì xả bỏ tưởng thọ nên gọi là giải thoát.

Sao gọi là Hữu sắc quán các sắc? Tức là đã sanh ở Dục giới, đã ly dục Dục giới nhưng chưa ly dục Sắc giới. Vì người kia đối với giải thoát như vậy đã được giải thoát, tức ở nơi các sắc Dục giới, lấy tướng có ánh sáng tác ý tư duy mà sanh thắng giải. Do 2 nhân duyên gọi là hữu sắc, đó là: vì sanh ở Dục giới, vì đặc định Sắc giới, lại vì phát khởi thắng giải ở nơi tướng có ánh sáng.

Hỏi: Quán các sắc là quán những sắc nào? Lại

dụng hành nào để quán?

Đáp: Các sắc Dục giới. Đó là các sắc ít hoặc tốt hoặc xấu, hoặc liệt hoặc thắng, mà các thắng xứ chế phục. Cũng vậy đối với sắc nhiều, cho đến nói rộng.

Cớ sao tu tập quán hành như vậy? Vì tịnh tu trị, phương tiện năng dẫn các công đức tối thắng.

Những gì gọi là công đức tối thắng? Đó là thắng xứ, biến xứ, các thánh thân thông, vô tránh, nguyện trí, vô ngại giải... Tuy trước ở nơi các sắc Dục giới kia đã đắc ly dục, nhưng ở nơi sắc kia vẫn chưa thể chứng đắc thắng giải tự tại. Vì muốn chứng đắc, nên lớp lớp tư duy thắng giải ở nơi sắc kia.

Sao gọi là Nội vô sắc tướng quán ngoại các sắc? Tức là sanh ở Dục giới rồi, ly dục Sắc giới, nhưng định Vô sắc giới không hiện tại tiền. Lại không tư duy tướng sáng của tướng kia, chỉ ở nơi sắc bên ngoài mà phát khởi thắng giải. Nếu ở nơi sắc đây đã được ly dục, thì nói kia là ngoại. Do hai nhân duyên được gọi là nội vô sắc tướng, đó là: đã chứng đắc vô sắc đẳng chí, vì tự mình rõ biết đã đắc định đây, vì bên trong không tư duy tướng quang minh. Còn lại như trước đã thuyết.

Sao gọi là Tịnh giải thoát, thân tác chứng trụ

đầy đủ? Như có người đã đốt xả niệm viên mãn thanh tịnh sáng sạch, lấy đây làm chỗ nương tu tập thánh hạnh thanh tịnh viên mãn, gọi là tịnh giải thoát. Vì cố sao? Vì 3 nhân duyên, đó là: vì đã vượt qua các khổ lạc; vì đã tịch tĩnh tất cả động loạn; vì đã khéo mài giũa tâm sáng sạch. Thân tác chứng, vì tất cả bậc Hiền Thánh phần nhiều đều an trụ ở trong các trụ đây.

Sao gọi là Không vô biên xứ giải thoát? Như có người ở nơi Không xứ đã đắc ly dục, tức tư duy thắng giải ở nơi hư không.

Sao gọi là Thức vô biên xứ giải thoát? Như có người ở nơi Thức xứ đã đắc ly dục, tức tư duy thắng giải ở nơi thức đây.

Sao gọi là Vô sở hữu xứ giải thoát? Như có người đã đắc Vô sở hữu xứ, tư duy thắng giải ở nơi Thức vô biên xứ.

Hữu danh giải thoát lại không tác thắng giải ở các xứ khác, cho đến tưởng khắp ở nơi xứ có thể sanh, tức ở nơi xứ ấy mà tác thắng giải.

Lại nữa, trước đã tu trị tác ý thắng giải, về sau mới năng khởi thắng tri thắng kiến, nên gọi là Thắng xứ. Thắng đây nên biết có 5 chủng, đó là:

1. Hình dáng mất đi sự thấp hèn hạ liệt, nên gọi là thắng. Như người có sự nghiệp công xảo vượt hơn, thì mất đi sự thấp kém trong lòng người khác.

2. Chế phục sự yếu kém, nên gọi là thắng. Như có người dùng sức mạnh của mình để hàng phục những người yếu kém.

3. Năng phủ che cái khác, nên gọi là thắng. Như bình, bồn, chậu... ngăn che các vật trong nó. Hoặc sự ẩn chướng của các thần thông, chú thuật, thảo dược.

4. Chán hoại sở duyên, nên gọi là thắng. Tức là nhàm chán hoại diệt các cảnh giới, xả các phiền não.

5. Tự tại xoay chuyển, nên gọi là thắng. Như các vị vua ở thế gian, tùy theo ý muốn mà phân xử thần dân, tội tớ. Trong đây, ý hiển bày thắng phủ che và thắng tự tại.

Trước trong giải thoát, thắng giải tự tại. Nay ở thắng xứ, chế phục tự tại.

Quán sắc ít: là các sắc vật dụng... của hữu tình.
Quán sắc nhiều: là các sắc như cung điện, nhà cửa...
Quán sắc tốt: là hiển sắc mỹ diệu, vì thuần tịnh diệu. Trái với tướng đây gọi là sắc xấu. Quán sắc liệt: là sắc không khả ý thanh hương vị xúc. Trái

với tướng đây, nên biết tức là sắc thắng. Bốn hiển sắc đây nhiếp thuộc hữu tình, tư cụ, cung điện...

Nói thắng tri, tức là lớp lớp ẩn che sở duyên thắng giải. Có tướng như vậy, tức là có tướng chế phục vậy.

Lại nữa, do các biến xứ ở nơi sự việc thắng giải sanh thắng giải khắp, nên gọi là biến xứ.

Nói không hai: vì các bậc Hiền Thánh không có hai tướng sai khác là ngã và ngã sở. Nói vô lượng: vì khắp ở tất cả.

Cớ sao biến xứ chung quy chỉ kiến lập theo hai xứ là sắc và xúc? Do hai chủng đây cùng thân mình, thân người, thường tương tục khắp hữu sắc giới. Sắc căn như mắt... chỉ thuộc thân mình. Hai trần là hương và vị không có ở khắp tất cả. Nghe thanh thì lại có gián đoạn, cho nên không nói.

Như vậy các biến xứ định hữu sắc, sắc giới làm biên sau. Ở trong vô sắc, không biến khắp tất cả, nên lập là biến xứ. Sở hành cảnh của thức vì biến khắp tất cả, nên cũng lập là biến xứ.

Lại nữa, người tu quán hành trước tư duy thắng giải ở nơi sở duyên, kế đến năng chế phục. Tức được tự tại trong việc chế phục rồi, về sau nơi sự chế phục

đây khắp ở tất cả xứ, như mong muốn mà phát khởi thắng giải. Cho nên có ba thứ lớp như vậy.

Do tám sắc biến xứ thiện thanh tịnh, năng dẫn phát thắng giải thần thông của bậc Hiền Thánh và chuyển biến thần thông nơi các sự việc. Như điều đã thắng giải, tùy theo đó mà sự biến chuyển đều có thể thành tựu. Lại năng biến ra các vật như vàng, bạc... có thể sử dụng.

Do thức biến xứ thiện thanh tịnh, nên năng dẫn phát các công đức thù thắng vô tránh, nguyện trí, vô ngại giải..

Do không biến xứ thiện thanh tịnh, nên tùy theo ý muốn đều chuyển thành không.

Ví như thợ vàng, thợ sắt, thợ gốm ở thế gian, ban đầu trộn bùn đất chưa khéo điêu luyện, thì ở đây vị giải thoát cũng vậy. Như đã khéo điêu luyện thì vị thắng xứ cũng vậy. Như đã điêu luyện rồi, tùy ý muốn mà chuyển biến, thì vị biến xứ cũng vậy.

2. Đẳng trì:

Đó là 3 tam-ma-địa: **a.** Không tam-ma-địa; **b.** Vô tướng tam-ma-địa; **c.** Vô nguyện tam-ma-địa.

a. Sao gọi là Không tam-ma-địa? Tức là xa lìa

hữu tình, mạng, dưỡng dục, số thủ thú... tâm trụ một duyên.

Nên biết tánh không lược có 4 chủng: 1. Quán sát không, tức là quán sát các pháp không vô thường, lạc, cho đến không vô ngã, ngã sở...; 2. Quả kia không, tức là tâm bất động giải thoát, không vô hết thấy phiền não như tham...; 3. Nội không, tức là ở nơi tự thân không vô tất cả kiến chấp hẹp hòi như kế chấp ngã, ngã sở cùng với ngã mạn...; 4. Ngoại không, tức là ở nơi năm dục không vô dục ái, như nói: “Ta đã vượt qua tất cả tướng hữu sắc, ở nơi ngoại không, thân tác chứng trụ đầy đủ...” cho đến nói rộng. Trong đây, tướng duyên diệu dục gọi là tướng sắc, tướng đây sở khởi đoạn tham dục nên nói là ngoại không.

Lại người tu hành, do quả kia không, hoặc có lúc tác ý tư duy ngoại không, hoặc có lúc tác ý tư duy nội không. Do quán sát không, hoặc có lúc tư duy nội ngoại tánh không. Do lược đây, nên tâm đều chứng đắc lãnh hội tánh không. Giả sử lại ở nơi nội ngoại tánh không đây chẳng chứng đắc lãnh hội, nên khởi tác ý tư duy vô động.

Nói vô động tức là tướng vô thường, hoặc tướng

khổ. Nếu tư duy như vậy liền chẳng bị ngã mạn... làm động loạn. Do kia không bị kế chấp ngã, ngã mạn... cho đến nói rộng tâm không bị động loạn, liền ở nơi hai không đây, tâm đều chứng đắc lãnh hội.

b. Sao gọi là tâm Vô nguyện tam-ma-địa? Ở nơi năm thủ uẩn, tư duy vô thường hoặc tư duy khổ, tâm trụ một duyên.

c. Sao gọi là tâm Vô tướng tam-ma-địa? Ở nơi các thủ uẩn kia diệt, tư duy tịch tĩnh, tâm trụ một duyên. Như kinh nói: “Tâm Vô tướng tam-ma-địa không thấp không cao...” cho đến nói rộng.

Sao gọi là không thấp không cao? Vì không tương ưng với hai tướng thuận và nghịch. Lại có 2 nhân duyên nhập Vô tướng định: 1. Vì không tư duy tất cả tướng; 2. Vì chánh tư duy vô tướng giới. Vì không tư duy tất cả tướng, nên nơi các tướng kia chẳng chán chẳng hoại, chỉ không gia hạnh tác ý tư duy, nên gọi là không thấp. Vì chánh tư duy vô tướng giới, nên nơi vô tướng kia không kiên cố chấp trước, nên gọi là không cao.

Tam-ma-địa đây lược có 2 chủng: 1. Phương tiện; 2. Quả phương tiện.

Nói phương tiện: do lớp lớp sách tấn nỗ lực, tư

trạch an lập, nơi các tướng kia chưa thể giải thoát. Do thức tùy tướng, ở trong thời thời tâm bị nhiễu loạn, kia lại lớp lớp tự sách tấn khích lệ, tư trạch an lập, mới năng thủ quả tùy tướng giải thoát. Vì ở nơi giải thoát đây lại giải thoát, không cần sách tấn khích lệ mà tự tư trạch an trụ, nên gọi là cực thiện giải thoát. Nếu luôn sách tấn khích lệ, tư trạch an trụ mới được trụ, thì tuy gọi là giải thoát mà chẳng phải thiện giải thoát.

Lại nên hiểu rõ quả và hiểu rõ công đức: chính là vì rốt ráo đoạn phiền não và rốt ráo lạc trú trong hiện pháp.

Lại nên hiểu rõ hai chủng diệt và đạo, tùy theo thứ lớp đây gọi là hiểu rõ quả và hiểu rõ công đức.

Lại nên hiểu rõ hiện quán đế và quả A-la-hán. Ở trong vị kiến đạo, gọi là hiểu rõ quả. Ở quả A-la-hán, gọi là hiểu rõ công đức. Nếu ở xứ đây không có vật kia, do đạo lý đây quán kia là không, nên gọi là tánh không. Tức sở quán không chẳng thể hy cầu nguyện muốn, nên gọi là vô nguyện. Quán đây xa lìa tất cả hành tướng, nên gọi là vô tướng.

Các chỗ khác thì trước tuyên thuyết vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã, sau mới thuyết không,

cớ gì trong đây trước thuyết tánh không? Tức là nếu không vô ngã, quán vô thường khổ thì trọn không thanh tịnh. Cần yếu trước an trụ tướng vô ngã, từ đây không gián đoạn mới đắc vô nguyện. Cho nên trong kinh nói: “Các tướng vô thường nường tướng vô ngã mà được an trụ...” cho đến rộng thuyết. Vị kia ở nơi vô thường quán vô ngã rồi, không sanh khởi mong cầu, chỉ nguyện vô tướng, chuyên cầu xuất ly, nên đây không gián đoạn tuyên thuyết vô tướng.

Lại có 3 chủng: **a.** Có tâm có tứ tam-ma-địa; **b.** Không tâm chỉ có tứ tam-ma-địa; **c.** Không tâm không tứ tam-ma-địa.

a. Sao gọi là Có tâm có tứ tam-ma-địa? Tức là tam-ma-địa chỉ tương ứng tâm tứ.

b. Sao gọi là Không tâm chỉ có tứ tam-ma-địa? Tức là tam-ma-địa chỉ tương ứng tứ. Tu Đại phạm rồi, làm Đại phạm vương.

c. Sao gọi là Không tâm không tứ tam-ma-địa? Tức là tam-ma-địa đều không tương ứng với hai chủng tâm tứ. Vì tu tập tam-ma-địa đây, sanh lên các địa trên cho đến Hữu đẳng, chỉ trừ các tam-ma-địa vô lậu.

Sao gọi là tướng Không tầm không tứ tam-ma-địa? Ở nơi tầm tứ tâm sanh buông xả, duy chỉ có một vị là tác thắng giải sở duyên bên trong, lại chỉ có một vị là bình đẳng hiển hiện.

Lại có 3 chủng: **a.** Đại tam-ma-địa; **b.** Tiểu tam-ma-địa; **c.** Vô lượng tam-ma-địa.

a. Sao gọi là Đại tam-ma-địa? Hoặc do sở duyên nên lớn, vì quán sắc nhiều, chẳng phải vì quán các sắc không ngần không mé. Hoặc do tác ý nên lớn, vì tín phẩm thượng, dục phẩm thượng, thắng giải phẩm thượng, chẳng phải vì tín, dục, thắng giải không ngần không mé.

b. Sao gọi là Tiểu tam-ma-địa? Hoặc do sở duyên nên nhỏ, vì quán sắc ít. Hoặc do tác ý nên nhỏ, vì tín nhỏ, dục nhỏ, thắng giải nhỏ.

c. Sao gọi là Vô lượng tam-ma-địa? Hoặc do sở duyên nên vô lượng, vì quán các sắc vô lượng không ngần không mé. Hoặc do vì tác ý nên vô lượng, vì tín, dục, thắng giải vô lượng không ngần không mé. Trong đây tâm Đại tam-ma-địa tức là ngồi dưới gốc cây, quán tưởng các thiên quang mà sanh thắng giải... cho đến nói rộng. Tâm vô lượng tam-ma-địa tức là bốn vô lượng.

Sao gọi là ngồi dưới gốc cây, quán tưởng các thiên quang mà sanh thắng giải? Tức là ở Dục giới đã sanh khởi rất nhàm chán cực độ rồi, đắc Sơ tinh lự. Vì khiến định đây được thiện thanh tịnh, nên tu tập thêm phương tiện. Lại nghe nói thân của chư thiên có quang minh bao quanh, liền tư duy thân tướng quang minh kia khắp cả gốc cây cho đến ngàn mé của đất đai, biển lớn, nên phát sanh thắng giải. Do càng về sau tam-ma-địa triển chuyển thăng tiến có sự sai khác, nên sự sanh khởi cũng có sai khác.

Sao gọi là tác ý được thành tựu chỉ hai? Tức là tùy giới hạn phần thắng giải mà thi thiết tác ý.

Sao gọi là lấy tác ý chỉ hai làm duyên, tu thành tựu chỉ hai? Tức là do lực tác ý đây, thi thiết sở tu định có sai khác, viên mãn thanh tịnh, chuyển thêm thù thắng.

Sao gọi là lấy tu chỉ hai làm duyên, hành thành tựu chỉ hai? Tức là như như thiện tu định chuyển thêm thù thắng, như vậy như vậy thi thiết sự cảm sanh có sai biệt.

Sao gọi là lấy hành chỉ hai làm duyên, kiến lập bổ-đặc-già-la chỉ hai? Do nhân duyên đây, hữu

tình cảm sanh có sự cao thấp, thảng liệť sai khác.

Hỏi: Quang minh của chư thiên ở Sơ tĩnh lự và Đệ nhị tĩnh lự có gì sai khác?

Đáp: Như ngọc mặt-ni bên ngoài có quang minh, trong không có quang minh. Thân của chư thiên ở Sơ tĩnh lự cũng vậy, bên ngoài phóng quang minh nhưng bên trong không như vậy.

Thĩ như đèn sáng, bên ngoài phát quang minh, bên trong tự chiếu soi. Thân của chư thiên ở Đệ nhị tĩnh lự cũng như vậy, hoặc bên trong, hoặc bên ngoài đều phát quang minh. Cho nên kinh thuyết từ địa này trở lên chỉ có một chủng thân, ở địa dưới thì không như vậy.

Sao gọi là kiến lập bốn vô lượng định? Vì các hữu tình có 3 phẩm: 1. Không khổ không vui; 2. Có khổ; 3. Có vui. Như thứ tự trên, vì muốn cho vui, vì khiến lìa khổ, vì muốn khiến vĩnh viễn không lìa vui.

Đối với ba loại hữu tình như vậy, vì tác ý có bốn chủng, nên thứ tự kiến lập 4 chủng: từ, bi, hỷ, xả. Đó là vì tác ý ban vui, nương đây kiến lập từ. Vì tác ý trừ khổ, nương đây kiến lập bi. Vì tác ý tùy hỷ, không lìa vui, nương đây kiến lập hỷ. Tức ở ba

tác ý trên, muốn khiến hữu tình kia không bị lôi cuốn vào tác ý nhiễm ô không vui, không bị lôi cuốn vào tác ý nhiễm ô sân khuể, không bị lôi cuốn vào tác ý nhiễm ô tham dục, nên kiến lập xả.

Trong kinh nói: “Lấy tâm câu từ...” cho đến nói rộng.

Vì hiện tiền làm nhiều ích, gọi là câu từ. Vì tướng làm nhiều ích, gọi là từ bạn lành. Tướng làm nhiều ích đây lược có 2 chủng: 1. Muốn làm việc lợi ích; 2. Muốn khiến an lạc. Hai chủng tướng đây là chỗ hiển thị của cả bốn vô lượng. Vì xa lìa ý vui ác, gọi là không oán. Vì hiện tiền lìa đấu tranh, cãi vã, gọi là không thù. Vì xa lìa việc làm không nhiều ích, gọi là không não hại. Vì sở duyên rộng lớn, gọi là rộng. Vì tư duy rất nhiều về các việc lợi ích an lạc, gọi là lớn. Vì quả vô lượng, như bốn sông lớn có các dòng chảy xen lẫn nhau, gọi là vô lượng. Vì rất thành thực, gọi là khéo tu tập.

Nếu có người hỏi rằng: “Tâm câu từ... có những tướng gì?”.

Lúc ấy nên thứ tự đáp rằng: “Thắng giải biến mãn, đầy đủ mà trụ”. Thắng giải biến mãn tức là nghĩa ý lạc thắng giải tăng thượng tràn đầy rộng

khấp. Đầy đủ, tức là vì viên mãn thanh tịnh sáng sủa. Trụ, tức là vì tu tập quán hành, ngày đêm chuyên chú, thời thời chuyên chú.

Hỏi: Như kinh nói: “Khéo tu tập từ, cực ở nơi biến tịnh...” cho đến nói rộng. Đây có mật ý gì?

Đáp: Trong tất cả lạc, thì lạc ở Đệ tam tĩnh lự là thù thắng hơn cả. Ưc niệm (nhớ lại) lạc đây, tu tập từ tâm, từ là tối đệ nhất, nên nói tu từ cực ở nơi biến tịnh.

Ưc niệm Không xứ, tu tập bi tâm, bi là tối đệ nhất. Dụng tu tâm bi, vui muốn trừ khổ. Trong Vô sắc giới xa lìa các khổ, đoạn trừ hoại diệt hết thấy khổ, vì khổ kia đều không. Cho nên ước niệm Không vô biên xứ, tu bi đẳng chí, tác niệm như vậy: “Phải khiến tất cả hữu tình có khổ đều về nương nơi không còn khổ”.

Tu hỷ định, tức là thường ước niệm Thức vô biên xứ, vui mừng khi các hữu tình được an vui, tác nghĩ như vậy: “Phải khiến tất cả loại hữu tình thọ vô lượng vui”. Như Thức xứ, thức không có hạn lượng, cho nên ước niệm Thức vô biên xứ thì tu tập hỷ định là tối đệ nhất.

Tu xả định, tức là thường ước niệm Vô sở hữu xứ,

tác niệm như vậy: “Vô sở hữu xứ, tâm vô lậu địa là biên sau cùng, xả cũng là tối đệ nhất. Như Bí-sô A-la-hán hiện hành trong tất cả vị khổ, lạc, bất khổ bất lạc, đều không nhiễm ô. Phải khiến tất cả các loại hữu tình chứng đắc xả như vậy”. Cho nên ức niệm Vô sở hữu xứ, thì tu tập định xả là tối đệ nhất.

Tất cả như vậy đều là hành của bậc Thánh. Chỉ các bậc Thánh năng tu tập, cho nên kinh thuyết: “Đồng hành giác phần”.

Lại có 2 chủng: **a.** Tu một phần tam-ma-địa; **b.** Tu đầy đủ phần tam-ma-địa.

a. Sao gọi là tu một phần tam-ma-địa? Ở trong đây, hoặc chỉ tác ý tư duy tướng quang minh, hoặc chỉ tác ý tư duy tướng sắc mà nhập nơi định. Hai chủng như vậy, tùy theo thứ lớp hoặc liễu quang minh, hoặc thấy các sắc.

b. Sao gọi là tu đầy đủ phần tam-ma-địa? Tức đều tư duy cả hai tướng mà nhập nơi định, cũng liễu quang minh, cũng thấy các sắc.

Như vậy khi tu tập quang minh định, sẽ có 11 chủng chướng định sai biệt, chỗ gọi là nghi... như kinh đã rộng thuyết.

Hỏi: Làm chướng những gì?

Đáp: Làm chướng ngại tướng tam-ma-địa.

Tướng có 2 chủng, đó là: tướng sở duyên và tướng nhân duyên. Nếu dụng tướng kia làm chỗ nương, thì an trụ tam-ma-địa. Nếu thối thất tướng kia, liền không thể trụ. Dưới đây là 11 chủng chướng ngại định:

1. Vì ở nơi sự hiển hiện tướng sắc, quang minh mà không khéo biết, liền có nghi hoặc.

2. Vì phương tiện chậm chạp, hoặc không tác ý. Như ở nơi các sắc không muốn thấy, hoặc nhắm mắt, hoặc xoay mặt lại... người quán hành đây ở trong các sắc không muốn tác ý cũng lại như vậy.

3. Vì không khéo giữ gìn căn môn... nên thân thô trọng.

4 và 5. Nhiều thói quen ngủ nghỉ. Hoặc tu tập nhiều tỉnh thức thì càng thêm hôn trầm thùy miên, không thấy các sắc, giả sử có thấy được cũng không viên mãn. Có hai sự việc đây là do dụng công quá nhiều lực kích động tư duy, dũng mãnh tinh tấn thái quá. Do sách tấn kích lệ thái quá, nên trở lại cực hạ liệt.

6. Người kia chỉ suy nghĩ tìm cầu tướng quang minh. Sự nghĩ cầu tướng quang minh đây cùng với

thấy sắc nếu đồng thời sanh, tức mong một mà được hai, liền sanh vui mừng nhảy nhót, như người phát hiện một lúc hai kho tàng giấu kín.

7. Khắp ở các phương, bỗng nhiên lại thấy sắc không lành, liền sanh sợ hãi lớn.

8. Người kia hoặc lúc đi, hoặc lúc đứng phát khởi chủng chủng tướng tạp loại thế gian. Tướng bên ngoài như vậy là chướng nạn cho định.

9. Lại nhân sự tu tập định, tự sanh cao cử cho mình là vượt hơn, người khác là yếu kém. Như vậy cũng được gọi là chủng chủng tướng.

10. Nếu luận bàn nhiều, hoặc tâm tư lâu khiến thân mỏi mệt, tâm không định được. Như vậy nhiều lời là chướng nạn cho định.

11. Nếu lúc từ định sanh tướng quang minh và thấy sắc, bèn xả tu tác ý tương tục bên trong, mong muốn quán sát kỹ lưỡng các sắc bên ngoài. Cho nên cực tư duy quán sát là chướng nạn cho định.

Như vậy, các chướng nạn tùy theo chỗ mà chướng ngại tướng sở duyên cảnh và tướng nhân duyên của tam-ma-địa. Do gặp phải chướng ngại đây làm thối thất tướng sở duyên và tướng nhân duyên, như thứ lớp hai tướng cùng diệt mất.

Lại có 3 chủng: **a.** Hỷ câu hành tam-ma-địa; **b.** Lạc câu hành tam-ma-địa; **c.** Xả câu hành tam-ma-địa.

a. Sao gọi là hỷ câu hành tam-ma-địa? Đó là các tam-ma-địa của Sơ tĩnh lự và Đệ nhị tĩnh lự.

b. Sao gọi là lạc câu hành tam-ma-địa? Đó là các tam-ma-địa của Đệ tam tĩnh lự.

c. Sao gọi là xả câu hành tam-ma-địa? Đó là các tam-ma-địa từ Đệ tứ tĩnh lự trở lên.

Lại có 4 chủng tu định:

a. Sao gọi là tu định được hiện pháp lạc trú? Là sở hữu tu định trong bốn chủng hiện pháp lạc trú của đạo phương tiện và sở hữu tu định chưa viên mãn thanh tịnh sáng sạch của các địa căn bản. Là sự hiển thị tu tập chưa từng đặc định. Cho nên Thế Tôn nói đạo phương tiện Sơ tĩnh lự trước.

b. Sao gọi là tu định được trí kiến? Như các Bí-sô nơi tướng quang minh ân cần chân thành quán sát tỉ mỉ thăm sâu và nắm giữ như vậy, như kinh đã nói rộng.

Nên biết sở hữu tu định trong đạo phương tiện đây, năng phát thiên nhãn trước. Trong đây, thiên nhãn năng chiếu năng quán các cảnh sắc,

nên gọi là kiến; năng biết các cõi trời có tên gọi như vậy, chủng loại như vậy, cho đến nói rộng như *Kinh Thắng Thiên*. Đây gọi là trí.

c. Sao gọi là tu định sanh tuệ phân biệt? Là sở hữu tu định trong đạo phương tiện của hiện quán để hướng quả Dự lưu, hoặc là tu tập các vô ngại giải.

d. Sao gọi là tu định là tận các lậu? Là sở hữu tu định trong đạo phương tiện quả A-la-hán.

Lại có 5 chủng: đó là năm thánh trí tam-ma-địa. Sao gọi là năm thánh trí tam-ma-địa? Đó là “Tam-ma-địa của ta đây là thánh, vô nhiễm, vô chấp...” như kinh đã rộng thuyết. Trong đây thị hiện 5 hành tướng trí: 1. Trí tự thể; 2. Trí bổ-đặc-già-la; 3. Trí thanh tịnh; 4. Trí quả; 5. Trí của tướng nhập xuất định.

Thánh, vì thiện nên gọi là thánh. Lại vì vô lậu, nên gọi là thánh.

Vô nhiễm, vì hiển thánh tánh thiện.

Vô chấp, vì hiển thánh tánh vô lậu đó.

Không phải chỗ của phàm phu thân cận, vì đó là chỗ chư Phật và Thánh đệ tử thân cận.

Là điều các bậc thông tuệ khen ngợi, vì kia xưng khen tán thán.

Là chỗ các bậc thông tuệ đồng phạm hạnh thường không chê trách, tức là tất cả thời đều xưng khen. Chẳng phải như Sơ lĩnh lự... thế gian, vì tu phương tiện rời xa địa dưới, trước dùng tướng tĩnh để xưng khen. Vì tu phương tiện hướng đến địa trên, về sau dùng tướng thô để lại chê bỏ.

Tịch tĩnh, vì sở trị phiền não vĩnh viễn tịch tĩnh.

Vi diệu, vì không ái vị tự địa phiền não.

Đắc đạo an ổn, vì chứng đắc đạo không thoái chuyển.

Chứng tâm nhất hướng, vì đã đắc Không tâm không tứ địa.

Hiện tại an lạc, vì năng được hiện pháp lạc trú.

Sau vui dị thực, vì dẫn phát cái vui Vô dư y Niết-bàn.

Chánh niệm mà nhập, vì khéo thủ tướng năng nhập tam-ma-địa không bị quên mất.

Chánh niệm mà xuất, vì khéo thủ tướng năng xuất tam-ma-địa không bị quên mất.

Lại có 5 chủng: đó là năm chi Thánh tam-ma-địa. Sao gọi là năm chi Thánh tam-ma-địa? Các Bí-sô trong thân đây ly sanh hỷ lạc... như kinh đã rộng thuyết.

Ly sanh hỷ lạc, tức là hỷ lạc nhiếp thuộc Sơ tinh lự địa.

Sở thắm nhuần, tức là sự thắm nhuần do hỷ đem lại.

Khấp thắm nhuần, tức là sự thắm nhuần do lạc đem lại.

Khấp sung mãn, tức là vị tác ý gia hạnh cứu cánh.

Khấp vui thích, tức là các vị tác ý ở trước. Do trong vị kia cũng có hỷ lạc đôi lúc gián đoạn, nhưng không trụ lâu, cũng chẳng viên mãn.

Ở trong thân đây không có chút phần nào mà không sung mãn, tức là ở vị tác ý quả gia hạnh cứu cánh. Thí như người có tuệ thông minh năng tầm gọi, hoặc đệ tử của kia, nên biết ở đây dụ cho người tu quán hành. Đồ dùng bằng đồng, đồ dùng bằng đất, đồ dùng bằng vỏ ốc, dụ cho ly dục sanh hỷ lạc nên dạy trao dạy răn. Tầm gọi tinh tế nhẹ nhàng dụ cho năng thuận theo kia mà xuất ly tầm... Nước tưới rót, nên biết dụ cho đạo thanh tịnh ở nơi tâm. Tầm gọi chà xát dụ cho ở nơi thân. Được sạch sẽ dụ cho hỷ hòa hợp. Sự sạch sẽ đi theo dụ cho lạc hòa hợp. Khấp trong ngoài, dụ cho hỷ lạc hòa hợp

không hở, không gián đoạn. Không mạnh mẽ, dụ cho không tán động. Không yếu mềm, dụ cho không nhiệm ô, cũng không vị ái. Lại ở dụ thứ hai có sự sai khác. Núi dụ cho ở nơi vô tâm tứ định. Đỉnh nhọn dụ cho vô tâm vô tứ ở đệ nhị tĩnh lự, ở nơi cảnh sở duyên chỉ một vị thắng giải. Suối dụ cho chi thanh tịnh bên trong... Trục nước tức là nước chảy ra một bên. Các dải nước tức là nước phun trào ra. Hai ví dụ đây, theo thứ lớp hiển bày lời nói hỷ lạc thấm nhuần... như trước đã giải thích. Không gì chẳng sung mãn, nên biết dụ cho sự tương ứng không gián đoạn. Lại ở dụ thứ ba có sự sai khác. Như hoa sen xanh... vui của sự lìa hỷ, nên biết pháp tương ứng kia và chỗ thân nương cũng vậy. Nước dụ cho ly hỷ vô tâm tứ định, hỷ phát vui mừng hơn hở. Do không có kia, dụ cho thai tạng của hoa còn chìm trong nước. Lại dụ thứ tư có sự sai khác. Tâm thanh tịnh, tức là tương ứng với xả niệm thanh tịnh, vì vượt qua các tai họa của địa dưới. Sáng sạch tức là tánh thiện, không ái vị tự địa phiền não. Cố sao lại lấy trưởng giả làm dụ? Kia làm việc có sự quán xét tổng quát, không phóng dật, tư duy quán sát so sánh cân nhắc, ở nơi sự tăng giảm

không gì chẳng biết. Bậc chứng đắc thanh tịnh đệ tứ tinh lự cũng lại như vậy, phàm có hành động đều quán xét viên mãn, không các phóng dật. Ở nơi tất cả nghĩa, không gì chẳng rõ biết, tâm tánh linh động mẫn tiệp. Tám kinh, chín kinh lấy làm dụ, do vì kiên cố, kín đáo, hiển thị đầu chân đều được che kín, muỗi mòng chẳng thể xâm tổn. Nếu có hai lỗ sau sẽ dễ bị muỗi mòng xâm tổn, đó là: vì quần áo mỏng manh và vì có chỗ lộ ra. Nay hiển thị không có hai lỗ lầm này. Định đây cũng vậy, tâm thanh tịnh sáng sạch trùm khắp, tất cả tán động không thể xâm tổn. Kham nhẫn lạnh nóng, cho đến bị mắng chửi thô ác và ở trong thân thọ chủng chủng khổ. Lại dụ thứ năm có sự sai khác. Ở nơi tướng sở quán, ân cần chân thành... nên biết như trước đã giải thích, tức là quán sát sâu các hành ba đời. Lại quán sát đối với *năng quán sát*. Đây là nghĩa tổng quát.

Những gì gọi là Thánh tam-ma-địa? Sao gọi là kiến lập năm chi sai biệt? Tức là sở hữu tâm tánh nhất cảnh của bậc Thánh Hiền trong bốn tinh lự và ở nơi an lập quán sát tỉ mỉ thăm sâu, như vậy gọi là Thánh tam-ma-địa. Nương nơi bốn chủng

hiện pháp lạc trú, kiến lập bốn chi. Vì nương quán sát sâu pháp duyên khởi, lại vì đoạn trừ kết phược, nên kiến lập chi thứ năm. Nên biết vì hai duyên như vậy kiến lập năm chi.

Lại có nhân, có đầy đủ chánh tam-ma-địa của bậc Thánh. Sao gọi là có nhân, có đầy đủ chánh tam-ma-địa của bậc Thánh? Nên biết vì thiện và vì vô lậu nên gọi là Thánh.

Nhân của định đây bao gồm 5 đạo chi: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng.

Đầy đủ có 3 chủng, đó là: chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.

Trong đây, Đức Bạc-Già-Phạm thuyết chung bảy đạo chi trước và chánh tam-ma-địa của bậc Thánh là nhân, là đầy đủ. Tùy theo chỗ thích hợp nên biết có sự sai biệt. Vì nghĩa thứ lớp tiền dẫn, nên lập năm chi là nhân. Vì nghĩa tư trợ ở nơi tam-ma-địa, nên lập ba chi là đầy đủ.

Sao nói là nên biết nghĩa thứ lớp tiền dẫn từ chánh kiến cho đến chánh mạng? Tức là trước rõ biết thế gian có chân thật A-la-hán chánh hạnh chánh chí. Liên ở nơi xuất ly sanh sâu vui muốn,

thu được chánh kiến.

Lại tư duy: Làm gì để ra khỏi sự bức bách của nhà cửa, gia đình... cho đến nói rộng, gọi là chánh tư duy. Từ đây xuất gia, thọ học Thi-la, tu trị tịnh mạng; đây gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Nếu ở nơi chánh kiến... đây, đối với năm sở đối trị là tà kiến... vẫn chưa thể đoạn, bấy giờ nên quay lại. Vì muốn đoạn trừ pháp sở trị kia, nương năm thiện pháp đầu, từ người nghe âm, triển chuyển khiến phát sanh văn tuệ chánh kiến. Lại vì tu tập đạo tư lương, nên phương tiện quán sát. Kế nương văn tuệ mà phát sanh tư tuệ. Lại nương tư tuệ phát sanh tu tuệ. Do chánh kiến đây, nên ở nơi các tà kiến như thật rõ biết đây là tà kiến, nơi các chánh kiến như thật rõ biết đây là chánh kiến... cho đến chánh mạng. Như thật biết rồi, vì muốn đoạn trừ tà kiến... cùng vì viên mãn chánh kiến... nên phát siêng tinh tấn, gọi là chánh tinh tấn. Nếu do đây năng đoạn pháp sở trị, tập pháp năng trị khiến đến viên mãn, gọi là chánh niệm. Niệm đây tức là một phần tam-ma-địa, nên cũng nói là chánh tam-ma-địa.

Nếu trong lúc này, xả tà kiến... khiến chẳng sanh trở lại, tu chánh kiến... khiến đắc viên mãn, tức trong đạo phương tiện như vậy cũng năng xả bỏ tinh tấn tà niệm, cũng năng tu viên mãn tinh tấn chánh niệm.

Nếu trong lúc này năng đoạn trừ, năng viên mãn các pháp kia, tức ở lúc ấy chánh tam-ma-địa của bậc Thánh cũng được viên mãn. Trong đây do tuệ làm dẫn đầu, trước tự an xứ nơi tầng thượng giới. Kế đến nghe âm của người, như lý tác ý và tầng thượng giới học cùng làm chỗ y nương, nơi đạo phương tiện phát sanh tầng thượng tâm học và tầng thượng tuệ học. Trong đây, chánh niệm gọi là tầng thượng tâm học; chánh kiến, chánh tinh tấn gọi là tầng thượng tuệ học. Khi tu chánh tam-ma-địa của bậc Thánh, ba học như vậy đều được viên mãn.

Lại có Kim cương dụ tam-ma-địa. Sao gọi là Kim cương dụ tam-ma-địa? Tức là biên học tam-ma-địa cuối cùng. Tam-ma-địa đây vì tối đệ nhất, vì tối tôn thắng, vì rất kiên cố, vì trên, không có phiền não nào năng phá hoại chế phục, lại năng phá hoại chế phục tất cả phiền não. Cho nên

định đây gọi là Kim cương dụ. Thí như kim cương tánh rất bền chắc, hết thủy mặt-ni không thể xuyên hoại, mà kim cương kia năng xuyên hoại tất cả bảo mặt-ni. Định đây cũng vậy, nên lấy kim cương để làm dụ.

3. Đăng chí:

Sao gọi là năm *Hiện kiến tam-ma-bát-đê*? Các Bí-sô ở nơi thân này... như kinh đã rộng thuyết. Bậc đã kiến đế tu đăng chí đây, cho nên gọi là Hiện kiến đăng chí.

Đây chính là các phiền não tu đạo sở đoạn, chế phục đối trị, đoạn diệt đối trị và quán sát đoạn, nên biết sau đây lược chung tánh thể.

Quán bất tịnh ban đầu, lấy phương tiện niệm trụ làm chỗ nương. Vì muốn khiến dục tham không hiện hành, quán sát trong thân có chủng chủng thứ bất tịnh.

Quán bất tịnh thứ hai, tức lấy niệm trụ làm chỗ nương, cho đến quán sát tướng xương khô. Vì khiến tham kia không hiện hành, quán sát thân đây có chủng chủng thứ bất tịnh. Nên biết ngang đây gọi là quán sát đầy đủ tất cả bất tịnh.

Người tối cực thông đạt thì quán phẩm loại thứ lớp của tướng xanh bầm, trương sinh... nghĩa vượt quá bình thường. Quán bất tịnh đầu quán sát trong thân hiện tiền an trú chủng chủng bất tịnh. Quán bất tịnh sau thông đạt pháp tánh. Quán sát thân này, có pháp như vậy, có tánh như vậy, cho đến nói rộng.

Người quán thức lưu chuyển, quán sát thức đây sanh diệt tương tục. Hoặc quán sanh thân triển chuyển tương tục, tức là quán sát thô hành duyên thức.. Hoặc quán sát-na triển chuyển tương tục, tức là quán sát vi tế. Hoặc có tâm tham, lìa tâm tham... các phẩm loại sai biệt. Ngày đêm thấm thoát trải qua, rồi sát-na, rồi lập-phược, rồi ni-hô-lật-đa... trong khoảng thời gian đó, không phải một mà có nhiều vô số chủng chủng tâm thức sanh diệt sai khác.

Người quán sát hữu học chưa ly dục đều trụ hai đời. Người đã ly dục chỉ trụ đời khác. Quả A-la-hán đều không chỗ trụ.

Như vậy gọi là quán sát nơi đoạn.

Lại Thắng xứ đẳng chí và Biến xứ đẳng chí như trước đã thuyết.

Lại sao gọi là *Vô tướng tam-ma-bát-đề*? Tức là

đã ly dục biến tịnh, chưa ly dục cõi trên, vĩnh viễn xuất ly tướng tác ý làm tiền dẫn, các tâm tâm pháp diệt.

Hỏi: Dụng phương tiện nào để nhập đẳng chí đây?

Đáp: Quán tướng như bệnh, như ung, như tên, nhập Đệ tứ tĩnh lự. Tu tướng bối (đối lập) tác ý. Nơi chỗ sanh khởi chủng chủng tướng tác ý, an trụ nhằm chán lìa bỏ. Duy chỉ vô tướng là tịch tĩnh vi diệu, gìn giữ tâm an trụ ở vô tướng. Như vậy dần dần thứ lớp lìa các sở duyên, tâm liền tịch diệt. Sanh ở trong đây cũng nhập cũng khởi. Nếu sanh ở kia chỉ nhập mà không khởi. Đây tướng nếu sanh, liền theo kia diệt mất.

Lại sao gọi là *Diệt tận tam-ma-bát-đê*? Tức là đã ly dục Vô sở hữu xứ, tạm an trụ tướng tác ý làm tiền dẫn, các tâm tâm pháp diệt.

Hỏi: Dụng phương tiện nào để nhập đẳng chí đây?

Đáp: Nếu các Thánh giả đã ly dục Vô sở hữu xứ, hoặc nương tướng phi tướng phi phi tướng xứ mà nhập nơi định, hoặc nương tướng diệt tận mà nhập nơi định.

Nương tướng phi tướng phi phi tướng xứ mà nhập định, tức là ở hai định đây tâm yếm xả sâu. Sở duyên thú hướng đến Phi tướng phi phi tướng xứ, vì đều diệt tận, tâm liền tịch diệt.

Nương tướng diệt tận mà nhập định cũng lại như vậy. Khi sắp muốn thú nhập Diệt tận định, phải có sự thực hành nhiều hai pháp, đó là Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là Xa-ma-tha? Sao gọi là Tỳ-bát-xá-na? Sao gọi là có sự thực hành nhiều hai pháp đây? Trong đây, tám định thứ lớp gọi là Xa-ma-tha, sở hữu thánh tuệ gọi là Tỳ-bát-xá-na. Hai pháp đây nếu tùy khuyết một chủng, tức không thể nhập Diệt tận đẳng chí. Cần yếu đầy đủ cả hai chủng đây mới năng thú nhập, nên phải thực hành nhiều hai pháp.

Hỏi: Khi nhập Diệt định, sao gọi ba chủng hành là thân hành, ngữ hành và ý hành thứ lớp diệt?

Đáp: Đây có 2 chủng, đó là: thời hành và thời trụ. Nếu ở thời hành cũng khởi ngôn thuyết, ở Sơ tĩnh lự có tác dụng này, vì có ngữ hành vậy. Nếu ở thời trụ, thứ lớp lự định từ Đệ nhị tĩnh lự trở lên,

ba chủng hành kia thứ lớp diệt. Nên biết thời xuất, do nghịch thứ lớp nên thứ lớp mà khởi.

Hỏi: Trong Diệt tận định, các tâm tâm pháp thấy đều diệt tận. Sao gọi là thức không lìa thân?

Đáp: Do các sắc căn không biến hoại, có năng chấp trì chuyển thức, chủng tử A-lại-da thức không diệt tận. Về sau, pháp kia từ đây mà được sanh khởi.

Hỏi: Lúc nhập Diệt tận định, không có phân biệt “ta đang nhập định, ta đang xuất định”. Lúc đang tại định, vì tâm tịch diệt, xa lìa gia hạnh. Lúc sắp xuất định, vì tâm diệt trước, cũng không có tác ý. Như thế sao gọi là năng nhập? Sao gọi là năng xuất?

Đáp: Vì trước nơi tâm đã khéo tu trị. Nếu có các hành, các trạng, các tướng năng nhập nơi định, năng xuất nơi định, thì ở kia tu tập, cực nhiều tu tập. Do tu tập nên nhậm vận năng nhập, nhậm vận năng xuất.

Hỏi: Sao nói khi xuất Diệt định, xúc 3 chủng xúc: 1. Xúc bất động; 2. Xúc vô sở hữu; 3. Xúc vô tướng?

Đáp: Khi xuất định, phần nhiều do 3 cảnh mà xuất nơi định: 1. Do có cảnh; 2. Do cảnh cảnh; 3. Do diệt cảnh. Do ba cảnh đây nên khi xuất định,

lần lượt theo thứ lớp ấy mà xúc ba chủng xúc.

Lúc duyên nơi có cảnh mà xuất định, không có ngã mạn nhiều động nơi tâm, tức là “đây là ta” mà sanh khởi ngã mạn. Hoặc kế chấp “vị lai ta sẽ có”, cho đến nói rộng. Cho nên nói là xúc cái xúc bất động.

Lúc duyên nơi cảnh cảnh mà xuất định, không có tham sở hữu, không có sân sở hữu, không có si sở hữu. Cho nên nói là xúc cái xúc vô sở hữu.

Lúc duyên nơi diệt cảnh mà xuất định, vì không tư duy tất cả tướng, duyên vô tướng giới, cho nên nói xúc cái xúc vô tướng.

Như vậy đã thuyết tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí.



Quyển 13

Thứ 6. TAM MA HÍ ĐA ĐỊA

Phần 3

Lại nữa, như Đức Thế Tôn dạy: *“Bí-sô các ông, nên vui xứ không nhàn, siêng tu quán hành, nội tâm an trụ chánh Xa-ma-tha”*.

Đó là năng xa lìa tham trước ngoại cụ, hoặc ở xứ không nhàn, hoặc ngồi dưới gốc cây, buộc niệm hiện tiền... cho đến nói rộng, gọi là vui xứ không nhàn. Nên biết đây hiển thân xa lìa. Nếu bên trong năng trụ chín chủng trụ tâm, gọi là nội tâm an trụ chánh Xa-ma-tha. Nên biết đây hiển tâm xa lìa. Nếu vui ở xứ không nhàn, liền năng dẫn phát nội tâm an trụ chánh Xa-ma-tha. Nếu nội tâm an trụ chánh Xa-ma-tha, liền năng dẫn phát Tỳ-bát-xá-na. Nếu khéo tu tập Tỳ-bát-xá-na rồi, tức năng dẫn phát ở trong các pháp như thật hiểu rõ.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn dạy: *“Bí-sô các ông ở nơi tam-ma-địa phải siêng tu tập vô lượng, thường ủy, an trụ chánh niệm”*.

Đó là trước nêu chung về tam-ma-địa. Đã siêng năng tu tập rồi, về sau dùng ba việc khác nhau hiển tu tướng.

Vô lượng, tức là bốn vô lượng. Thường ủy, tức là thường có thực hành và phó thác vào tất cả thực hành, nên gọi thường ủy. An trụ chánh niệm, tức là hiển tâm an trụ ở bốn niệm trụ.

Cớ sao lại nói ba chủng tu tướng đây? Vì nương 2 chủng viên mãn: 1. Thế gian viên mãn; 2. Xuất thế gian viên mãn. Vì tu vô lượng liền năng dẫn phát thế gian viên mãn. Vì tu chánh niệm sẽ năng dẫn phát xuất thế gian viên mãn. Vì tu thường ủy thì chóng thông đạt cả hai chủng trên. Do nhân duyên đây, nên nói ở trong hai xứ chỉ thuyết ba chủng tu tướng.

Lại vô lượng, hiển đạo Xa-ma-tha. Trụ chánh niệm, hiển đạo Tỳ-bát-xá-na. Thường ủy, hiển hai chủng đây nhanh chóng hướng đến chứng đạo.

Lại vô lượng, hiển hướng đến hành phước đức. Trụ chánh niệm, hướng đến hành Niết-bàn. Thường ủy, hiển hướng đến chóng viên mãn hai chủng hành. Trước khéo tu tập Xa-ma-tha rồi, về sau mới năng song hành với Tỳ-bát-xá-na. Vì tu hai chủng

tam-ma-địa đây, như thật giác liễu cảnh giới sở tri.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn dạy: “*Người tu tinh lự, hoặc có đẳng trì thiện xảo, không phải đẳng chí thiện xảo...*” như kinh đã nói rộng.

Ốt-Đà-Nam tụng:

Sao gọi là đẳng trì thiện xảo? Vì thiện xảo ở nơi Không, Vô tướng, Vô nguyện tam-ma-địa.

Sao gọi là không phải đẳng chí thiện xảo? Vì không thiện xảo ở nơi thắng xứ, biến xứ, diệt tận... đẳng chí.

Sao gọi là đẳng chí thiện xảo, không phải đẳng trì thiện xảo? Tức là ở nơi 10 chủng biến xứ đẳng chí và vô tướng đẳng chí, hoặc nhập, hoặc xuất đều được thiện xảo, không phải ở ba tam-ma-địa mà được thiện xảo.

Sao gọi là cả hai đều thiện xảo? Vì ở nơi đẳng trì và đẳng chí đều được thiện xảo.

Sao gọi là cả hai đều không thiện xảo? Vì ở nơi đẳng trì và đẳng chí đều không thiện xảo. Như ở trước đã thuyết đẳng trì, đẳng chí, tùy chỗ thích hợp phải khéo kiến lập.

Sao gọi là đẳng trì thiện xảo, không phải đẳng chí thiện xảo? Tức là ở nơi danh cú văn thân đẳng

trì, khéo biết sai biệt, không phải khéo biết ở nơi các hành, trạng, tướng, năng nhập đẳng chí sai biệt.

Sao gọi là đẳng chí thiện xảo, không phải đẳng trì thiện xảo? Như có người khéo biết các hành, trạng, tướng năng nhập một trong số các đẳng chí nào đó, hiện tiền cũng năng nhập, mà không khéo biết tướng danh cú văn thân sai biệt của tam-ma-địa đây. Cũng không thể biết chính mình đã được nhập đẳng trì sai biệt như vậy như vậy. Có chư Bồ-tát, tuy năng đắc nhập hoặc trăm hoặc ngàn các tam-ma-địa, mà không rõ biết danh cú văn thân của các tam-ma-địa kia, cũng không thể biết chính mình đã đắc nhập đẳng trì sai biệt như vậy như vậy. Cho đến chưa từng được nghe từ chư Phật và chưa từng được nghe chư Bồ-tát đã đắc cứu cánh bậc nhất, hoặc tự mình chưa từng chứng đắc cứu cánh bậc nhất.

Sao gọi là trụ? Tức là khéo giữ lấy các hành trạng tướng năng nhập tam-ma-địa. Vì khéo giữ lấy kia, nên theo ý muốn mà năng trụ nơi định, ở nơi tam-ma-địa không trở lại thối thất. Như vậy hoặc trụ nơi định hoặc không thối thất, cả hai đều gọi là trụ.

Sao gọi là xuất? Như có người ở nơi các hành

trạng tướng năng nhập định, chẳng trở lại tư duy. Ở nơi phân biệt tướng thể bất định địa, tác ý tư duy pháp không đồng loại nhiếp thuộc định địa, xuất ly tam-ma-địa. Hoặc vì nhân tùy theo việc làm, hoặc vì nhân việc làm nhất định, hoặc vì nhân việc làm được giao ước mà xuất nơi định; hoặc lại vì muốn chuyển nhập định khác, do nhân duyên đây, nên xuất tam-ma-địa.

Nhân tùy theo việc làm: tức là nhân làm các nghiệp như tu sửa y bát..

Nhân việc làm nhất định: tức là nhân làm các nghiệp như ăn uống, phụng sự sư trưởng..

Nhân việc làm được giao ước: tức là có người trước đã lập giao ước, hoặc hứa làm một việc nào đó cho người.

Sao gọi là hành? Tức là như sở duyên tạo nên chủng chủng hành khiến nhập nơi định, như hành thô, hành tinh, hành bệnh, hành ung, hành tên, hành vô thường.. Hoặc sở hữu các hành ở trong tam-ma-địa nào đó.

Sao gọi là trạng? Đối với các định, khi sắp muốn nhập liền có tướng trạng định đây khởi trước. Do tướng trạng đây, nên kia tự mình rõ biết: “Ta ở

nơi tướng định như vậy như vậy chẳng lâu sẽ nhập, hoặc lại đang nhập”. Vị thầy dạy bảo người kia, nương tướng trạng đây mà rõ biết kia chẳng lâu sẽ nhập tướng định như vậy như vậy.

Sao gọi là tướng? Đó là 2 chủng tướng: 1. Tướng sở duyên; 2. Tướng nhân duyên.

Tướng sở duyên: là thể phân biệt, do duyên đây năng nhập các định.

Tướng nhân duyên: là tư lương định, do nhân duyên đây năng nhập các định. Tức là thuận theo sự dạy răn dạy trao về định, tích tập tư lương sở hành các định. Tu tâm yếm hoạn đồng hành với dục. Ở nơi loạn, không loạn liễu tri tử mĩ thẩm sâu. Cũng không bị sự bức nã, hoặc do người làm, hoặc do phi nhân làm, hoặc do âm thanh làm, hoặc do dụng công làm.

Sao gọi là điều thiện? Hoặc tam-ma-địa đây vẫn còn bị sự câu chấp của hữu hành, như nước bị giữ lại. Hoặc bị câu chấp của pháp tánh, không tịch tĩnh, không diệu, không phải đạo an ổn, cũng chưa chứng đắc tâm tánh một hướng. Tam-ma-địa đây không được gọi là điều thiện, không tùy theo chỗ vui mà trụ an ổn. Trái với tướng đây gọi là điều thiện.

Sao gọi là bị sự câu chấp của hữu hành? Tức là vì thế nguyện đồng hành với tư, vì chế phục ngoại duyên, giữ gìn tâm nơi định. Lại ở nơi tác ý phải do dụng công mới có thể chuyển vận, khiến nội tâm không bị lưu tán ở bên ngoài, cho nên nói “như nước bị giữ lại”.

Sao gọi là bị sự câu chấp của pháp tánh? Tức là quán địa dưới là pháp tánh thô, quán địa trên là pháp tánh tinh.

Sao gọi là tịch tĩnh, vi diệu, đặc đạo an ổn và năng chứng đặc tâm tánh một hướng? Như trong *năm thánh trí tam-ma-địa* đã lược giải thích.

Sao gọi là sở hành? Tức là sở hành cảnh giới tam-ma-địa. Vì chỉ biết được ngang định đã đặc, quá đây trở lên không thể biết. Như sơ tĩnh lự không thể quán thấy đệ nhị tĩnh lự. Như vậy vượt qua căn, vượt qua số thủ thú cũng chẳng thể biết.

Sao gọi là dẫn phát? Tức là năng tóm lược nghĩa rộng của văn câu và năng thành tựu trọn vẹn các công đức thù thắng.

Sao gọi là ái bình đẳng? Bao gồm tâm, quý, ái, kính, tín, chánh tư duy, chánh niệm, chánh tri, hộ căn, hộ giới và vô hối... Lạc là rốt sau, bởi lẽ thuận

theo lạc dây, tâm đắc định. Trái với tướng dây gọi là ái không bình đẳng.

Sao gọi là ái bình đẳng cũng không bình đẳng? Như có người ở nơi tầm quý... ít phần thành tựu, ít phần không thành tựu, như đầy đủ tầm, quý mà không có ái, kính... cho đến nói rộng.

Sao gọi là tăng? Ở nơi định đã đắc, lại triển chuyển tăng trưởng.

Sao gọi là giảm? Ở nơi định đã đắc, trở lại thối thất.

Sao gọi là phương tiện? Tức là hướng đến hai đạo kia.

Lại chỉ, cử, xả, nên biết tướng dây như trước đã phân biệt đầy đủ.

Lại nữa, như trong kinh nói về sự phân biệt tinh lự: *“Có người tinh lự đang lúc hưng thịnh thì chính là suy giảm...”* cho đến nói rộng.

Trong đây nên biết hai thời kỳ điên đảo có bốn hành chuyển. Đó là ở tam-ma-địa hoặc lúc thối đạo, hoặc lúc thắng tiến. Lúc hướng đến thối và thối đều gọi là suy giảm. Lúc hướng đến đạo thắng tiến và thắng tiến đều gọi là hưng thịnh.

Sao gọi là nên biết lúc ở nơi tam-ma-địa tiến

điên đảo? Như có người cho là: “Nay ta thối thất ly sanh hỷ lạc, nay ta thối thất thắng tam-ma-địa”. Việc ấy thế nào? Tức là người thực hành tĩnh lự kia, vì chuyên cần tu tập, vì tâm thú đến tịch tĩnh, vì hành tùy xả. Từ sơ tĩnh lự đắc nhập ở phần cận sát với đệ nhị tĩnh lự, nhưng đối với việc đây không khéo rõ biết. Trong giai đoạn đây, hỷ lạc sơ tĩnh lự địa đã qua, nhưng vẫn chưa thể đắc sở hữu hỷ lạc trong đệ nhị tĩnh lự địa. Do đây tác niệm: “Nay ta thối thất ly sanh hỷ lạc”, nên từ định kia tâm trở lại thối thất. Nên biết kẻ tu tĩnh lự như vậy tâm bị điên đảo.

Sao gọi là lúc ở nơi tam-ma-địa thối điên đảo? Như có người đắc sơ tĩnh lự, vì cầu Niết-bàn nên tích tập tư lương. Kia đã đắc sở tu tư lương viên mãn đối với Niết-bàn. Do nhân duyên đây, hoặc do dụng công, hoặc lại nhậm vận, hiện tiền khởi tướng tác ý như thế như thế. Do tướng tác ý như vậy, ở trong các sắc cho đến thức rõ biết như bệnh... cho đến vô ngã, nên từ đây nhân định thế gian không gián đoạn sanh khởi hỷ lạc không hiện hành trở lại, bèn nghĩ rằng: “Nay ta thối thất lợi ích do định sanh và chỗ y chỉ”. Do tướng tác ý như vậy, nên từ định kia trở lại thối thất tâm. Như vậy nên biết kẻ tu tĩnh lự

ở tam-ma-địa mà bị thối thất diên đảo.

Sao gọi là ở nơi tam-ma-địa thối thất không diên đảo? Như có người đã đắc sơ tĩnh lự, bèn sanh vui đủ chẳng cầu thắng tiến, chỉ khởi ái vị. Do khởi dục đồng hành với tướng tác ý như vậy, liền bị thối thất cận định Dục giới. Kia ở nơi sự suy thối đây năng rõ biết là suy. Do nhân duyên đây, nên biết không diên đảo.

Lại vì sở đắc tĩnh lự định nên tự khen mình chê người: “Ta mới có thể đắc tĩnh lự định đây, người khác chẳng thể đắc”. Do khởi dục đồng hành với tướng tác ý như vậy, sở hữu triền cái chuyển tăng trưởng, chuyển sâu dày, liền từ định kia hoàn thối. Kia ở nơi sự suy thối đây năng khéo biết là suy.

Lại lấy việc sở đắc các tĩnh lự định mà khoe khoang với người khác như quốc vương, đại thần... vì muốn họ phải cúng dường cho mình. Cho nên từ định khởi rồi tầm tư việc đây. Do dục đồng hành với tướng tác ý như vậy, sở hữu triền cái chuyển tăng trưởng, chuyển sâu dày, còn lại như trước thuyết. Như vậy nên biết người đắc tĩnh lự, ở nơi tam-ma-địa thối thất không diên đảo.

Tướng không diên đảo thứ hai, nên biết ngược

lại với tướng không diên đảo ban đầu. Hai sự không diên đảo đây, cũng nên biết tướng của nó ở hai thời kỳ. Do nương theo hai sự diên đảo và hai sự không diên đảo như vậy mà an lập bốn hành chuyển.

Lại nữa, như trong kinh nói về sự phân biệt bốn kiếm hành định: *“Do bốn chủng tướng, kiếm hành tất cả tam-ma-địa... Túc đẳng trì đây là thuận phần thối, cho đến đẳng trì đây là thuận phần quyết trạch”*.

Sao gọi là kiếm hành? Túc đây là phân liệt, đây là phân thắng, đây là phân thù thắng, đây là phân tối thắng. Thứ lớp đây lại như thế nào? Đó là người tu định, từ sơ tĩnh lực hoàn thối xuất rồi, đối với các tĩnh lực không vui nhập trở lại, cũng chẳng tư duy hành trạng tướng đây. Nhưng các tướng tác ý đồng hành với dục lớp lớp hiện tiền, như trước đã thuyết, nên từ kia khởi rồi tùy nhớ nghĩ ái vị. Bấy giờ người tu tĩnh lực nên tự mình kiếm hành: *“Tam-ma-địa của ta nay thành thối liệt”*.

Lại có người tu định, từ sơ tĩnh lực hoàn thối xuất rồi, được nghe giáo pháp thuận theo định đây, đó là các hành trạng tướng sơ tĩnh lực. Nhờ đó ân cần chân thành hướng đến, khéo giữ lấy tướng đây

khiến trụ kiên cố định đã chắc, không bị quên mất. Như vậy vì tùy nhớ nghĩ pháp thuận định, thành phần thuận an trụ. Bây giờ nên tự kiểm hành: “Tam-ma-địa của ta đã thành thắng. Tam-ma-địa của ta đã được an trụ, không phải thối, không phải tiến, không phải hướng đến quyết trạch”.

Lại có người tu định, từ sơ tĩnh lực hoàn thối xuất rồi, được nghe pháp dạy trao thuận đệ nhị tĩnh lực. Đã được nghe rồi, các tướng tác ý đồng hành với đạo đệ nhị tĩnh lực lớp lớp hiện tiền. Bây giờ nên tự kiểm hành: “Tam-ma-địa của ta đã trở nên thù thắng, không phải thối, không phải trụ, chỉ là thắng tiến, không phải hướng đến quyết trạch”.

Lại có người tu định, từ sơ tĩnh lực hoàn thối xuất rồi, nghe giáo pháp tương ứng với tướng khổ đế... Đã được nghe rồi, tướng tác ý đồng hành với khổ đế... thuận phần quyết trạch lớp lớp hiện tiền. Bây giờ, kia tự kiểm hành: “Tam-ma-địa của ta đã trở nên tối thắng, không phải thối, không phải trụ, cũng không phải thắng tiến, mà hướng đến quyết trạch”.

Lại nữa, như kinh nói: “*Có mắt có sắc cho đến có ý có pháp, các Bí-sô ở nơi các pháp đây, hoặc*

thật hoặc có, đều không lãnh thọ. Tưởng còn không thọ, hà hướng vô tưởng”.

Ý đây như thế nào? Đó là các Bí-sô an trụ đầy đủ ở sơ tinh lự. Do nhân duyên đây, nhằm chán tội cùng nhãn sắc cho đến ý pháp. Do tưởng chán hoại uy thế lẩn đoạt, nên ở nơi mắt không có tưởng mắt mà có tưởng ấy, cho đến ở nơi pháp không có tưởng pháp mà có tưởng ấy.

Sao gọi là có tưởng? Tức là ở nơi mắt... tác ý tư duy là khổ, là tập, hoặc là bệnh... Vì kia ở nơi các pháp không thọ tự tướng, như vậy cho đến vô sở hữu xứ. Trong đây đang nói về tác ý vô lậu.

Sao gọi là không thọ vô tưởng? Vì không tư duy tất cả tướng, ở trong tận diệt tư duy tịch tĩnh. Trong đây ý nói “liã các tướng tướng gọi là vô tưởng”. Lại nói “người an trụ ở Diệt tận định, tất cả các tướng đều chẳng sanh khởi”.

Lại nữa, như trong kinh nói về *bốn chủng hướng đến đạo*.

Sao gọi là tinh tọa, ở nơi các pháp tư duy giản trạch? Đó là có Bí-sô thứ nhất đã đắc sơ tinh lự... mà chưa kiến đế. Do nghe chánh pháp và đa văn mà năng tinh tọa. Nương tam-ma-địa phát khởi

hiện quán nơi pháp khổ đế... Hành giả như vậy nương tăng thượng tâm, tu tăng thượng tuệ.

Lại có Bí-sô thứ hai như thật biết khổ cho đến biết đạo, mà chưa chứng đắc sơ tinh lục... Vị kia liền tĩnh tọa tư duy các pháp. Hành giả như vậy nương tăng thượng tuệ, tu tăng thượng tâm.

Lại hành giả thứ ba gọi là đều đắc cả hai là Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, vì tập chuyển song song.

Lại hành giả thứ tư trước đã chứng đắc sơ tinh lục... nhưng chưa lắng nghe chánh pháp, chưa tập đa văn. Về sau từ bậc đại sư, hoặc những bậc tôn sư khác nghe pháp được kiến đế, hoặc lại được nghe pháp đoạn kiết dư tàn. Do đây nhập chân hiện quán đế, hoặc lại chứng đắc quả A-la-hán. Vị kia chứng đắc hỷ duyệt đại thiện do xuất ly đem lại. Do năng chế phục các tâm trạo cử, trở lại tĩnh tọa. Tĩnh tọa như vậy rồi, tâm an trụ tinh lục đẳng chí.

Như vậy, chủng hướng đến đạo thứ nhất dẫn kiến đạo. Chủng hướng đến đạo thứ hai, thứ ba dẫn tu đạo. Chủng hướng đến đạo thứ tư dẫn cả hai là kiến đạo và tu đạo.

Lại nữa, như trong kinh nói: *“Có bốn loại thanh tịnh thù thắng. Nếu cầu thanh tịnh, đây*

thật là thù thắng hơn cả, cho nên gọi là thanh tịnh thù thắng”.

Sao gọi là thanh tịnh? Sở đắc, sở chứng, sở dẫn giới... hoặc viên mãn, hoặc nhiếp thọ. Đây gọi là thanh tịnh. Sao gọi là thù thắng? Phát siêng tinh tấn, điều gì chưa viên mãn khiến viên mãn. Đây gọi là thù thắng.

Sao gọi là viên mãn Thi-la? Nếu có người tuy trụ đầy đủ giới, cũng năng thủ hộ Biệt giải thoát luật nghi, nhưng ở trong quỹ tắc và sở hành chưa thể đầy đủ, chưa ở nơi tội nhỏ thấy sâu sợ hãi. Đây gọi là Thi-la chưa viên mãn. Nếu đối cả thấy đều đầy đủ thì gọi là viên mãn, cũng gọi là viên mãn Thi-la. Sao gọi là nhiếp thọ Thi-la? Nếu trường thời xuyên xuyên tu tập, khéo gìn giữ căn môn... nói rộng cho đến ở nơi Thi-la nhiếp thành tự thể, an trụ tự tánh, như vậy gọi là nhiếp thọ Thi-la.

Sao gọi là viên mãn Tam-ma-địa? Hoặc đã đắc quả gia hạnh cứu cánh, hoặc đệ tứ tĩnh lự, thì được gọi là viên mãn. Ở các vị thấp hơn đều gọi là chưa viên mãn. Sao gọi là nhiếp thọ tam-ma-địa? Sở đắc tam-ma-địa của kia thời sau thanh tịnh, lại tam-ma-địa không bị sự câu chấp của hữu hành... cho

đến nói rộng.

Sao gọi là viên mãn kiến? Tức là từ người được nghe chánh pháp, như lý tác ý nên chánh kiến được sanh. Do chánh kiến đây, tuy năng biết khổ cho đến biết đạo, nhưng nếu chưa như thật thì vẫn không được gọi là viên mãn chánh kiến. Nếu năng ở kia như thật rõ biết, bấy giờ mới gọi là viên mãn chánh kiến. Sao gọi là nhiếp thọ kiến? Ở thời sau, các lậu vĩnh viễn tận, cho đến nói rộng.

Sao gọi là viên mãn giải thoát? Nếu do hữu học trí kiến được giải thoát tham... thì chưa được gọi là viên mãn. Nếu do vô học trí kiến được giải thoát tham... thì mới gọi là viên mãn. Sao gọi là nhiếp thọ giải thoát? Tức là hoặc đi hoặc đứng, thường chẳng thối thất lạc trú hiện pháp. Như vậy gọi là nhiếp thọ giải thoát.

Lại nữa, như kinh nói: *“Bí-sô hành tâm thanh tịnh, ở mỗi thời gian nên chánh tác ý tư duy năm tướng, cho đến nói rộng phương tiện siêng tu tăng thượng tâm, thì được gọi là hành tâm thanh tịnh”*.

Sở hữu tầm tư các ác bất thiện như tầm tư dục, tầm tư thân thuộc xóm làng... đều năng làm chướng ngại các hành đây.

Lược có ba chủng bổ-đặc-già-la, vì hành tâm tư phẩm hạ, trung, thượng sai khác, nên có các chương sai khác.

Bổ-đặc-già-la thứ nhất do chánh tư duy tương khác, khiến tâm tư kia không hiện hành trở lại.

Bổ-đặc-già-la thứ hai do thấy sâu quá hoạn của tâm tư, hoặc vì không nhớ nghĩ, không tư duy, khiến tâm tư kia không hiện hành trở lại. Sao gọi là không nhớ nghĩ, không tư duy? Vì tâm khéo an trụ bên trong...

Bổ-đặc-già-la thứ ba không phải như bổ-đặc-già-la ban đầu có khả năng khiến tất cả tâm tư kia chẳng hiện hành. Cần yếu phải phương tiện khiến hành tâm tư mỏng dần cho đến ngừng nghĩ. Thô đã dừng rồi, dần dần phải chế phục. Nếu ở nơi đường tâm tư, sở duyên tâm tư, vẫn còn chưa thể sanh sâu chán ghét sợ hãi, thì phải lấy tâm đồng hành yếm hoạn, nhiều lực tư duy. Ở nơi tâm đồng hành tâm tư kia, điều luyện chế phục.

Ba chủng bổ-đặc-già-la như vậy phân làm năm chủng.

Lại nữa, trong *Kinh Rửa Bụi*, Đức Phật Thế Tôn dạy: “*Phải như cách thức tinh luyện vàng ròng*

để điều luyện tâm”... cho đến nói rộng.

Sao gọi là nên biết tất cả nghĩa như vậy? Đó là tinh luyện vàng lược có 3 giai đoạn: 1. Điều luyện trừ cấu; 2. Điều luyện nhiếp thọ; 3. Điều luyện điều nhu.

Điều luyện trừ cấu, tức là từ trong quặng vàng dần dần trừ bỏ đi những cấu to, cấu vừa, rồi đến cấu nhỏ. Cuối cùng chỉ còn lại thuần cát vàng tinh sạch.

Điều luyện nhiếp thọ, tức là đối với vàng kia cẩn thận nấu chảy.

Điều luyện điều nhu, tức là đã nấu chảy rồi lại tiếp tục tinh luyện, sửa lại tỉ mỉ những lỗi xấu như tỳ vết, đường nứt... Như quặng vàng bên trong có vàng sống (cát vàng tinh sạch), thì người hành vị chủng tánh bên trong tâm tịnh nên biết cũng vậy, đó là người kham năng chứng Bát-niết-bàn.

Hỏi: Từ vị nào mà gọi là người hành tâm tịnh?

Đáp: Từ vị được tâm tịnh tín cầu xuất gia. Ở vị tại gia và xuất gia có ba chủng cấu uế thô, trung và tế. Vị tại gia do 2 chướng khiến chướng thể xuất gia: 1. Nghiệp bất thiện, tức là thân ngữ thường vui an trú nơi ác hành. 2. Ác tà kiến, tức là chê bai thế gian không có chân thật A-la-hán chánh hạnh

chánh chí. Đây đối với vị đã được tâm tịnh tín trước, năng làm chướng ngại.

Tâm tư dục chướng người xuất gia, khiến tâm không thể sanh hỷ lạc... Tâm tư thân thuộc chướng người hỷ lạc, khiến không thể thường tu thiện pháp. Vì đoạn kia, thường tu thiện pháp chóng đắc viên mãn, tâm thuần tịnh, có tâm có tứ, như cát vàng tinh sạch. Đây gọi là điều luyện trừ cấu tâm, giống như vàng sống, nhưng chưa nấu chảy.

Nếu lại có người năng dừng nghỉ tâm tư, cho đến an trụ đầy đủ đệ tứ tĩnh lự. Đây gọi là điều luyện nhiếp thọ tâm. Vì năng nhiếp thọ Không tâm không tứ tam-ma-địa, giống như vàng đãi sạch đã được nấu chảy.

Nếu tam-ma-địa không bị sự câu chấp của hữu hành, cho đến nói rộng, đây gọi là điều luyện điều nhu tâm. Vì ở nơi pháp thân thông, tùy theo ý muốn có thể chuyển biến, giống như vàng sống kia đã được tinh luyện, sửa lại tỉ mỉ những lỗi xấu tỳ vết, đường nứt...

Lại nữa, như kinh nói: “*Nên tác ý tư duy ở nơi ba tướng...*” cho đến nói rộng.

Đó là ở từng thời kỳ, nên tác ý tư duy tướng

Xa-ma-tha sai khác... Không nên chỉ một hướng muốn đối trị trầm, trạo, loạn, trước.

Nếu có người ở nơi chỉ, cử, xả mà chưa thường xuyên tu tập, tức là chỉ một hướng tu tướng trầm trạo. Người tu như vậy, nên biết trụ ở vị đạo phương tiện. Nếu ở thời gian tư duy tướng xả, như vậy ở vị đạo thành tựu viên mãn.

Cũng do tu một hướng đây, đối với pháp duyên khởi và trong thánh đế không tư trạch, nên tâm không chánh định, không tận các lậu. Ở trong các đế nếu chưa hiện quán, chẳng thể hiện quán; nếu đã hiện quán, thì chẳng đắc lậu tận.

Chủng thứ nhất và thứ hai là đạo năng thành xong tam-ma-địa. Chủng thứ ba là đạo nương tam-ma-địa để tận các lậu. Trong đây lược hiển yếu nghĩa, tùy theo từng thời kỳ mà tác ý tư duy khắp tất cả.

Lại nữa, có 4 chánh pháp nhiếp trì thánh giáo. Những gì là bốn? 1. Xa lìa; 2. Tu tập; 3. Quả tu; 4. Ở trong thánh giáo không có trái tranh.

Xa lìa: tức là ở núi rừng, gốc cây, tịnh thất không nhàn.

Tu tập: tức là sống ở nơi kia, siêng tu hai pháp

là Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Quả tu: Sao gọi là đã tu tập Xa-ma-tha, nương Tỳ-bát-xá-na mà được giải thoát? Như có người trước đã đắc sơ tinh lự cho đến đệ tứ tinh lự, vị kia nương tam-ma-địa đây như thật biết khổ cho đến biết đạo. Vị kia tức nương Tỳ-bát-xá-na đây, nơi các phiền não kiến sở đoạn, tâm đắc giải thoát.

Sao gọi là đã tu tập Tỳ-bát-xá-na, nương Xa-ma-tha tâm đắc giải thoát? Như có người như thật biết khổ cho đến biết đạo, vị kia nương tăng thượng tuệ như vậy phát sanh tinh lự. Tức do Xa-ma-tha như vậy, ở trong các phiền não tu sở đoạn, tâm đắc giải thoát.

Như vậy tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na rồi, ở trong các cõi mà được giải thoát. Vì đoạn các hành kiến đạo sở đoạn, gọi là đoạn giới. Vì đoạn các hành tu đạo sở đoạn, gọi là ly dục giới. Vì tất cả hữu chấp đều vĩnh viễn diệt, gọi là diệt giới. Đây gọi là quả tu.

Ở trong thánh giáo không trái tranh: đó là đại sư và các đệ tử, hoặc nghĩa, hoặc câu văn, ở nơi văn, câu, nghĩa đều bình đẳng hòa hợp, tùy thuận lẫn nhau. Chẳng phải như thi thiết kiến giải của

dị đạo, có chủng chủng kiến giải chẳng phải một, sai biệt chẳng đồng.

Ví như cú thứ nhất gọi là tiên cú. Nếu lấy cú đây hỏi đối với cú một đầu tiên, tức cũng lấy cú đây mà hỏi đối với cú thứ hai. Giả sử ở cú một đầu tiên nương uẩn mà hỏi, ở cú thứ hai lại nương pháp khác mà hỏi, liền không được gọi là cùng cú thứ nhất bình đẳng hòa hợp, qua lại thuận theo nhau.

Thứ 7. PHI TAM MA HÍ ĐA ĐỊA

Như vậy đã thuyết Tam-ma-hí-đa địa. Sao gọi là *Phi tam-ma-hí-đa địa*? Nên biết tướng địa đây lược có 12 chủng:

1. Hoặc vì có tự tánh bất định, gọi là phi định địa. Đó là năm thức thân.

2. Hoặc vì thiếu đi sự khinh an, gọi là phi định địa. Đó là các tâm, tâm pháp hệ thuộc Dục giới. Các tâm, tâm pháp kia tuy cũng có tâm tánh nhất cảnh, nhưng vì không có khinh an âm thầm nhuần chuyển, nên không gọi là định.

3. Hoặc vì có sự chẳng phát khởi hướng đến, gọi là phi định địa. Đó là kẻ thọ dụng, ở trong các dụng thường thọ dụng sanh nhiễm trước sâu dầy.

4. Hoặc vì rất tán loạn, gọi là phi định địa. Đó là người mới tu định, nơi tâm lưu tán theo năm diêu dụng.

5. Hoặc vì tụ hội yếu ớt, gọi là phi định địa. Đó là người mới tu định, nội tâm yếu ớt, có hôn trầm thụy miên che lấp.

6. Hoặc vì chưa chứng đắc, gọi là phi định địa. Đó là người mới tu định, tuy không tán loạn và sự tụ hội yếu ớt xoay vần nhiều não tâm, nhưng do vẫn còn chưa đắc các tác ý, nên các tâm tâm pháp không được gọi là định.

7. Hoặc vì chưa viên mãn, gọi là phi định địa. Đó là tuy đắc tác ý, nhưng chưa chứng đắc gia hạnh cứu cánh và quả gia hạnh cứu cánh, nên không gọi là định.

8. Hoặc vì có tạp nhiễm ô, gọi là phi định địa. Đó là tuy chứng đắc tác ý quả gia hạnh cứu cánh, nhưng bị chũng chũng hoặc như ái vị... nhiễm ô tâm.

9. Hoặc vì không tự tại, gọi là phi định địa. Đó là tuy đã đắc tác ý quả gia hạnh cứu cánh, tâm

cũng không bị phiền não nhiễm ô, nhưng ở nơi các tướng nhập, trụ, xuất định chưa được tự tại theo ý muốn, còn rít rắm khó khăn.

10. Hoặc vì không thanh tịnh, gọi là phi định địa. Đó là tuy được tự tại tùy theo chỗ muốn, không rít rắm không khó khăn, nhưng vì chỉ tu đặc định thế gian, chưa thể vĩnh viễn diệt trừ phiền não tùy miên, các tâm tâm pháp chưa gọi là định.

11. Hoặc vì xuất ra, gọi là phi định địa. Đó là sở đặc định tuy không thối thất, nhưng vì xuất định nên không gọi là định.

12. Hoặc vì thối thất, gọi là phi định địa. Đó là vì thối thất sở đặc tam-ma-địa, nên không gọi là định.

Thứ 8. HỮU TÂM ĐỊA

Thứ 9. VÔ TÂM ĐỊA

Như vậy đã thuyết Phi tam-ma-hí-đa địa.

Sao gọi là *Hữu tâm địa*? Sao gọi là *Vô tâm địa*? Tướng hai địa đây đều do 5 môn: 1. Do môn

địa thi thiết kiến lập; 2. Do môn tâm loạn, không loạn kiến lập; 3. Do môn sanh, không sanh kiến lập; 4. Do môn phân vị kiến lập; 5. Do môn đệ nhất nghĩa kiến lập.

1. Do môn địa thi thiết kiến lập:

Đó là Năm thức thân tương ưng địa, Ý địa, Có tâm có tứ địa, Không tâm chỉ tứ địa. Bốn địa đây chỉ một hướng là Hữu tâm địa.

Trong Không tâm không tứ địa, trừ Vô tướng định bao gồm Vô tướng sanh và Diệt tận định, còn lại một hướng là Hữu tâm địa.

Hoặc Vô tướng định, hoặc Vô tướng sanh và Diệt tận định, đây là Vô tâm địa.

2. Do môn tâm loạn, không loạn kiến lập:

Đó là bốn sự điên đảo khiến nơi tâm điên đảo, gọi là tâm loạn. Nếu bốn điên đảo này khiến tâm không điên đảo, gọi là tâm không loạn.

Tâm loạn cũng gọi là vô tâm, vì tánh thất thường tan hoại. Như thế gian thấy có kẻ tâm bị cuồng loạn, liền nói người này không có tâm, bởi tâm cuồng loạn đánh mất bản tánh. Trong môn

đây, các tâm loạn điên đảo gọi là Vô tâm địa, nếu tâm không loạn gọi là Hữu tâm địa.

3. Do môn sanh, không sanh kiến lập:

Đó là 8 nhân duyên khiến tâm hoặc sanh, hoặc lại chẳng sanh, bao gồm: vì căn bị hư hoại, vì cảnh không hiện tiền, vì khuyết tác ý, vì chưa đắc, vì trái nhau, vì đã đoạn, vì đã diệt, vì đã sanh, cho nên tâm không được sanh. Trái với các nhân duyên đây, tâm liền được sanh.

Trong đây hoặc nhân duyên sanh đầy đủ, tâm liền được sanh, gọi là Hữu tâm địa. Hoặc vì gặp nhân duyên tâm chẳng sanh, tâm liền không sanh, gọi là Vô tâm địa.

4. Do môn phân vị kiến lập:

Đó là trừ 6 vị, nên biết còn lại gọi là Hữu tâm địa. Những gì là sáu? Đó là: vị vô tâm thù miên, vị vô tâm phiền muộn, vị Vô tướng định, vị Vô tướng sanh, vị Diệt tận định và vị Vô dư y Niết-bàn giới. Sáu vị như vậy gọi là Vô tâm địa.

5. Do môn đệ nhất nghĩa kiến lập:

Đó là chỉ ở trong Vô dư y Niết-bàn giới mới là

Vô tâm địa. Vì có sao? Vì ở trong cõi giới đây, A-lại-da thức vĩnh viễn diệt. Các vị còn lại tuy chuyển thức diệt gọi là Vô tâm địa, nhưng A-lại-da thức chưa vĩnh viễn diệt tận, nên đối với đệ nhất nghĩa không phải là Vô tâm địa.

Thứ 10. VĂN SỞ THÀNH ĐỊA

Phần 1

Như vậy đã thuyết hai địa là Hữu tâm địa và Vô tâm địa.

Sao gọi là *Văn sở thành địa*? Nếu nói lược tức là ở nơi năm minh xứ có vô lượng danh, cú, văn, thân sai biệt. Giác tuệ làm tiền dẫn, lắng nghe, lãnh thọ, đọc tụng, nhớ nghĩ. Lại ở trong nghĩa nương theo danh thân, cú thân, văn thân, hiểu biết không điên đảo. Như vậy gọi là Văn sở thành địa.

Những gì gọi là 5 minh xứ? Đó là: **A.** Nội minh xứ; **B.** Ý phương minh xứ; **C.** Nhân minh xứ; **D.** Thanh minh xứ; **E.** Công nghiệp minh xứ.

A. Nội minh xứ:

Nếu nói tóm lược thì do 4 chủng tướng: **1.** Do tướng sự thi thiết kiến lập; **2.** Do tướng tướng sai khác thi thiết kiến lập; **3.** Do tướng nhiếp nghĩa thánh giáo; **4.** Do tướng chỗ Phật dạy cần nên biết.

1. Do tướng sự thi thiết kiến lập:

Đó là 3 chủng sự tổng nhiếp tất cả lời dạy của chư Phật: **1.** Sự Tố-đát-lãm (Kinh); **2.** Sự Tỳ-nại-da (Luật); **3.** Sự Ma-đát-lý-ca (Luận). Ba sự như vậy trong phần Nhiếp sự sẽ phân biệt rộng.

2. Do tướng tướng sai khác thi thiết kiến lập:

Ốt-Đà-Nam nói:

*Cú, mê hoặc, hý luận,
Trụ, chân thật, tịnh, diệu,
Tịch tĩnh, tánh, đạo lý,
Giả thi thiết, hiện quán.*

Sao gọi là Cú? Đó là 6 nội xứ, vô lượng cảnh giới, vô lượng phương sở, vô lượng thời phần.

Lại có 2 tánh không: **1.** Bồ-đặc-già-la tánh

không; 2. Pháp tánh không.

Lại có 2 tánh vô ngã: 1. Bỏ-đặc-già-la tánh vô ngã; 2. Pháp tánh vô ngã.

Lại có quán hành xa lìa hai biên: 1. Xa lìa biên tăng ích; 2. Xa lìa biên tổn giảm.

Lại có 3 giới: 1. Dục giới; 2. Sắc giới; 3. Vô sắc giới.

Lại có 3 giới: 1. Tiểu thiên thế giới; 2. Trung thiên thế giới; 3. Tam thiên đại thiên thế giới.

Lại có 3 thọ: 1. Thọ khổ; 2. Thọ lạc; 3. Thọ không khổ không lạc.

Lại có 3 đời: 1. Quá khứ; 2. Hiện tại; 3. Vị lai.

Lại có 3 bảo: 1. Phật bảo; 2. Pháp bảo; 3. Tăng bảo.

Lại có 3 pháp: 1. Pháp thiện; 2. Pháp bất thiện; 3. Pháp vô ký.

Lại có 3 chủng tự tánh: 1. Tự tánh biến kế sở chấp; 2. Tự tánh y tha khởi; 3. Tự tánh viên thành thật.

Lại có 3 tánh vô tánh: 1. Tánh tương vô tánh; 2. Tánh sanh vô tánh; 3. Tánh thắng nghĩa vô tánh.

Lại có 3 tạp nhiễm: 1. Phiền não tạp nhiễm; 2. Nghiệp tạp nhiễm; 3. Sanh tạp nhiễm.

Lại có 4 chúng: 1. Chúng tại gia; 2. Chúng xuất gia, 3. Chúng Ô-ba-sách-ca (cận sự nam); 4. Chúng phi nhân.

Lại có 4 thánh đế: 1. Khổ thánh đế; 2. Tập thánh đế; 3. Diệt thánh đế; 4. Đạo thánh đế.

Lại có 4 quả Sa-môn: 1. Quả Dự lưu; 2. Quả Nhất lai; 3. Quả Bất hoàn; 4. Quả tối thắng A-la-hán.

Lại có 4 chủng chân thật: 1. Sự chân thật thành tựu thế gian; 2. Sự chân thật thành tựu đạo lý; 3. Sự chân thật sở hành của trí do phiền não chướng thanh tịnh; 4. Sự chân thật sở hành của trí do sở tri chướng thanh tịnh.

Lại có 4 tầm tư: 1. Tầm tư danh; 2. Tầm tư sự; 3. Tầm tư giả lập tự tánh; 4. Tầm tư giả lập sai biệt.

Lại có 4 như thật biến trí: 1. Tầm tư danh dẫn phát như thật biến trí; 2. Tầm tư sự dẫn phát như thật biến trí; 3. Tầm tư giả lập tự tánh dẫn phát như thật biến trí; 4. Tầm tư giả lập sai biệt dẫn phát như thật biến trí.

Lại có 5 sự Phương quảng Đại thừa: 1. Tướng; 2. Danh; 3. Phân biệt; 4. Chân như; 5. Chánh trí.

Lại có 5 tướng Đại bồ-đề: 1. Vì tự tánh; 2. Vì công

năng; 3. Vì phương tiện; 4. Vì chuyển; 5. Vì hoàn.

Lại có 5 chủng Đại thừa: 1. Chủng tử; 2. Thú nhập; 3. Thú lớp; 4. Chánh hành; 5. Quả chánh hành. Đó là phát tâm ban đầu, bi mẫn thương xót hữu tình, Ba-la-mật-đa, nhiếp việc chúng sanh, mình người tương tục thành thực.

Lại có 5 tướng vô lượng: 1. Tướng hữu tình giới vô lượng; 2. Tướng thế giới vô lượng; 3. Tướng pháp giới vô lượng; 4. Tướng sở điều phục giới vô lượng; 5. Tướng phương tiện điều phục giới vô lượng.

Lại có nghĩa *tùy đến chân thật*, đó là ở trong tất cả pháp vô lượng, như thật *tùy đến* khắp và ở nơi trí kia.

Lại có thứ lớp 9 đẳng chí: đó là sơ tĩnh lự đẳng chí, cho đến diệt thọ tướng đẳng chí.

Lại có 37 pháp Bồ-đề phần: đó là bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám đạo chi.

Lại có uy đức thắng giải bất tư nghì vô chướng ngại trí, ba mươi hai tướng Đại sĩ phu, tám mươi chủng tướng tùy hình, bốn chủng nhất thiết tướng thanh tịnh, mười lực, bốn vô sở úy, ba niệm trụ, ba pháp bất hộ, đại bi, vô vong thất, diệu trí bạt trừ

tất cả tướng tập khí..

Lại có rất nhiều các công đức thắng diệu, đó là: vô lượng, giải thoát, thắng xứ, biến xứ, vô trính, nguyện trí, vô ngại giải, sáu thần thông..

Các cú như vậy, tóm lược chỉ có 2 cú, đó là cú được nói trong Thanh văn thừa và cú được nói trong Đại thừa.

Sao gọi là mê hoặc? Là 4 điên đảo: 1. Ở nơi vô thường, điên đảo kế chấp cho là thường; 2. Ở nơi khổ, điên đảo kế chấp cho là vui; 3. Ở nơi bất tịnh, điên đảo kế chấp cho là tịnh; 4. Ở nơi vô ngã điên đảo kế chấp cho là ngã.

Sao gọi là hý luận? Là các uẩn của tất cả phiền não và tạp phiền não.

Sao gọi là trụ? Là bốn thức trụ hoặc bảy thức trụ.

Sao gọi là chân thật? Là chân như và bốn thánh đế.

Sao gọi là tịnh? Là 3 tánh thanh tịnh: 1. Tánh tự thể thanh tịnh; 2. Tánh cảnh giới thanh tịnh; 3. Tánh phần vị thanh tịnh.

Sao gọi là diệu? Là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, gọi là tối vi diệu, vì thuộc trong số thi

thiết tối đệ nhất.

Sao gọi là tịch tĩnh? Là từ muốn thiện pháp cho đến tất cả pháp Bồ-đề phần và sở đắc quả, đều gọi là tịch tĩnh.

Sao gọi là tánh? Là tướng thể của các pháp, hoặc tự tướng, hoặc cộng tướng, hoặc tướng giả lập, hoặc tướng nhân, hoặc tướng quả...

Sao gọi là đạo lý? Là các duyên khởi và bốn đạo lý.

Sao gọi là giả thi thiết? Là chỉ ở nơi pháp giả lập bổ-đặc-già-la và ở nơi tướng chỉ có giả lập các pháp.

Sao gọi là hiện quán? Là sáu chủng tử hiện quán, như Có tâm có tứ địa đã thuyết.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*Phương sở, vị, phân biệt,
Tác, chấp trì, tăng, giảm,
Tối, ngôn, sở giác, thượng,
Xa lìa, chuyển, tàng hộ.*

Sao gọi là phương sở? Là sắc uẩn.

Sao gọi là vị? Là thọ uẩn.

Sao gọi là phân biệt? Là tưởng uẩn.

Sao gọi là tác? Là hành uẩn.

Sao gọi là chấp trì? Là thức uẩn.

Sao gọi là tăng? Có 2 chủng: 1. Phiền não tăng; 2. Nghiệp tăng. Như tăng có hai chủng, nên biết giảm cũng vậy.

Sao gọi là tối? Là vô minh và nghi.

Sao gọi là ngôn? Là mười hai phần giáo của chư Như lai, gọi là ngôn.

Sao gọi là sở giác? Là nghĩa được nói của vô số âm thanh kia kia, gọi là sở giác.

Sao gọi là thượng? Là bốn quả Sa-môn.

Sao gọi là xa lìa? Là 5 chủng xa lìa: 1. Xa lìa ác hạnh; 2. Xa lìa dục; 3. Xa lìa vật dụng; 4. Xa lìa sự loạn động; 5. Xa lìa phiền não.

Sao gọi là chuyển? Là năm thú ba cõi.

Sao gọi là tàng hộ? Tức là luyến tiếc quá khứ, hy vọng mong muốn vị lai, dấn trước hiện tại.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Tư trạch cùng hiện hành,
Tùy miên và tương tục
Các tướng nhiếp, tương ưng,
Thuyết, trụ giữ, thứ lớp.*

Sao gọi là tư trạch? Đó là một hành thuận cú trước, thuận cú sau, tứ cú, vô sự cú.

Lại có pháp có sắc, pháp không sắc; pháp có thấy, pháp không thấy; pháp có đối, pháp không đối; pháp hữu lậu, pháp vô lậu; pháp hữu vi, pháp vô vi; pháp có tranh, pháp không tranh; pháp có đấm mùi vị, pháp không đấm mùi vị; pháp nương mê say đấm luyến, pháp nương xuất ly; pháp thế gian, pháp xuất thế gian; pháp có hệ thuộc, pháp không hệ thuộc; pháp nội, pháp ngoại; pháp thô, pháp tế; pháp liệt, pháp thắng; pháp xa, pháp gần; pháp có sở duyên, pháp không sở duyên; pháp tương ứng, pháp không tương ứng; pháp có hành, pháp không hành; pháp hữu y, pháp vô y; pháp nhân, pháp không phải nhân; pháp quả, pháp chẳng phải quả; pháp dị thực, pháp chẳng phải dị thực; pháp có nhân, pháp không phải có nhân; pháp có quả, pháp không phải có quả; pháp có dị thực, pháp không có dị thực; pháp có chấp thọ, pháp không chấp thọ; pháp đại chủng tạo, pháp không phải đại chủng tạo; pháp đồng phạm, pháp đồng phạm kia; pháp hữu thượng, pháp vô thượng.

Lại có pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện

tại; pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký; pháp hệ thuộc Dục, pháp hệ thuộc Sắc, pháp hệ thuộc Vô sắc; pháp học, pháp vô học, pháp phi học phi vô học; pháp kiến sở đoạn, pháp tu sở đoạn, pháp không có đoạn.

Lại có 4 duyên: 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô gián duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên.

Lại có 4 y: 1. Pháp là chỗ y, chẳng phải bổ-đặc-già-la; 2. Nghĩa là chỗ y, chẳng phải văn; 3. Kinh liễu nghĩa là chỗ y, chẳng phải kinh bất liễu nghĩa; 4. Trí là chỗ y, chẳng phải thức.

Lại có pháp bốn vô lượng, pháp bốn niệm trụ, pháp bốn chánh đoạn, pháp bốn thần túc, pháp năm căn, pháp năm lực, pháp bảy giác chi, pháp tám thánh đạo chi, pháp bốn hành tích, pháp bốn pháp tích, pháp Xa-ma-tha, pháp Tỳ-bát-xá-na, pháp tăng thượng giới, pháp tăng thượng tâm, pháp tăng thượng tuệ, pháp giải thoát, pháp thắng xứ, pháp biến xứ. Hết thấy pháp như thế có vô lượng vô biên, phải nên tư trạch.

Sao gọi là hiện hành? Là các phiền não triền.

Sao gọi là thù miên? Là các phiền não tùy miên.

Sao gọi là tương thuộc? Là sáu nội xứ trong thân, nên biết triển chuyển hệ thuộc xoay vần lẫn nhau. Lại nếu pháp đây năng dẫn pháp kia, nên biết đây kia xoay vần hệ thuộc lẫn nhau. Lại các căn, cảnh, nên biết năng thủ, sở thủ xoay vần hệ thuộc lẫn nhau.

Sao gọi là nhiếp? Là 16 chủng nhiếp: 1. Nhiếp giới; 2. Nhiếp tướng; 3. Nhiếp chủng loại; 4. Nhiếp phần vị; 5. Nhiếp không lìa nhau; 6. Nhiếp thời; 7. Nhiếp phương; 8. Nhiếp một phần; 9. Nhiếp đầy đủ phần; 10. Nhiếp thắng nghĩa; 11. Nhiếp uẩn; 12. Nhiếp giới; 13. Nhiếp xứ; 14. Nhiếp duyên khởi; 15. Nhiếp xứ phi xứ; 16. Nhiếp căn.

Sao gọi là tương ứng? Nên biết tướng đây lược có 5 chủng: 1. Tương ứng cùng với tha tánh, không phải tự tánh; 2. Ở trong tha tánh, tương ứng với không trái nhau, không phải trái nhau; 3. Ở trong không trái nhau, phẩm duyên, trung, thượng cùng tương ứng với phẩm duyên, trung, thượng của chính nó, không phải phẩm khác; 4. Ở trong phẩm duyên, trung, thượng, tương ứng đồng thời, chẳng phải khác thời; 5. Ở trong đồng thời, tương ứng cùng địa, chẳng phải khác địa.

Sao gọi là thuyết? Là 4 chủng ngôn thuyết: 1. Ngôn thuyết của kiến; 2. Ngôn thuyết của văn; 3. Ngôn thuyết của giác; 4. Ngôn thuyết của tri.

Sao gọi là trụ giữ? Là 4 thực: 1. Đoạn thực; 2. Xúc thực; 3. Ý tư thực; 4. Thức thực.

Sao gọi là thứ lớp? Đó là 6 chủng thứ lớp: 1. Lưu chuyển thứ lớp; 2. Sở tác thành tựu thứ lớp; 3. Tuyên thuyết thứ lớp; 4. Sanh khởi thứ lớp; 5. Hiện quán thứ lớp; 6. Đẳng chí thứ lớp.

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Sở tác và sở duyên
Cùng Du-già, chỉ, quán
Tác ý cùng dạy trao,
Đức, Bồ-đề, thánh giáo.*

Sao gọi là sở tác? Là 8 chủng sở tác: 1. Diệt trừ y chỉ; 2. Chuyển y chỉ; 3. Biết khắp sở duyên; 4. Hỷ lạc sở duyên; 5. Đắc quả; 6. Ly dục; 7. Chuyển căn; 8. Dẫn phát thần thông.

Sao gọi là sở duyên? Là 4 chủng sở duyên: 1. Sở duyên biến mãn; 2. Sở duyên tịnh hành; 3. Sở duyên thiện xảo; 4. Sở duyên tịnh phiền não.

Sao gọi là Du-già? Hoặc 4 chủng, hoặc 9 chủng.

Bốn chủng Du-già: 1. Tín; 2. Dục; 3. Tấn; 4. Phương tiện.

Chín chủng Du-già: 1. Đạo thế gian; 2. Đạo xuất thế gian; 3. Đạo phương tiện; 4. Đạo không gián đoạn; 5. Đạo giải thoát; 6. Đạo thắng tiến; 7. Đạo phẩm nhuyễn; 8. Đạo phẩm trung; 9. Đạo phẩm thượng.

Sao gọi là chỉ? Là 9 chủng tâm trụ.

Sao gọi là quán? Là hoặc 3 quán sự, hoặc 4 quán hành, hoặc 6 quán sở duyên sự sai biệt.

Ba quán sự: 1. Quán hữu tướng; 2. Quán tầm cầu; 3. Quán tứ sát.

Bốn quán hành: 1. Ở trong các pháp, quán hành giản trạch; 2. Quán hành cực giản trạch; 3. Quán hành khắp tầm tư; 4. Quán hành khắp tứ sát.

Sáu quán sở duyên sự sai biệt: 1. Quán sở duyên nghĩa; 2. Quán sở duyên sự; 3. Quán sở duyên tướng; 4. Quán sở duyên phẩm; 5. Quán sở duyên thời; 6. Quán sở duyên đạo lý.

Sao gọi là tác ý? Là 7 chủng tác ý. Hết thấy tướng đây như trước đã thuyết.

Sao gọi là dạy trao? Là 5 chủng dạy trao: 1. Dạy trao giáo; 2. Dạy trao chúng; 3. Dạy trao thứ lớp; 4. Dạy trao không diên đảo; 5. Dạy trao thần biến.

Sao gọi là đức? Đó là vô lượng giải thoát... như trong *Cú đã thuyết*.

Sao gọi là Bồ-đề? Là 3 chủng Bồ-đề: 1. Thanh văn Bồ-đề; 2. Độc giác Bồ-đề; 3. A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề.

Sao gọi là Thánh giáo? Tức là truyền dạy để làm nơi quy về. Chế lập học xứ. Xây dựng việc giảng nói, lắng nghe. Kiến lập thầy trò. Luận thí, luận giới, luận sanh thiên. Chê trách mùi vị của ái dục. Bảo cho biết quá thất của dục. Hiển nói pháp tạp nhiễm và thanh tịnh. Dạy dẫn xuất ly cùng với viễn ly. Xưng khen công đức. Cho đến nói rộng vô lượng vô biên pháp phẩm thanh tịnh.

3. Do tướng nhiếp nghĩa thánh giáo:

Trong đây có pháp năng tu tập, tức là đối với các thiện pháp chuyên chí thực hành, tương tục thực hành, siêng tu phương tiện.

Có pháp sở tu tập: tức là sở hữu các thiện pháp.

Có pháp có quá hoạn: tức là pháp nên biết khắp.

Có pháp có nhiễm ô: tức là pháp chẳng nên đắm trước, nên chế phục và đoạn trừ.

Có pháp chương ngại: tức là pháp trái nghịch hiện quán cứu cánh.

Có pháp tùy thuận: tức là pháp tùy thuận hiện quán cứu cánh.

Có pháp nhiếp thuộc chân như: tức là pháp nên giác ngộ.

Có pháp nhiếp thuộc đức thù thắng: tức là pháp nên dẫn phát.

Có pháp tùy thuận thế gian: tức là pháp nên tu tập, nên đoạn trừ và đoạn rồi hiện hành.

Có pháp đặc cứu cánh: tức là pháp nên chứng đắc tự nghĩa cứu cánh.

4. Do tướng Phật dạy cần nên biết:

Nên biết trong đây, tất cả hữu tình có 3 chủng trụ, đó là: trụ mỗi ngày, trụ thọ tận và trụ sanh khởi triển chuyển thiện pháp khả ái.

Trụ thứ nhất là do thức ăn lực tăng thượng.

Trụ thứ hai là do mạng hành lực tăng thượng.

Trụ thứ ba là do đối với các thiện pháp, không phóng dật lực tăng thượng.

Ở trong các pháp bất thiện và vô ký, cũng có pháp tương tự không phóng dật, như trong việc sát

sanh và trong oai nghi công xảo... quán xét kỹ lưỡng mới có hành động. Ở trong thiện pháp có pháp không phóng dật, tức vì ở trong hiện pháp cho đến năng đắc Bát-niết-bàn và vì ở trong hậu pháp sanh đến thiện thú, có rất nhiều điều cần phải làm.

Lại nữa, nương vào hữu tình thế gian và khí thế gian có 2 chủng pháp năng nhiếp tất cả sự hý luận: 1. Pháp năng thủ; 2. Pháp sở y, sở thủ của kia.

Lại các thế gian lược có 2 chủng tạp nhiễm căn bản, năng dẫn tạp nhiễm vô nghĩa, không lợi ích: 1. Đối với sự chân thật không hành hiểu biết chân chánh; 2. Kia trước tiên mong cầu những điều vô nghĩa.

Lại ngoài chánh pháp, hoặc các Sa-môn hoặc Bà-la-môn, lược có 2 chủng tạp nhiễm căn bản: 1. Vì thân kiến lược tăng thượng, tìm cầu ngã là thường; 2. Tìm cầu ngã là đoạn.

Lại các hữu tình lược có 2 chủng các khổ căn bản: 1. Ở nơi pháp hữu lậu đồng hành với hỷ ái, có các sự mong muốn; 2. Ở nơi pháp phi lý dẫn dắt đồng hành chán lìa, có các sự mong muốn.

Lại có 2 chủng pháp dạy trao dạy răn, thầy và đệ tử trái nhau: 1. Các đệ tử chẳng thể kham nhẫn

lãnh thọ những lời dạy bảo; 2. Thầy có sở kiến diên đảo, tập hành tà hạnh.

Trái với tướng đây tức là hai pháp phẩm bạch.

Lại có 27 pháp có thể trái vượt cảnh giới chánh hạnh thế gian, xuất thế gian. Tức là đối với những điều phi pháp tăng thượng do mình tạo tác, sanh quả bất khả ái, không quay lại suy xét tội đã làm, không biết hổ thẹn. Đối với việc suy thối trong hiện pháp như bị người khác trối giết... không quay lại suy xét tội đã làm, không có hổ thẹn. Trái với tướng đây nên biết tức là hai pháp phẩm bạch.

Lại có 2 chủng kiến lập không diên đảo, năng khiến hành giả ít dụng công lực mà an trụ nơi phạm hạnh, trọn không uống phí: 1. Lập học xứ chân chánh: nếu có sự trái vượt liền mắc phải tội lớn, nếu không trái vượt sẽ sanh phước lớn; 2. Chánh lập xuất ly, chân thành khiến người đã trái vượt chóng trở lại ra khỏi và xa lìa.

Lại có 2 pháp năng khiến người làm được lợi mình người: 1. Người sống hạnh viễn ly, tâm thường an định lạc trú hiện pháp; 2. Người sống ở nơi huyền não, có người đến cầu pháp thời thời vì

người kia mà thuyết, năng khiến chánh pháp tương tục cứu trụ.

Lại có 2 pháp năng khiến hữu tình, bên ngoài nghe âm thanh của người, bên trong chánh tác ý. Vì hai nhân duyên khiến ở trong hiện pháp nhập hiện quán đế, hoặc ở đời đương lai các căn thành thực: 1. Đối với nhân sanh pháp, chánh thông đạt nhân; 2. Đối với những điều Như Lai đã thuyết, có sự thẩm sâu tương tự thẩm sâu kinh tương ứng với không, tất cả duyên tánh duyên khởi, thuận theo đó tác ý lớp lớp tư duy.

Lại có 2 pháp năng khiến bổ-đặc-già-la các căn thành thực, nhanh chóng chứng thông tuệ: 1. Đối với sự dạy trao dạy răn, xa lìa đối nhị; 2. Chán lìa làm tiền dẫn, thân ngữ ý hành lìa những việc cợt đùa vui chơi.

Lại có 2 pháp khiến ở một nơi cùng với đồng phạm hạnh, triển chuyển đều được trụ an lạc: 1. Kham nhẫn khi bị người bức nã; 2. Tự mình không bức bách đối với người.

Lại có 2 pháp khiến ở một nơi cùng với đồng phạm hạnh, những sự tranh cãi chưa sanh thì ngăn ngừa khiến không sanh; nếu đã sanh, khiến nhanh

chóng dứt trừ, không đấu tranh, không kiện tụng, không tranh cãi không ganh đua: 1. Triển chuyển xoay vần khởi từ tâm; 2. Bình đẳng thọ dụng pháp tiền của.

Lại có 2 pháp nhanh chóng khiến tâm trụ, đắc tam-ma-địa thanh tịnh phạm hạnh: 1. Vì nhớ nghĩ, gìn giữ việc làm lời nói dài lâu lực tăng thượng. Nếu có chỗ vi phạm liền như pháp hối trừ. Nếu không có lỗi phạm, liền sanh hoan hỷ. Đêm ngày tùy học không phế bỏ. 2. Ở nơi tất cả sự nghiệp thân ngữ ý, năng chánh rõ biết lực tăng thượng, nên đối với các quá thất trọn không vi phạm. Do nhân duyên đây cũng không ưu hối, tùy sanh hoan hỷ, nói rộng cho đến giải thoát tri kiến.

Lại có 2 pháp năng vượt các khổ, đó là năng siêu vượt các khổ ác thú và năng siêu vượt sanh tử đại khổ: 1. Vì thấy sâu các quá hoạn hiện pháp đương lai, xa lìa ác hành; 2. Tâm thường an định, tinh cần tu tập pháp Bồ-đề phần.

Lại có 2 pháp năng khiến người tu đoạn sống hạnh xa lìa được trụ an lạc: 1. Ở các cảnh giới chẳng sanh tạp nhiễm, không bị các ác tầm tư nhiễu loạn tâm; 2. Phạm việc ăn uống chỉ vì lợi

ích, vừa đủ lượng tiêu hóa, năng thuận theo đó mà ngăn dút, khiến thân điều hòa thích hợp.

Lại có 2 pháp khiến các Bí-sô tu phẩm thiện... không để thời gian trôi qua hư luống: 1. Đối với các căn cảnh, chánh siêng tu phương tiện, nghiên cứu pháp tướng; 2. Biết thời, biết lượng, ít tập ngủ nghỉ.

Lại có 2 pháp năng hoại tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học: 1. Kiến lập tà học, trái vượt chánh học và ôm lòng do dự; 2. Tăng thêm tà kiến tổn giảm quyết định. Trái với tướng đây nên biết là hai pháp phẩm bạch.

Lại có 2 pháp năng khiến bồ-đặc-già-la đã tích tập tư lương Bồ-đề mà chưa nhập hiện quán, chóng nhập hiện quán: 1. Tư duy sự suy thoái, hưng thịnh của mình, người ở hiện tại và quá khứ; 2. Siêng tu hành đế nhiếp lấy tác ý không điên đảo.

Lại có 2 pháp khiến người quán hành lìa cấu phạm hạnh, chóng đắc viên mãn cho đến tối cực cứu cánh: 1. Tu hiện quán đế; 2. Về sau siêng tu phương tiện ly dục, ở nơi các đẳng chí không các ái vị, lìa các chướng nạn.

Lại có 2 pháp khiến người quán hành chóng

năng dẫn phát tất cả đức thù thắng thế gian, xuất thế gian: 1. Chín tướng tâm trụ; 2. Do sáu chủng sự, dùng tâm chánh định phân biệt lựa chọn các pháp, như Thanh văn địa sẽ rộng phân biệt.

Lại người quán hành có 2 chủng tịnh: 1. Tác ý tịnh; 2. Sở y tịnh. Ở trong ba đời xa lìa ngu si, trí thanh tịnh, gọi là tác ý tịnh. Là các pháp phiền não phẩm thô trọng của ba cõi, gọi là sở y tịnh.

Lại có 2 pháp các A-la-hán tâm thiện giải thoát tự chứng bên trong: 1. Ở trong hiện pháp, nhân khổ vĩnh viễn tận; 2. Do đây làm tiền dẫn, ở đời đương lai khổ rốt ráo chẳng sanh.



Quyển 14

Thứ 10. VĂN SỞ THÀNH ĐỊA

Phần 2

Như vậy đã thuyết 2 chủng Phật dạy cần nên biết. Lại thuyết 3 chủng, đó là do nương 10 tướng, 3 môn, 3 chủng và 3 căn mà các hữu tình phát khởi tà hạnh, năng khiến hữu tình đọa các ác thú.

Mười tướng: 1. Hoại sanh mạng; 2. Hoại tài vật; 3. Hoại thê thiếp; 4. Hoại thật nghĩa; 5. Hoại bạn tốt; 6. Hoại điều xưng khen tốt đẹp; 7. Hoại các sự nghiệp hành vi. Ý có 3 điều vẫn đục: 1. Nhận lãnh tài vật của người, muốn lấy làm sở hữu của mình; 2. Muốn khiến người gặp phải những việc không tốt đẹp; 3. Sở hữu ác kiến phỉ báng điều chân thật.

Ba chủng: 1. Tọa làm của thân; 2. Tọa làm của ngữ; 3. Tọa tác của ý.

Ba môn: 1. Môn tác nghiệp hủy hoại; 2. Môn ý lạc hủy hoại; 3. Môn phương tiện hủy hoại.

Ở trong 10 tướng, 7 chủng trước là tác nghiệp

hủy hoại; 2 chủng kế tiếp là ý lạc hủy hoại; chủng cuối cùng là phương tiện hủy hoại, đó là sở hữu ác kiến. Vì ác kiến đây, tất cả thẹn hổ, từ bi, xa lìa các hành ác tất đều bị hủy hoại, không có hổ thẹn, không có từ bi, rộng tạo các ác.

Ba căn: 1. Tướng lợi ích mình; 2. Tướng tổn hại người; 3. Tướng điên đảo đối với người. Đó là đối với phi pháp khởi tướng cho là pháp, đối với việc chẳng nên làm khởi tướng nên làm và chấp giữ kiên cố hiện hành.

Lại có 3 pháp năng khiến hữu tình không giữ gìn các căn: 1. Ở trong y chỉ có chủng tử tà pháp; 2. Ở nơi các cảnh giới, giữ lấy tướng bất chánh; 3. Ở chỗ kín đáo, tư duy bất chánh. Ba chủng như vậy nên biết tức là dục tham, sân khuể và hại.

Nương 4 xứ, phát sanh 3 chủng tâm tư bất chánh: 1. Đối với xứ là bốn chủng pháp phẩm bạch (như lợi ích cho bản thân mình...) vì muốn đạt được, hoặc vì không muốn mất, nên sanh tâm tư dục. 2. Đối với xứ là hai phẩm hữu tình oán và trung dung, muốn làm chướng ngại kia, sanh tâm tư khuể. 3. Đối với xứ là phẩm hữu tình thân hữu, sanh tâm tư hại. Việc ấy thế nào? Nếu lúc phẩm thân hữu vi phạm,

đối với kia không khởi muốn trừng phạt hoàn toàn, chỉ muốn dùng trị phạt răn đe nhẹ. Trái với tướng đây, tùy theo thứ tự là sở hữu phẩm bạch.

Lược có 4 loại chủng tử nội pháp, nhiếp khắp tất cả chủng tử các pháp: 1. Chủng tử thế gian; 2. Chủng tử xuất thế gian; 3. Chủng tử không thanh tịnh; 4. Chủng tử thanh tịnh. Chủng tử thế gian tức là chủng tử các hành hệ buộc Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Chủng tử xuất thế gian tức là chủng tử thanh tịnh năng chứng ba thừa và quả ba thừa, tám thánh đạo... Chủng tử không thanh tịnh tức là chủng tử các hành hệ buộc Dục giới. Chủng tử thanh tịnh lại có 2 chủng: thế gian thanh tịnh và xuất thế gian thanh tịnh. Chủng tử các hành hệ thuộc Sắc, Vô sắc, gọi là thế gian thanh tịnh. Chủng tử năng chứng ba thừa và quả ba thừa, tám thánh đạo chi... gọi là xuất thế gian thanh tịnh.

Lại có 3 chủng làm nhân sanh khởi nhân pháp hữu lậu. Nếu ở trong đây không như lý tu phương tiện, sẽ năng sanh các khổ. Nếu năng như lý tu phương tiện, thì nơi nhân, nơi khổ, năng biết năng đoạn: 1. Đối với pháp hệ thuộc Dục giới, nhiễm ô mong cầu; 2. Đối với pháp hệ thuộc Sắc giới, nhiễm

ô mong cầu; 3. Đối với pháp hệ thuộc Vô sắc giới, nhiệm ô mong cầu.

Lại có 3 chủng làm đường dẫn đến các phiền não, khiến các hữu tình lưu chuyển trong sanh tử. Đó là: đối với dục thù thắng, phát ý mong cầu, gọi là con đường dẫn đến phiền não thứ nhất. Ở trong tự thể thù thắng Sắc giới, Vô sắc giới, phát ý mong cầu, gọi là con đường dẫn đến phiền não thứ hai. Đối với tà giải thoát, phát ý mong cầu, gọi là con đường dẫn đến phiền não thứ ba.

Lại có 3 chủng các loại hữu tình lấy dục là phương tiện tác nghiệp căn bản: 1. Được dục thù thắng; 2. Được tự thể thù thắng; 3. Chứng đạo giải thoát thù thắng.

Lại có 3 chủng các loại hữu tình ở trong ba cõi nhiếp thọ uy thế của các hành tự thể: 1. Uy thế dẫn dắt; 2. Uy thế năng được; 3. Uy thế thành tựu viên mãn. Uy thế dẫn dắt tức là nghiệp của sự năng dẫn dắt. Uy thế năng được tức là kiện-đạt-phước đang hiện tại tiền. Uy thế thành tựu viên mãn tức là trụ ở đây, thọ các nghiệp dị thực tịnh, bất tịnh.

Lại có 3 chủng uẩn vô minh, do nhân duyên đây các loại hữu tình trụ vô minh năng sanh tự thể

ba đời sai biệt: 1. Không biết đối với đời quá khứ tiền tế năng sanh tự thể hiện tại; 2. Không biết đối với đời hiện tại tiền tế năng sanh tự thể vị lai; 3. Không biết đối với đời vị lai tiền tế, tức là ở vị lai năng sanh tự thể đương lai sau và sau nữa.

Lại có 3 chủng tai họa sanh tử của các dị sanh cùng bậc thánh chưa rõ ráo. Nếu đối với kia sanh nhầm chán hãi sợ sâu, nên nhanh chóng đoạn trừ ba chủng kiêu mạn, phóng dật, tu tập phương tiện hiện pháp Niết-bàn: 1. Không bệnh mà bị suy thoái; 2. Thiếu niên mà bị suy thoái; 3. Thọ mạng mà bị suy thoái. Bậc trí phải quán sát vị lai có ba việc như vậy nhất định trải qua.

Lại có 3 loại nơi chốn làm chỗ nương của các hữu tình, do tham sân si phược sai biệt, năng trói buộc các loài hữu tình trong lao ngục sanh tử đại khổ: 1. Năng nhiều ích; 2. Năng tổn hại; 3. Bình đẳng xa lìa hai chủng.

Lại có 3 xứ sanh các khổ, nhiếp khắp các khổ của hữu tình: 1. Hội hợp sanh khổ; 2. Trái nghịch chia lìa sanh khổ; 3. Bình đẳng tương tục khổ. Thứ nhất, vì vị hòa hợp bị tổn hại nên khổ. Thứ hai, vì vị nhiều ích bị biến hoại nên khổ. Thứ ba, vì ở nơi

tất cả vị chuyển chuyển tương tục nên khổ, đây nhiếp thuộc thô trọng do các hành sanh, chỉ có các bậc Hiền Thánh giác ngộ là khổ, chẳng phải các dị sanh có thể hiểu được.

Lại có 3 chủng pháp tâm cao cử, năng trái hại người tu phương tiện muốn cầu chứng quả Sa-môn thuộc chi quả Dự lưu, năng chướng Sa-môn khiến chẳng chứng đắc: 1. Lấy mình để so sánh với người, cho là “ta hơn” nên tâm sanh cao cử; 2. Lấy mình để so sánh với người, cho là “ta bằng” nên tâm sanh cao cử; 3. Lấy mình để so sánh với người, cho là “ta kém” nên tâm sanh cao cử.

Lại nên biết có 3 loại chủng tử năng sanh tất cả các hành: 1. Đã cho quả; 2. Chưa cho quả; 3. Quả đang hiện tiền.

Lại có 3 chủng xứ sở y của các hành ngôn thuyết: 1. Quá khứ; 2. Vị lai; 3. Hiện tại.

Lại có 3 tướng năng nhiếp tất cả tự tướng sắc pháp, đó là: tác dụng của hiển sắc, hình sắc, an lập sắc của nhãn thức nắm giữ; ở nơi tự xứ sở của mình, chướng ngại sắc khác; đi đứng an lập sắc của căn. Tất cả cảnh giới sắc, nên biết tổng có 10 sắc và sắc định địa. Nếu đắc tịnh định, đó là sở hữu

các sắc của người tu phương tiện dẫn phát biến hóa. Nên biết đây là cảnh giới của tâm biến hóa bên trong, cũng là quả của tâm biến hóa chưa viên mãn.

Lại có 3 chủng tâm bị các phiền não theo đuổi: 1. Tâm của các dị sanh; 2. Tâm của bậc học chưa thành tựu viên mãn; 3. Tâm của bậc học đã thành tựu viên mãn.

Lại có 3 loại người lắng nghe pháp: 1. Ở nơi pháp, nơi nghĩa, chẳng thể thọ trì; 2. Chỉ có thể lãnh thọ, không thể nhậm trì; 3. Có thể thọ, có thể nhậm trì.

Lại có 3 pháp, đó là bậc tu hành quán thân ngũ ý tánh vô thường, quán thú nhập dẫn đầu: 1. Hơi thở vào ra; 2. Tâm tứ; 3. Tướng tư.

Lại có 3 chủng tôn quý hơn cả đáng thọ sự cúng dường: 1. Tuổi tác tăng thượng; 2. Dòng tộc tăng thượng; 3. Công đức tăng thượng.

Lại có 3 chủng nhân trụ định, bất định; hai chủng là nhân định, một chủng là nhân bất định: 1. Nhân định ác thú, đó là nghiệp vô gián; 2. Nhân định thiện thú Niết-bàn, đó là pháp vô lậu hữu vi; 3. Nhân bất định, đó là pháp còn lại.

Lại có 3 pháp, vì khiến Thánh giáo được cứu

trụ cần triển khai việc cử tội: 1. Hiện thấy thân ngữ hiện hành vi phạm học xứ; 2. Được nghe từ người khác nói; 3. Lấy tướng khác để so sánh nên rõ biết.

Lại chư Như Lai tự nói đầy đủ ba hạng người không hộ trì đức, vì hiển rõ các thầy ngoại đạo bên trong ôm lòng ác, tự xưng nhất thiết trí mà thật chẳng phải là bậc nhất thiết trí. Lại muốn khiến kia ở chỗ Như Lai phát khởi tất cả trí tín chân thật.

Lại có 3 chủng tà chấp sanh khởi thiêu đốt nhiều não hữu tình: 1. Tham ái thiêu não; 2. Sâu ưu thiêu não; 3. Điền đảo thiêu não.

Lại có 3 loại lửa, tuy thật không phải lửa mà giả lập danh lửa. Vì giáo hóa hữu tình vui nơi sự việc bất chánh, cho việc thờ lửa bên ngoài có được phước, nên dạy bảo cho biết 3 việc thờ lửa không hư dối: 1. Cha mẹ; 2. Vợ con; 3. Bậc chân thật phước điền đáng cúng dường.

Lại có 3 chủng, vì những người vui muốn sống tăng thượng, nên thuyết đạo lý sống tăng thượng chân thật: 1. Bố thí, được tiền của giàu sang rộng lớn; 2. Trì giới, được đến các cõi thiện; 3. Tu định,

xa lìa thọ khổ, được sanh trong thế giới thuần vui, không có não hại.

Lại có 3 chủng dục thấp kém, trung dung, thù thắng của những người thọ dục, vì vui kia được sanh do sự quán đãi các dục: 1. Các dục nương duyên, sức dụng công nhiều, đó là sở hữu các dục trụ ở cảnh giới hiện tiền; 2. Các dục nương tâm, sức dụng công ít, đó là sở hữu các dục của cõi trời Hóa lạc; 3. Các dục nương tâm, sức dụng công rất ít, đó là sở hữu các dục của cõi trời Tha hóa.

Lại có 3 chủng vui siêu vượt các dục thấp kém, trung dung, thù thắng: 1. Hỷ có tầm tứ; 2. Hỷ không có tầm tứ; 3. Lạc của sự lìa hỷ.

Lại có 3 loại giác ngộ sở tri, năng khiến xuất ly các khổ ba thừa: 1. Chủng loại từ người được nghe âm thanh; 2. Chủng loại bên trong chánh tư duy; 3. Chủng loại trường thời tu tập chỉ quán.

Lại có 3 chủng loại giác ngộ sở tri: 1. Chủng loại đầy đủ phước; 2. Chủng loại không đầy đủ phước; 3. Chủng loại hoàn toàn không phước.

Lại có 3 chủng việc nên làm, bậc tu quán hành vì ba việc đây lực tăng thượng tu tập tất cả thiện pháp: 1. Đã vĩnh viễn đoạn các phiền não

kiến đạo sở đoạn, chứng quả Dự lưu; 2. Đã vĩnh viễn đoạn các phiền não tu đạo sở đoạn rồi, thứ lớp chứng đắc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; 3. Đã chứng đắc A-la-hán rồi, lạc trú hiện pháp.

Lại do 3 phần chiếu rõ tất cả cảnh quả sở tri lực tăng thượng, nên kiến lập 3 nhãn: 1. Nhục nhãn, năng chiếu soi các sắc hiển lộ, không có chướng ngại, có thể thấy được; 2. Thiên nhãn, năng chiếu soi các sắc hiển lộ, không hiển lộ, có chướng ngại, không chướng ngại, có thể thấy; 3. Tuệ nhãn, năng chiếu soi sở hữu các pháp hoặc sắc hoặc phi sắc.

Lại có 3 pháp năng trừ hại phiền não oán địch hiện hành: 1. Tín thuận bạn lành; 2. Chẳng cùng các chúng tại gia, xuất gia chung sống; 3. Bên trong chánh tác ý, giác ngộ đạo lý sở tri chân thật.

Lại có 3 chủng phương tiện chánh dạy răn, năng triển chuyển chứng các sở chứng về sau và đắc Niết-bàn: 1. Phương tiện chánh dạy răn Thi-la; 2. Phương tiện chánh dạy răn tâm trụ; 3. Phương tiện chánh dạy răn giác ngộ đạo lý sở tri chân thật. Như phương tiện chánh dạy răn có ba chủng, thì việc luôn luôn tu tập phương tiện chánh dạy răn nên biết cũng vậy.

Lại lúc hiện tiền tu tập phương tiện chánh dạy răn, do 3 chủng pháp mà được trụ an ổn: 1. Không, vô nguyện, vô tướng, diệt tận đẳng chí; 2. Bốn tinh lự; 3. Bốn vô lượng.

Lại lược có 3 chủng tâm tánh nhất cảnh năng khiến chứng đắc trí kiến như thật: 1. Ở trong ý lời có chủng chủng hành tướng sở duyên, có sai biệt hành tướng sở duyên; 2. Ý lời không gián đoạn, có chủng chủng hành tướng sở duyên, có sai biệt hành tướng sở duyên; 3. Siêu vượt ý lời, chuyên chú một cảnh, không có chủng chủng hành tướng sở duyên, không có sai biệt hành tướng sở duyên.

Lại có 3 xứ, đối với xứ hữu tình ác tà (vọng chấp tự cho là tôn quý hơn cả) và đối với xứ hữu tình trung dung, năng khéo nhiếp thọ, giáo hóa, dẫn dắt khiến nhập Thánh giáo: 1. Sở hữu thân thông tối thắng; 2. Đối với người có các hành nhiễm tịnh thì ngăn chặn, khai mở; 3. Tuyên thuyết diệu pháp chánh dạy chánh răn.

Lại vì muốn đoạn trừ chấp tịnh lạc hư vọng của ngoại đạo lấy nước bên ngoài để tạm trừ cấu bên ngoài, tự cho là đã đắc thanh tịnh bậc nhất nên khởi tà mạn, do đây kiến lập 3 đệ nhất nghĩa

là: tịnh xứ, bất tịnh xứ, nhân sanh siêu vượt.

Lại vì muốn đoạn trừ tà chấp của các ngoại đạo, kia trì giới tịch mặc tạm dứt lời nói, tự cho là đã đắc chân thật tịch tĩnh, cũng vì hiển phát tịch mặc không điên đảo, nên kiến lập 3 chủng tịch mặc chân thật: hai nghiệp thân, ngũ nhiếp thuộc giới bậc Thánh yêu thích, và tâm vô lậu.

Lại có 3 pháp năng khiến người ở chốn viễn ly đoạn trừ tâm tư bất chánh hiện hành. Đó là: vì người chê hủy, tự mình chê hủy, thối thất lợi lớn lực tăng thượng; phát khởi tâm quý cùng ái kính. Lại nương đạo và đạo quả có ba chủng tối thắng vô thượng là: trí vô thường, trí khổ và trí vô ngã. Bốn chủng hành tịch: lạc chóng thông tất cả thế gian, xuất thế gian, hữu học, vô học thời giải thoát, bất động tâm giải thoát tối thắng vô thượng. Người tu quán hành trước đắc trí ở trên, do trí đây nên đoạn phiền não, kế đến tu hành tịch. Đã tu hành tịch, nên tâm đắc giải thoát.

Lại có 3 minh. Kiến lập 3 minh đây vì có Samôn hoặc Bà-la-môn tánh vô minh ngu si, tà chấp đối với tiền tế, trung tế, hậu tế; đối với hai biên đoạn, thường; đối với hiện pháp Niết-bàn.

Như vậy đã thuyết ba chủng Phật dạy cần nên biết. Kế đến nói về bốn chủng.

Có 4 pháp năng nhiếp tất cả sở tri và trí. Đó là: thân cùng văn-tư-tu tăng thượng niệm trụ lấy làm y chỉ, thân duyên cảnh tuệ. Như thân và thân duyên cảnh tuệ, nên biết thọ, tâm, pháp và thọ, tâm, pháp duyên cảnh tuệ cũng vậy.

Lại có sự sai khác, đó là 4 chủng phược chuyển: 1. Chấp thủ phược; 2. Lãnh thọ phược; 3. Liễu biệt phược; 4. Chấp trước phược. Nên biết tâm ở nơi thân, do chấp thủ phược trói buộc; ở nơi thọ, do bên trong lãnh thọ phược trói buộc; ở nơi tướng cảnh giới như sắc... do liễu biệt phược trói buộc; ở nơi thân do phiền não tham sân... lớn nhỏ chấp trước phược trói buộc. Vì đối trị bốn chủng phược như vậy, nên lập bốn niệm trụ.

Lại có 4 chủng dục tinh cần làm tiên dẫn, quán sát quá hoạn cùng đối trị lấy làm y chỉ, năng đoạn các pháp bất thiện hiện hành và đoạn sự trói buộc của kia, năng đắc thiện pháp và năng tăng trưởng thiện pháp.

Lại có 4 chủng làm cho muốn trụ tâm, làm cho người tu phương tiện đắc định thù thắng, tâm trụ

như ý năng sanh trưởng môn: 1. Dục vui xuất ly; 2. Thọ trì, đọa tụng, hối lỗi, tinh tấn; 3. Tâm năng thủ tướng hiền thiện định; 4. Trụ xứ không nhân, quán sát các pháp.

Lại có 4 chủng tâm định tâm trụ: 1. Tâm trụ có tâm có tứ có hỷ; 2. Tâm trụ không tầm không tứ có hỷ; 3. Tâm trụ không tầm không tứ ly hỷ; 4. Tâm trụ xả niệm thanh tịnh vượt qua tất cả khổ lạc.

Lại có 4 chủng sở tri chân thật, vì hai phẩm nhiễm ô và thanh tịnh khác nhau, nên kiến lập bốn chủng. Nếu người năng liễu tri, khéo liễu tri, năng đoạn tất cả phiền não kiến tu sở đoạn: 1. Quả chân thật của phẩm nhiễm ô; 2. Nhân chân thật của phẩm nhiễm ô; 3. Quả chân thật của phẩm thanh tịnh; 4. Nhân chân thật của phẩm thanh tịnh.

Lại có 4 chủng tướng làm tiền dẫn hý luận phược: 1. Ở trong dục nhỏ, tướng làm tiền dẫn hý luận phược; 2. Ở trong sắc lớn, tướng làm tiền dẫn hý luận phược; 3. Ở vô lượng, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, tướng làm tiền dẫn hý luận phược; 4. Ở Vô sở hữu xứ, tướng làm tiền dẫn hý luận phược.

Lại có 4 pháp khéo tu tập năng sanh phược lớn, năng hướng đến ly dục, năng đối trị khuể hại,

không vui, dục tham đối với các hữu tình. Đó là: Từ, Bi, Hỷ và Xả.

Lại có 4 pháp vượt qua Sắc giới khiến thành phần xa: 1. Không xứ; 2. Thức xứ; 3. Vô sở hữu xứ; 4. Phi tướng phi phi tướng xứ.

Lại có 4 chủng vì khiến hành giả siêng tu thánh giải thoát khỏi các dục, nhậm trì pháp thù thắng, giải thoát chóng được viên mãn, cũng vì đoạn trừ bốn ái lực tăng thượng: 1. Ít có mong cầu y phục, ăn uống và ngọc cụ; 2. Không tạo tác, không loạn động, không để thời gian trôi qua lãng phí; 3. Chuyên cần tu phương tiện, tâm lìa tán loạn; 4. Vui đoạn phiền não, vui tu chánh đạo.

Lại có 4 chủng quả của đạo tu tập đoạn các phiền não: 1. Đoạn phiền não kiến sở đoạn; 2. Đoạn hạ phần kiết phẩm thượng và phẩm trung tu sở đoạn; 3. Tức đây đoạn không sót thừa; 4. Đoạn thượng phần kiết không sót thừa.

Lại có 4 chủng chứng chi Dự lưu, năng khiến hành giả ở nơi thánh giáo Phật và trong thiện thú rớt ráo không động. Đó là: đối với bậc Đại sư giác ngộ chân thật, sanh tâm thanh tịnh không động chuyển. Như đối với Đại sư, thì ở nơi pháp đã chứng

và ở chỗ hành giả tu chứng pháp nên biết cũng vậy. Ba chủng như vậy gọi là tâm thanh tịnh. Một chủng thứ tư gọi là sắc thanh tịnh, vì nhiếp thuộc giới bậc Thánh yêu thích. Ba chủng trước khiến ở nơi Thánh giáo không bị dao động. Một chủng sau cùng khiến ở trong thiện thú không bị dao động.

Lại có 4 chủng chứng chi Dự lưu: 1. Đối với thuyết pháp sư và giáo thọ sư, năng khéo phụng sự không vi phạm; 2. Không điên đảo lắng nghe thầy nói pháp và dạy bảo pháp; 3. Nơi pháp đã nghe, năng chánh tư duy và khéo thông đạt; 4. Thành tựu trọn vẹn việc tu tập.

Lại có 4 trí nhiếp tất cả trí: 1. Trí ở trong các pháp năng hiện thấy, chỉ vô lậu; 2. Trí ở trong các pháp không phải hiện thấy, một hướng vô lậu; 3. Trí thế gian, hoặc do như lý dẫn, hoặc do không như lý dẫn, hoặc do không phải như lý không phải không như lý dẫn, một hướng hữu lậu; 4. Trí tha tâm sai biệt, thông cả hữu lậu và vô lậu.

Lại có 4 chủng năng thủ trí chân thật, ở nơi phẩm chuyển, hoàn có thể tận các lậu: 1. Trí chân thật nơi quả phẩm chuyển; 2. Trí chân thật nơi nhân phẩm chuyển; 3. Trí chân thật nơi quả phẩm

hoàn; 4. Trí chân thật nơi nhân phẩm hoàn.

Lại có 4 pháp năng khiến người có tín đoạn trừ phiền não, tu tập phương tiện chân chánh: 1. Tinh tấn dụng công, ân trọng tương tục; 2. Hành niệm chánh biết; 3. Xa-ma-tha; 4. Tỳ-bát-xá-na.

Lại có 4 chủng năng thông đạt pháp, năng tận dấu vết sở y của thượng phần lậu. Đó là: vì đắc thánh đạo, tu tuệ hữu lậu. Đã đắc đạo nên các phiền não bị tổn giảm cùng các sự việc tổn giảm không sót thừa. Cho đến vĩnh viễn đoạn trừ các sự phiền não. Như đạo đã chứng đắc, càng tăng thêm sự tu tập.

Lại có 4 pháp triển chuyển tương ưng, hoặc có hành có duyên hòa hợp mà chuyển, hoặc cùng một duyên mà chuyển. Đó là: thọ, tưởng, hành, thức.

Lại có 4 hộ năng khiến người đã nhập thánh giáo chư Phật lại thêm vui thích thánh giáo: 1. Hộ mạng; 2. Hộ lực; 3. Hộ tâm phiền não; 4. Hộ phương tiện chân chánh.

Lại có 4 chủng năng được chánh kiến, nương vào nghĩa thực hành không điên đảo. Do 3 chủng trước thời hành thanh tịnh. Do 1 chủng sau thời trụ thanh tịnh. Đó là: giữ gìn căn môn; đối với

cảnh giới, không thuận cũng không trái; vì giữ gìn căn môn, nhớ nghĩ lực tăng thượng, hành chánh trí; người trụ viễn ly, tâm không nhiễm ô, chuyên chú một duyên.

Lại do 4 hành nên biết năng chứng minh và giải thoát: do niệm, nhãn, tuệ, năng chứng minh. Lại do thân năng chứng bất động và thời giải thoát.

Lại có 4 pháp năng làm chỗ nương tựa rộng lớn cho các sở tạo sắc sanh khởi chủng chủng sai biệt: 1. Tánh cứng rắn; 2. Tánh ẩm ướt; 3. Tánh ấm áp; 4. Tánh chuyển động như thể nhẹ...

Lại có 4 pháp năng giữ gìn các loại hữu tình đã sanh khiến được trụ lâu, năng mang đến lợi ích cho kẻ tìm cầu hữu. Tướng đây sẽ phân biệt rộng trong phần *Nhiếp sự*.

Lại có 4 chủng dấu vết sở y của các thức lưu chuyển trong sanh tử. Đó là: ở nơi các sắc, bởi do tham ái, thấy rồi thú hưởng, thủ là sở duyên, sở y cảnh giới kiến lập câu hữu. Như ở nơi sắc, thì ở nơi thọ, tưởng, hành nên biết cũng vậy.

Lại có Bí-sô vì hiện pháp đái luyện thân mạng làm chỗ nương, nên đối với y phục, ăn uống, ngọa cụ sanh ái luyện mong cầu. Vì hậu pháp đái

luyện thân mạng làm chỗ nương, nên đối với hậu hữu sanh ái luyện mong cầu. Vì ngu si đối với Niết-bàn làm chỗ nương, nên đối với vô hữu sanh ái luyện mong cầu. Như vậy lược có 4 chủng ái luyện mong cầu, đó là: ái luyện y phục, ái luyện ăn uống, ái luyện ngoạ cụ và ái luyện hữu, vô hữu.

Lại có 4 pháp năng khiến hữu tình hiện hành gây tạo những việc không nên làm: 1. Thuận theo các sự việc khả ái; 2. Trái nghịch với các sự việc không khả ái; 3. Sợ hãi kẻ cường địch, nơi tâm điên đảo; 4. Ngu đối với hiện pháp và quả hậu pháp.

Lại có 4 chủng đối đáp bàn luận những điều thỉnh hỏi, năng dứt trừ những điều nghi hoặc, năng khai tỏ những điều chưa khai tỏ, lại năng giữ gìn lực quyết trạch thù thắng: 1. Đối với tướng pháp chân thật, nên trả lời một hướng dứt khoát. 2. Đối với nghiệp quả dị thực của các hữu tình, nên trả lời bằng cách phân biệt; 3. Đối với lời nói ẩn ý, tối nghĩa, chẳng phải hỏi một hướng, nên trả lời bằng cách cật vấn; 4. Đối với sự việc không như lý, nên trả lời bằng cách gác qua một bên. Như loại câu hỏi đây, trả lời thế nào? Để trả lời câu hỏi của kia, nói rằng: “Phật Thế Tôn đối với sự việc ấy không trả lời”.

Lại có 4 chủng huệ xả, hoặc thanh tịnh, hoặc không thanh tịnh. Ba chủng thanh tịnh là: chỉ có tự thân mình đầy đủ giới kiến, hoặc chỉ có người đầy đủ giới kiến, hoặc lại có mình và người đầy đủ giới kiến. Một chủng không thanh tịnh là: mình và người đều không đầy đủ giới kiến. Người thanh tịnh sẽ sanh cõi thiện, tài sản của cải sung mãn. Người không thanh tịnh sẽ sanh cõi ác, tài sản của cải thiếu thốn.

Lại có 4 chủng phương tiện nhiếp chúng, năng chánh thâm nhiếp giáo hóa tất cả đại chúng: 1. Phương tiện nhiếp ích; 2. Phương tiện nhiếp thọ; 3. Phương tiện dẫn đạo; 4. Phương tiện tu trị.

Lại có 4 chủng từ nghiệp sanh khởi các loại hữu tình, ở những cõi kia sanh y chỉ môn: 1. Do nghiệp và vô trứng; 2. Do nghiệp và thai; 3. Do nghiệp và sự ẩm ướt; 4. Chỉ do nghiệp.

Lại hữu tình thọ sanh nơi các cõi kia có 4 chủng chết: 1. Do tự mình nên chết, đó là hữu tình thọ sanh trong cõi trời Hý vọng ý phẩn; 2. Do người nên chết, đó là các hữu tình trụ trong thai mẹ ở các giai đoạn yết-la-lam, át-bộ-đàm, bế-thi, kiện-nam; 3. Do mình và người nên chết, đó là hữu

tình còn lại ở Dục giới; 4. Không phải do mình và người nên chết, đó là sở hữu hữu tình ở Sắc giới, Vô sắc giới, trên cùng là Hữu đảnh.

Lại có 4 thanh tịnh đạo: 1. Không phải căn dụng công viên mãn, cũng không phải hỷ lạc viên mãn; 2. Căn dụng công viên mãn, không phải hỷ lạc viên mãn; 3. Hỷ lạc viên mãn, không phải căn dụng công viên mãn; 4. Hỷ lạc viên mãn, căn dụng công viên mãn.

Lại có 4 thanh tịnh đạo: 1. Xoay lưng với pháp ác thuyết và Tỳ-nại-da; 2. Hướng đến pháp thiện thuyết và Tỳ-nại-da; 3. Tư lương đạo; 4. Thanh tịnh đạo. Trong đây chủng ban đầu, đó là như có người đối với kiến chấp ngoại đạo và các hành dẫn khổ bức thiết vô nghĩa, tâm không vui thích cũng không nhẫn thọ. Chủng thứ hai, đó là như có người ở trong các thiện xảo như uẩn, giới, xứ, duyên khởi, xứ, phi xứ..., tâm vui thích, cũng có khả năng nhẫn thọ, lại năng kham nhẫn khổ lạnh nóng... Chủng thứ ba, đó là các tư lương thiện như thanh tịnh thi-la, giữ gìn căn môn... nhiếp lấy chánh pháp. Chủng thứ tư, đó là như có người hành Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đoạn trừ các phiền não, hiện pháp lạc trú.

Lại có 4 chủng phương tiện tăng thượng tâm học: 1. Người chưa ly dục, khiến đắc quả Bất hoàn; 2. Hoặc quả Bất hoàn, nương vị chí định, cầu hiện pháp lạc trú; 3. Khiến người đoạn các ác pháp và đi đến thiện thú; 4. Khiến tự mình đoạn các phiền não, được sự quyết trạch thù thắng.

Lại có 2 nghiệp, 4 tướng sai biệt. Đó là: nghiệp nhiếp thuộc chuyển có ba sự sai biệt, nghiệp nhiếp thuộc hoàn lập chung một chủng. Nên biết nghiệp ban đầu một hướng năng cảm quả không khả ái, dị thực ở các ác thú. Nghiệp thứ hai chỉ một hướng năng cảm quả vui khả ái, dị thực ở Sắc giới và Vô sắc giới. Nghiệp thứ ba năng cảm quả ái, phi ái, dị thực ở cõi trời, người Dục giới. Nghiệp thứ tư năng đoạn ba nghiệp trước.

Lại có 4 chủng các loại hữu tình siêng năng tăng thượng: 1. Vui mà không phải lợi ích; 2. Lợi ích mà không phải vui; 3. Cũng vui, cũng lợi ích; 4. Không phải vui, không phải lợi ích.

Lại có 4 môn khởi các phiền não, năng khiến hữu tình hòa hợp không lìa các khổ: 1. Môn nhiễm trước các dục; 2. Môn nhiễm trước sắc, vô sắc đẳng chí; 3. Môn các kiến chấp của ngoại đạo; 4. Môn vô

trí của người trụ trong pháp này mà chưa đắc nhãn. Lại tu Thánh đạo, khiến nhanh chóng lìa khỏi sự trói buộc của bốn môn sanh khởi các khổ đây. Như năng khiến hữu tình hòa hợp cùng với khổ, thì năng khiến thuận dòng chảy giữ lấy nghiệp hậu hữu, khó thể giải thoát, nên biết cũng vậy.

Lại nên biết có 4 chủng nhiếp khắp tất cả bồ-đặc-già-la: 1. Di sanh; 2. Bạc hữu học chưa ly dục; 3. Bạc hữu học đã ly dục; 4. Tất cả bậc vô học vượt qua thân kiến.

Lại có 4 chủng bồ-đặc-già-la: 1. Tự mình trụ luật nghi mà không thể vì người tuyên thuyết chánh pháp; 2. Tự mình không trụ luật nghi, mà năng vì người tuyên thuyết chánh pháp; 3. Điều năng làm cả hai; 4. Điều không thể làm cả hai.

Lại có 4 chủng bồ-đặc-già-la: 1. Dòng tộc thấp hèn, hiện hành pháp bạch; 2. Dòng tộc tôn quý, hiện hành pháp ác; 3. Dòng tộc thấp hèn, hiện hành pháp ác; 4. Dòng tộc tôn quý, hiện hành pháp bạch. Trong đây chủng ban đầu có khổ ở hiện pháp, chẳng phải ở hậu pháp. Chủng thứ hai, có khổ hậu pháp, chẳng phải ở hiện pháp. Chủng thứ ba, cả hai đời đều khổ. Chủng thứ tư, cả hai đời đều vui.

Lại có 4 chủng bổ-đặc-già-la: 1. Tự mình chuốc lấy khổ, không phải do người mà sanh khởi phi phước. Đó là kẻ thọ giới tự hành khổ của ngoại đạo; 2. Khổ do người đem đến, chẳng do mình tự chuốc lấy mà sanh khởi phi phước. Đó là kẻ không tùy theo luật nghi; 3. Khổ do mình tự chuốc lấy và do người mang đến, mà sanh khởi phi phước, đó là quốc vương và chủ cúng tế ngựa...; 4. Không tự chuốc lấy khổ, cũng không do người mang đến, mà sanh khởi đại phước, đó là bậc an trụ tinh lự và bổ-đặc-già-la là các ác.

Lại lược có 4 chủng lời nói có lỗi: 1. Lời không thật; 2. Lời chia rẽ; 3. Lời hủy diệt đạo đức; 4. Lời vô nghĩa. Trái với tướng đây nên biết là 4 chủng lời nói có đức.

Lại có 4 chủng vọng ngữ, chẳng phải lời của bậc Thánh: 1. Ở nơi thấy, diên đảo nói không thấy; 2. Ở nơi nghe, diên đảo nói không nghe; 3. Ở nơi biết, diên đảo nói không biết; 4. Ở nơi hiểu, diên đảo nói không hiểu. Trái với tướng đây nên biết là lời nói chân thật của bậc Hiền Thánh.

Như vậy đã thuyết bốn chủng Phật dạy cần nên biết. Kế đến thuyết năm chủng.

Đó là 5 chủng tụ tụ tánh hành nhiếp thuộc dục tham phẩm thô trọng, đuổi theo lưu chuyển tạp nhiễm: 1. Tụ tụ tánh hành sở y sở duyên; 2. Tụ tụ tánh hành năng lãnh nạp; 3. Tụ tụ tánh hành năng phân biệt ngôn thuyết, phần vị, chấp lấy tướng các pháp; 4. Tụ tụ tánh hành năng tác dụng; 5. Tụ tụ tánh hành năng liễu biệt.

Trái với năm tướng đây tức là tụ tụ tánh hành nhiếp thuộc ly dục tham phẩm thô trọng, tùy chuyển theo hoàn diệt thanh tịnh.

Lại có 5 chủng cảnh giới yêu thích của người thọ dục, các kẻ vui với sự dục thường truy cầu, thường thọ dụng, những người xoay lưng với dục thì quán sát chân chánh. Đó là: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nên biết trong đây, nương vào sự truy cầu, sự tầm tư, sự nhiễm trước các dục, nên biết có 4 chủng vui thích ái luyến: 1. Sự vui thích ái luyến các dục vị lai, tức là truy cầu; 2. Sự vui thích ái luyến các dục quá khứ, tức là tầm tư; 3. Sự vui thích ái luyến các dục hiện tại, tức là nhiễm trước. Đây lại có 2 chủng: 1. Sự việc được vui thích ái luyến; 2. Thọ lãnh cảm giác từ kia sanh khởi.

Lại có 5 chủng tụ thể mà hữu tình có được do

thọ lãnh quả của nghiệp ái, phi ái dị thực: 1. Cõi trời; 2. Cõi người; 3. Cõi địa ngục; 4. Cõi bàng sanh; 5. Cõi ngạ quỷ.

Lại có 5 chủng nhân hành làm mất lợi dưỡng, cũng là nhân hành trái với Niết-bàn. Đó là: hoặc ở xứ đây thọ dụng lợi dưỡng, hoặc từ người mà được, hoặc vật có được, hoặc hành động để được, hoặc được như vậy... nơi các điều trên, tâm sanh lẫn tiếc.

Lại có 5 pháp khiến người tu hành, trước hủy tịnh giới đa văn, về sau làm tổn hại thiện ách Chỉ Quán. Đó là: ở trong các dục, tâm sanh ái nhiễm. Đối với những bậc dạy trao, dạy răn, giác ngộ khai tỏ nhớ nghĩ, mà tâm sanh sân khuể. Chưa thọ giới, khiến không thể thọ. Nếu trước đã thọ đã đắc, về sau cũng khiến xả bỏ. Hoặc vùi sâu vào việc đắm trước hôn trầm ngủ nghỉ, hằng không tịch tĩnh, nhiễm ô hối tiếc, thường ôm lòng nghi hoặc. Đối với pháp được nghe, không có khả năng lãnh thọ. Tuy ban đầu có lãnh thọ, sau muốn tìm nhớ lại cũng quên mất. Tuy không quên mất, cũng không hiểu chính xác.

Lại có 2 chủng hạ phần: kiến đạo là hạ phần của tu đạo; Dục giới là hạ phần của Sắc giới và Vô

sắc giới. Theo phạm vi của hai chủng hạ phần đây, nói 5 hạ phần kiết sử: Nương theo hạ phần ban đầu, nói thân kiến, giới cấm thủ, nghi. Nương theo hạ phần thứ hai, nói tham dục và sân khuể.

Lại có 2 chủng thượng phần, đó là Sắc giới và Vô sắc giới. Nương hai chủng thượng phần đây, nói 5 thượng phần kiết sử: Hoặc có kiết sử không sai khác, đó là tham sắc và tham vô sắc. Hoặc có kiết sử có sai khác, tức là trạo của người ái thượng tinh lự, mạn của người mạn thượng tinh lự, vô minh của người vô minh thượng tinh lự.

Lại kể chấp giữ không tín kính đối với 5 bậc, tâm không điều nhu, không thể sanh trưởng các thiện căn bản: 1. Không có sự kính tín đối với bậc Đại sư thuyết chánh pháp, như thuyết về tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học; 2. Đối với bậc chánh giác ngộ khai tỏ; 3. Đối với bậc chánh dạy trao; 4. Đối với bậc chánh dạy răn; 5. Đối với đồng phạm hạnh.

Lại có 5 chủng làm chướng ngại trong việc chánh tinh tấn đoạn trừ phiền não: 1. Đắm trước đẳng chí và sanh; 2. Đắm trước lợi dưỡng cung kính; 3. Phóng dật; 4. Ác tuệ; 5. Tâm hạ liệt, hoặc

tăng thượng mạn.

Lại có bổ-đặc-già-la không thể kham nhẫn, nên đối với người oán địch khởi 5 chủng tà hạnh. Đó là: kẻ không thể kham nhẫn đây, đối với người oán địch, trước khởi tâm sân, ý thích oán hiềm. Đối với bạn bè thân thích của kia, vui muốn phá hoại. Thường muốn khiến người oán kia phát sanh ưu khổ. Rộng làm các việc không nhiều ích. Tự mình hủy hoại thanh tịnh thi-la đã thọ, do đó thân ngữ ý hành nhiều ác hạnh. Bởi 5 chủng ác hạnh đây, nên năng cảm đời sau trở lại trong 2 chủng đẳng lưu quá hoạn: một chủng là hiện pháp đẳng lưu quá hoạn, một chủng là hậu pháp dị thực quá hoạn. Đó là trong đời này có nhiều oán địch, bạn bè thân thích chống trái chia lìa. Bởi làm người khác phát khởi chủng chủng ưu khổ, nên những việc không khả ái hằng hiện tại tiền. Đến khi lâm chung, sanh nhiều ưu não hối hận. Sau khi thân hoại mạng chung, đọa vào ác thú.

Trái với tướng đây tức là người năng kham nhẫn, đối với kẻ oán địch phát khởi năm chủng chánh hạnh, do đây chiêu cảm các việc lợi ích thù thắng khác nhau, như chỗ thích hợp đều nên biết rõ.

Lại có 5 pháp năng sanh tất cả ưu khổ ở hiện pháp và hậu pháp: 1. Quyến thuộc thân thích bị diệt vong; 2. Tài sản có được vô cơ bị hao tán mất mát; 3. Bệnh tật duyên thân. Ba pháp đây năng sanh ưu khổ ở hiện pháp. 4. Hủy phạm Thi-la; 5. Các ác tà kiến và hủy báng hết thấy. Hai pháp đây năng sanh ưu khổ ở hậu pháp.

Trái với năm tướng đây, nên biết có năm pháp năng sanh hỷ lạc ở hiện pháp và hậu pháp.

Lại bậc A-la-hán tuy hiện truy cầu tài vật để nuôi dưỡng thân, cũng thường thọ dụng, mà năng vượt qua 3 chủng tà truy cầu và 2 chủng tà thọ dụng. Đó là: năng vượt qua sát sanh, trộm cắp, vọng ngữ dẫn dắt 3 tà truy cầu. Cũng năng vượt qua 2 thọ dụng tà là: tích chứa và thê thiếp.

Lại người tu đoạn thành tựu 5 pháp, tùy theo chỗ muốn đối với các phẩm thiện tu hành phương tiện, cũng năng nhanh chóng chứng thông tuệ rất ráo: 1. Đối với pháp tu đoạn, vui muốn sâu xa, như điều đã được dạy bảo mà phụng hành; 2. Đối với điều mình đã có, như thật diễn bày; 3. Thân lực an vui mạnh mẽ; 4. Tu tập phương tiện tương tục không gián đoạn, tâm đồng mãnh sắc bén; 5. Thành tựu

trí tuệ, thông đạt tướng chỉ, cử, xả, thời phần.

Lại có 5 chủng năng giải thoát viên mãn, nhằm chán xa lìa pháp sở đối trị. Đó là ở trong các pháp, có người lấy 3 chủng ngu làm y chỉ, phát khởi 3 điên đảo. Ba chủng ngu: 1. Ngu thời tiết; 2. Ngu phần vị; 3. Ngu tự tánh. Ba điên đảo: 1. Ở nơi vô thường, điên đảo kế chấp cho là thường; 2. Ở nơi khổ, điên đảo kế chấp cho là vui; 3. Ở nơi vô ngã, điên đảo kế chấp cho là ngã. Lại thêm thói quen mưu cầu lợi dưỡng và hy vọng thọ mạng.

Vì đối trị 5 pháp sở trị như vậy, nên khởi 5 tướng thủ: 1. Ở nơi các hành, thủ tướng vô thường; 2. Cũng thủ tướng khổ; 3. Ở trong các pháp, thủ tướng vô ngã; 4. Ở trong ăn uống, thủ tướng ghét bỏ nhằm chán; 5. Ở nơi mạng căn, thủ tướng chết yếu.

Lại có 5 chủng môn tăng trưởng chánh tâm giải thoát của hai loại hành giả tu định, tu trí thù thắng. Hành giả tu định thù thắng, tức là nhân việc lắng nghe lời dạy về thánh đế, nương đây chánh hiểu nghĩa pháp. Như nhân việc lắng nghe, thì nhân dùng âm thanh lớn để đọc tụng kinh điển; nhân vì người khác khai tỏ xiển dương diệu nghĩa; ở chốn không nhân, tư duy quán sát tỉ mỉ

thăm sâu, chánh hiểu pháp nghĩa, nên biết cũng vậy. Hành giả tu trí thù thắng, tức là ở nơi pháp đối trị tham dục nhiều loạn phẩm thượng, tư duy suy nghĩ không điên đảo.

Lại có 5 chủng, hành giả tu quán được đầy đủ ý lạc, phương tiện... Đó là: đối với Bồ-đề Niết-bàn, khởi tín hiểu sâu xa, gọi là ý lạc đầy đủ. Không gián đoạn ân trọng tu tập chánh trí, thực hành pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, gọi là phương tiện đầy đủ.

Lại có 5 pháp khiến các hữu tình thọ lãnh quả của nghiệp ái, phi ái dị thực, thân tâm phiền não, nhiếp đủ các khổ. Đó là: khổ, lạc, ưu, hỷ, xả.

Lại do thành tựu ý lạc và phương tiện thấy đều đầy đủ không thối chuyển như trên đã thuyết, hành giả tu quán kham năng chứng thánh đế hiện quán, cũng khéo an trụ các phẩm thiện thù thắng.

Lại có 5 chủng sanh sai biệt của bậc học ly dục Dục giới chưa tận trừ kiết dư tàn: 1. Trụ trung hữu, liền năng cứu cánh đắc Bát-niết-bàn; 2. Ở sơ tinh lự, vừa mới thọ sanh, đắc Bát-niết-bàn; 3. Sau khi thọ sanh rồi, dụng công lực ít, thánh đạo hiện tiền, đắc Bát-niết-bàn; 4. Dụng công lực nhiều, thánh đạo hiện tiền, đắc Bát-niết-bàn; 5. Hoặc ở

ngăn mé của côi Sắc cho đến côi Sắc cứu cánh, đắc Bát-niết-bàn; hoặc ở ngăn mé côi Vô sắc cho đến Hữu đẳng, mới năng cứu cánh đắc Bát-niết-bàn.

Lại có 5 chủng sanh địa sai khác của quả tạp tu đệ tứ tinh lự, đắc Bát hoàn: 1. Sanh địa của quả tinh lự phẩm hạ; 2. Sanh địa của quả tinh lự phẩm trung; 3. Sanh địa của quả tinh lự phẩm thượng; 4. Sanh địa của quả tinh lự phẩm thắng thượng; 5. Sanh địa của quả tinh lự phẩm cực thượng.

Lại có 5 chủng, hành giả tu quán tác ý quán sát, năng khiến chắc chắn rốt ráo vĩnh viễn đoạn phiền não ba côi. Đó là: tuy nhớ nghĩ sâu, phân biệt tư duy tướng dục nhưng chẳng thú nhập trong các dục, tâm nhậm vận nơi xả. Ở nơi tướng ly dục, xuất nhĩ tư duy, liền năng nhậm vận khiến tâm thú nhập. Như đối với tướng dục, ly dục như vậy, thì đối với tướng khuể, không khuể, tướng hại, không hại, tướng sanh Sắc đẳng chí, tướng sanh Vô sắc đẳng chí và tướng Niết-bàn cũng vậy.

Đã thuyết năm chủng Phật dạy cần nên biết. Kế đến thuyết sáu chủng.

Đó là nương 6 tướng, tuyên thuyết 8 chủng sự sai biệt của hữu tình, vì khiến chúng sanh rơi vào

kiến chấp ngã, hữu tình, mạng giả... thú nhập vô ngã. Tám chủng sự sai biệt: 1. Sự sở y của ngã sai biệt; 2. Sự cảnh giới sai biệt; 3. Sự tự tánh sai biệt; 4. Sự nhân thọ dụng sai biệt; 5. Sự thọ dụng sai biệt; 6. Sự tùy thuyết sai biệt; 7. Sự tác dụng sai biệt; 8. Sự hy vọng sai biệt. Ở trong hết thấy sự sai biệt như vậy, hành giả tu quán chưa khéo thành thực cho là có ngã. Nương nhãn căn ở nơi sắc cảnh... do chủng chủng thọ dụng xúc và thọ, có tên như vậy, chủng tộc như vậy, họ như vậy, ăn như vậy... nên ở nơi mình, ở nơi người, theo đó khởi lời nói, tạo làm tất cả việc pháp, phi pháp. Đối với việc khả ái thì hy vọng hòa hợp, muốn tăng thêm lâu dài. Đối với việc phi ái thì mong muốn không hòa hợp, tổn giảm, chẳng trụ lâu dài. Nếu ở trong các sự việc sai biệt như vậy, hành giả tu quán đã khéo thành thực, bấy giờ tất cả kế chấp hư vọng đều chẳng sanh.

Lại đối với việc học chân thật, có 6 sự khinh miệt năng khiến thiện pháp hoặc chưa đắc mà thối thất, hoặc đã đắc mà vẫn thối thất, xả bỏ thánh giáo Phật, cho đến niềm tin nhỏ cũng đều thối thất. Đó là: đối với Phật Pháp Tăng bảo, tăng

thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Do bợn ác, nên đối với tăng thượng tâm, tuệ, khiến bị dạy trao dạy rắn tà quái. Do ác ngữ, hoàn toàn không được gì. Kia do tà quái và hoàn toàn không được gì như vậy, thối thất tất cả sở hữu thiện pháp. Trái với tướng đây nên biết là sáu pháp phẩm bạch.

Lại tâm của hữu tình đồng hành với không như lý tác ý, đối với sắc cảnh... có 6 chủng xứ sở y của tham phần vị bình đẳng. Như xứ sở y của tham phần vị bình đẳng như vậy, thì xứ sở y của sân phần vị không bình đẳng và xứ sở y của si phần vị không phải bình đẳng không phải không bình đẳng, nên biết cũng vậy.

Lại có 6 chủng tối cực thanh tịnh, tự chuyển sở y, cứu cánh bậc nhất, không gián đoạn, không khuyết hở, không nhiễm ô, hằng trụ bình đẳng. Đó là: hoặc đi hoặc đứng, ở nơi mắt nhận biết sắc, cho đến ở nơi nhận biết pháp, hằng trụ bình đẳng.

Lại có 6 pháp, đó là các sắc căn và xứ sở y, tùy chỗ thích hợp là chỗ y nương không chướng ngại, dẫn đạo an trụ trưởng dưỡng, ở những nơi sanh ra tự tại mà chuyển. Đó là: 4 đại chủng, không giới,

thức giới. Thức giới như vậy, năng ở hiện tại tích tập giữ gìn nghiệp phước, phi phước; năng dẫn quả ái, phi ái ở đương lai; cũng năng chấp thọ giữ gìn năm chủng sắc căn mà thức nương tựa và xứ sở y khiến không bị thối rữa. Lại do lực thức sanh tự tại ở hiện pháp và về sau, khiến các hữu tình ở trong nghiệp thiện, bất thiện, vô ký sai biệt mà chuyển.

Lại có 3 xứ khiến hành giả tu tập khó có thể vượt qua: 1. Vượt qua dục tham, khuể hại, không vui nhiếp lấy cõi thấp; 2. Vượt qua tất cả hành tướng hiện hành; 3. Vượt qua hữu đảnh. Để vượt qua 3 xứ khó vượt đây, nên biết có 6 chủng vô thượng dùng để đối trị: Bốn vô lượng là đối trị đầu tiên. Tâm Vô tướng tam-ma-địa là đối trị thứ hai. Vĩnh viễn tận ngã mạn là đối trị thứ ba. Vì vĩnh viễn trừ diệt pháp sở trị như vậy, nên các tam-ma-địa thấy đều thành tựu viên mãn. Vì khéo tu đối trị, tổn hại sở trị, khiến kia chắc chắn không hiện hành trở lại. Người đã đoạn ngã mạn, trọn chẳng ở nơi ngã kia mà cho là cứu cánh hay không cứu cánh, hay tận những nghi hoặc trói buộc nhiều loạn nơi tâm như vậy. Nên biết người có nghi hoặc, tất không lìa ngã mạn. Nếu lìa ngã mạn, tất không

có sự nghi hoặc.

Lại có 6 chủng xứ tranh cãi căn bản: 1. Triển chuyển chống trái nhau, gây tạo những việc không vừa ý; 2. Che giấu các việc ác; 3. Ở trong hết thấy loại, vì thọ lợi dưỡng, lấy làm của riêng; 4. Đối với y phục... lại thêm tướng lừa dối; 5. Trái vượt học xứ; 6. Ở nơi pháp, ở nơi nghĩa, diên đảo chấp trước.

Lại có 6 pháp năng đoạn trừ tranh cãi căn bản như vậy. Tức là: thân khẩu ý nghiệp phát xuất từ tâm từ, năng đoạn tranh thứ nhất và thứ hai. Cùng thọ lợi dưỡng, năng đoạn tranh thứ ba và thứ tư. Cùng hưởng đến Thi-la, năng đoạn tranh thứ năm. Cùng hưởng đến chánh kiến, năng đoạn tranh thứ sáu.

Lại có 6 pháp năng nhiếp uy đức và cứu cánh của tất cả các bậc tu hành. Đó là: thân cảnh, thiên nhĩ, túc trụ, tha tâm, sanh tử trí thông năng nhiếp tất cả oai đức; lậu tận trí thông năng nhiếp cứu cánh.

Lại bổ-đặc-già-la đối với thánh đế chưa đắc hiện quán, lược có 6 chủng năng chướng pháp hiện quán đế. Đó là: vì ba chủng ngu si lực tăng thượng, nên khởi ba diên đảo mưu cầu lợi dưỡng, mong cầu thọ mạng, như trước đã thuyết. Trong đây có sự sai khác, tức là đối với các pháp thuận theo thấy ác,

nghe ác, nói ác, phân biệt ác, lại sanh vui muốn các việc thấy ác, nghe ác, nói ác, phân biệt ác. Các sự vui muốn như vậy, đối với dị sanh chưa đặc hiện quán thánh đế, năng khiến tâm dao động trôi nổi, cực làm chướng ngại. Đối với các bậc Thánh thì không bị dao động. Cho nên nói dị sanh đây ở trong phần sáng suốt, nhưng không phải trong phần giải thoát thành thực. Vì đối trị pháp năng chướng ngại như vậy, nên biết 6 chủng tướng thủ chân chánh: đó là 5 chủng tướng thủ như trước đã thuyết, và tướng thủ “tất cả thế gian không đáng vui”.

Lại có 2 chủng tùy niệm đầy đủ, 6 sự thực hành sai biệt, năng khiến các bậc tu hành tâm bị trì trệ thì được sách tấn khiến sanh hoan hỷ. Đó là: 3 chủng thực hành tùy niệm quy y đầy đủ và 3 chủng thực hành tùy niệm chứng đầy đủ. Nếu thực hành tùy niệm đối với Phật Pháp Tăng, gọi là tùy niệm quy y. Nếu thực hành tùy niệm đối với hành hương đến Niết-bàn, hành hương đến tiền tài, hành hương đến sanh thiên, gọi là tùy niệm chứng.

Lại trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da có 6 pháp được lập là vô thượng, không cùng chung với tất cả ngoại đạo. Đó là: được gặp bậc Đại sư, được

nghe chánh pháp, thu được tâm tịnh tín, theo học tất cả sở hữu học xứ. Đối với bậc Đại sư, phát khởi thực hành tùy niệm “là Phật Thế Tôn, là bậc Chánh đẳng giác, năng thuyết tất cả pháp...” cho đến nói rộng. Lại đối với bậc Đại sư, dùng thân hành, ngữ hành để thừa sự cúng dường.

Lại có 6 pháp năng khiến hành giả tu quán vì đoạn tận tham ái, quyết định chứng biết “ta nay vẫn còn tham ái, không phải không tham ái”. Tức là ở nơi cảnh sắc cho đến cảnh pháp, tâm bị thâu nhiếp trói buộc.

Lại vì 6 nhân duyên nên biết các nghiệp là chỗ nương tựa y cứ, không phải chủng tánh dòng tộc là chỗ nương tựa y cứ. Đó là: bổ-đặc-già-la chủng tánh hạ liệt, sanh bất thiện, đi vào các ác thú; cũng sanh nghiệp thiện, đi vào các thiện thú; cũng ở hiện pháp năng Bát-niết-bàn. Bổ-đặc-già-la chủng tánh tôn quý cũng có 3 chủng như vậy.

Đã thuyết sáu chủng Phật dạy cần nên biết. Kế đến lại thuyết bảy chủng.

Đó là có 7 pháp năng ở nơi các đế như thật hiểu rõ, viên mãn giải thoát. Phẩm Tỳ-bát-xá-na có 3: 1. Trạch pháp; 2. Tinh tấn; 3. Hỷ. Phẩm Xa-

ma-tha cũng có 3: 1. An ổn; 2. Tam-ma-địa; 3. Xả. Pháp thứ bảy là Niệm, thông cả hai phẩm.

Lại vì căn, vì quả, vì giải thoát, kiến lập 7 chủng bổ-đặc-già-la. Ở trong hương đạo, vì nương độn căn và lợi căn, kiến lập bổ-đặc-già-la tùy tín hành và tùy pháp hành. Ở trong quả đạo, tức hai chủng đây gọi là bổ-đặc-già-la tín giải thoát. Vì kiến diên đảo chướng định giải thoát, không phải phiền não chướng giải thoát, kiến lập bổ-đặc-già-la thân chứng. Vì phiền não chướng giải thoát, không phải chướng định giải thoát, kiến lập bổ-đặc-già-la tuệ giải thoát. Vì định chướng và phiền não chướng cùng giải thoát, kiến lập bổ-đặc-già-la câu phân giải thoát.

Lại ở nơi 3 nhân duyên, do 7 chủng hành mà hành giả tu tâm đắc nội định, tâm chánh hướng một duyên. Đó là: nhân duyên thú nhập, an trụ, nhiếp thọ.

Nếu người thế gian có chánh kiến, hiểu biết tin chắc có các hành thí... lấy đây làm chỗ nương, nên rõ biết cuộc sống tại gia bức bách, có các hành nhiệm trần... Do đây dẫn dắt suy nghĩ chân chánh đến “xuất ly”, gọi là nhân duyên thú nhập. Đã thú

nhập rồi, thọ trì chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, gọi là nhân duyên an trụ. Lại ở nơi nhân duyên thú nhập, nhân duyên an trụ, cùng về sau trong phương tiện tác ý tùy hành, sở hữu chánh tinh tấn, chánh niệm, gọi là nhân duyên nhiếp thọ.

Lại người thế gian ham cầu tài sản là vì được vui. Tuy được cái vui chứa nhóm các tài sản thế gian, mà chưa thể được cái vui sanh khởi do 7 chủng thánh tài đem lại: 1. Vui do thanh tịnh đồng hành với tín; 2. Vui phát khởi do sanh vào các thiện thú; 3. Vui sanh khởi do tự mình đoái luyến những điều tốt đẹp; 4. Vui sanh khởi do tự mình không hành các ác, không sanh truy hối; 5. Vui sanh khởi do đối với pháp, đối với nghĩa, đồng hành với hiểu chân chánh; 6. Vui sanh khởi do tiền của đời sau không bị thiếu thốn; 7. Vui sanh khởi do như thật giác ngộ thắng nghĩa đế. Tất cả cái vui vô tội như vậy có vô lượng vô biên. Những người vui cầu chứa nhóm tài sản thế gian đều không thể có được. Dù hiện pháp được tiền của không thiếu thốn, mà chỉ được cái vui vọng tưởng, có tội.

Lại có 7 chủng sức mạnh của phẩm ma hoặc: 1. Oán ghét thánh giáo; 2. Hiện hành năng đến ác

thú, ác hạnh; 3. Vui tích tập các pháp chương ngại mà không đoái hoài đến những sự tốt đẹp; 4. Vui tích tập các pháp chương ngại mà không đoái hoài đến sự phỉ báng của người; 5. Đối với thiện bất thiện, có tội không tội, hoặc liệt hoặc thắng, hoặc hắc hoặc bạch và phân biệt rộng trong pháp duyên khởi không thể hiểu rõ; 6. Tâm keo lẩn, cấu uế, tích tập đầy đủ; 7. Trí tuệ hẹp kém, ngu si tăng trưởng rộng lớn. Nếu năng hàng phục bảy chủng sức mạnh của ma hoặc như vậy, nên biết tức là bảy sức mạnh trong pháp luật của bậc thánh, như tín...

Lại có 7 chủng pháp sở trị đối với pháp đệ nhất nghĩa Niết-bàn, năng khiến chánh pháp suy thối mất. Bảy pháp như vậy nhiếp thuộc 3 sự suy tổn: 1. Thọ dụng suy tổn; 2. Tăng thượng ý lạc suy tổn; 3. Phương tiện suy tổn.

Đối với y phục... vui cầu tốt đẹp, lại vui muốn cầu nhiều và phát khởi thọ dụng chủng chủng kia, gọi là thọ dụng suy tổn. Đối với đạo và đạo quả Niết-bàn, tâm không tin hiểu, gọi là tăng thượng ý lạc bị suy tổn. Giải đãi, thất niệm, tâm loạn, ác tuệ, gọi là phương tiện suy tổn. Thọ dụng suy tổn là phẩm loại tham bất thiện căn. Ý lạc, phương

tiện suy tổn là phẩm loại si bất thiện căn.

Trái với tướng đây nên biết tức là bảy pháp phẩm bạch.

Lại có 7 chủng pháp đệ nhất nghĩa thuận pháp phẩm Niết-bàn, năng khiến chánh pháp không bị suy thối, trụ thế lâu dài: 1. Văn sở thành tuệ; 2. Tư sở thành tuệ; 3. Tu sở thành tuệ; 4. Chẳng bị duyên ác xâm tổn y chỉ; 5. Cầu pháp tài chân chánh; 6. Không tăng thượng mạn; 7. Đối với bồ-đặc-già-la nên cúng dường, không nên cúng dường, năng khéo chọn lựa phân biệt đây nên cúng dường, đây không nên cúng dường.

Trong đây, do văn tuệ nên đối với nghĩa chưa rõ năng chánh hiểu rõ. Do tư tuệ nên đối với nghĩa chưa khéo quyết định, năng khéo tư duy. Do tu tuệ, nên đoạn các phiền não. Do không bị duyên ác làm xâm tổn y chỉ, nên kham năng tu đoạn. Do cầu pháp tài chân chánh, nên nhanh chóng chứng thông tuệ. Do không tăng thượng mạn, nên đối với những điều đã chứng ở phẩm hạ không sanh vui đủ. Do năng khéo chọn lựa phân biệt bồ-đặc-già-la, nên đối với những người đại phước trí thế tục không vui thân cận, cũng không cúng dường, chỉ vui muốn

thân cận cúng dường những bậc thiếu dục.

Lại có 7 chủng xứ sở là nơi các loại hữu tình thọ sanh. Ở xứ thọ sanh, các thức của hữu tình hiện tiền tương tục an trụ trong ba cõi, ngoại trừ hữu tình ở ác thú, ở cõi Vô tướng và ở cõi Phi tướng phi phi tướng xứ. Bởi hữu tình trong ác thú chán ngán cực độ, nên không lập thức trụ. Hữu tình trong cõi Vô tướng, vì một hướng chuyển thức không hiện hành, nên không lập thức trụ. Hữu tình cõi Phi tướng phi phi tướng xứ, vì hành và không hành không nhất định, nên không lập thức trụ.

Vì thân khác loại, gọi là chủng chủng thân. Vì tướng khác loại, gọi là chủng chủng tướng. Nên biết trái với tướng đây gọi là một chủng loại thân, một chủng loại tướng. Từ cõi trời Phạm thế trở xuống có thân hình khác loại, bởi thân hình khi sanh ra có chủng chủng sắc tướng sai biệt. Khi mới thọ sanh trong cõi trời Phạm thế, tất cả thiên chúng cõi Phạm kia đều nghĩ rằng: “Chúng ta đây đều do Đại Phạm sanh ra” Bấy giờ Phạm vương cũng tác nghĩ rằng: “Các Phạm chúng đều do ta sanh ra”. Như vậy kia tướng rằng: “Không có loài nào khác cả”. Từ tinh lự thứ hai trở lên, vì tất cả

thân chư thiên đều có ánh sáng chiếu khắp, nên gọi là một chủng thân. Thiên chúng ở cõi trời Quang âm trước hay sau khi sanh, do thấy ở cõi Phạm thế lửa dữ thiêu đốt, bấy giờ liền có tướng sợ hoặc không sợ, cho nên ở kia có tướng khác loại.

Lại các hữu tình có 7 chủng thô trọng nhiếp khắp tất cả phẩm phiền não thô trọng. Đó là: phẩm tham, sân thô trọng ở cõi thấp; phẩm tham thô trọng của cõi trung, cõi thù diệu; phẩm mạn, vô minh, kiến, nghi thô trọng của cõi thấp, cõi trung và cõi thù diệu.

Lại ở trong ác thuyết pháp luật của ngoại đạo, nên biết có 7 chủng lỗi lầm: 1. Lỗi lầm của sự hiểu biết; 2. Lỗi lầm của hành; 3. Lỗi lầm của y chỉ; 4. Lỗi lầm của tư duy; 5. Lỗi lầm của sự dụng công; 6. Lỗi lầm của tăng thượng tâm; 7. Lỗi lầm của tăng thượng tuệ.

Các ngoại đạo kia đối với pháp ít lắng nghe, ít thọ trì, vì thường thuận theo bốn sự điên đảo. Phạm có lời luận bàn, chỉ vì hủy báng người, vì thoát khỏi nạn vẩn, vì giành phần thắng, nên chỗ sanh hiểu biết đều có lỗi lầm. Vì cấm giới thọ trì đều nhiếp thọ tà mạng, tà hạnh, vì không thể

khiến mình xuất ly, nên cũng có lỗi lầm. Vì ở chỗ thầy bạn chỉ tuyên nói đạo điên đảo, nên cũng có lỗi lầm. Vì sở hữu tư duy chỉ cầu tà xuất ly, tâm bị tổn hoại, nên cũng có lỗi lầm. Vì sở hữu dụng công xa lìa phương tiện, nên cũng có lỗi lầm. Vì tăng thượng tâm của kia nhiếp thuộc vọng niệm, ái, mạn cùng với vô minh, nghi thượng tinh lự, nên cũng có lỗi lầm. Vì tăng thượng tuệ của kia bị 62 kiến chấp làm tổn hoại, nên cũng có lỗi lầm.

Trái với tướng đây, nên biết trong thiện thuyết pháp luật có bảy chủng không lỗi lầm.

Lại có 7 pháp khiến việc vi phạm tranh cãi của các Bí-sô được dừng dứt. Ngoài ra như trong phần *Nhiếp sự* sẽ thuyết. Nên biết trong đây có 7 sự việc vi phạm tranh cãi: 1. Việc vi phạm tranh cãi do khai ngộ hiện tiền; 2. Việc vi phạm tranh cãi do thất niệm, khai ngộ quá khứ; 3. Việc vi phạm tranh cãi do khai ngộ không tự tại; 4. Việc vi phạm tranh cãi do tầm tư; 5. Việc vi phạm tranh cãi do quyết định, chọn lựa; 6. Việc vi phạm tranh cãi do tự hối; 7. Việc vi phạm tranh cãi do nhân nhục hổ thẹn, kiến lập hai chúng xoay vần cử tội.

Quyển 15

Thứ 10. VĂN SỞ THÀNH ĐỊA

Phần 3

Như vậy đã thuyết bảy chủng Phật dạy cần nên biết. Kế đến lại thuyết tám chủng.

Đó là 8 chi nhiếp thuộc thánh đạo có 3 chủng pháp tu, khiến các Bí-sô rất ráo đoạn kiết sử: 1. Tu giới; 2. Tu định; 3. Tu tuệ. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, gọi là *tu giới*. Chánh niệm, chánh định, gọi là *tu định*. Chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, gọi là *tu tuệ*.

Lại do chánh phương tiện và quả lực tăng thượng, kiến lập 8 chủng bổ-đặc-già-la phẩm thanh tịnh, đó là bậc hành bốn hướng và bậc trụ bốn quả.

Lại có 2 chủng thí và 8 tướng sai biệt: thí có quá thất và thí không quá thất. Bảy tướng thí này gọi là có quá thất: 1. Có bố thí nhưng bị giải đãi làm tổn hại, nên có quá thất; 2. Có bố thí mà không tùy muốn, nên có quá thất. Như có kẻ nhiễm tâm, vì sợ hãi nghèo cùng, mong cầu phước lạc mà hành bố thí; 3. Có bố thí do luyện tiếc quá khứ, nên có quá

thất; 4. Có bố thí mong cầu vị lai, nên có quá thất; 5. Có bố thí mà lỗi khinh mạn, nên có quá thất; 6. Có bố thí hy cầu vui giàu sang, nên có quá thất; 7. Có bố thí cầu người nghe biết đến, nên có quá thất.

Một chủng thí sau gọi là không quá thất, đó là vì hồi hướng Niết-bàn. Vì lấy bố thí làm tư lương cho Niết-bàn kia, nên tâm không nhiễm ô với quả được tiền của nhiều hay sanh đến thiện thú do hành hạnh bố thí.

Lại có bổ-đặc-già-la nương 4 xứ: 1. Nương xứ khát thực; 2. Nương xứ sở tác; 3. Nương xứ du hành; 4. Nương xứ giới không bình đẳng. Ở trong 8 lúc khác nhau, thú nhập giải đãi, không phát siêng tinh tấn: 1. Lúc ăn nhiều thức ăn ngon, thân thể nặng nề; 2. Lúc ăn thức ăn dở, thân yếu ớt trì trệ; 3. Lúc sắp muốn làm việc, tiếc giữ sức lực; 4. Lúc đã làm việc, thân thể mỏi mệt; 5. Lúc sắp muốn du hành, tiếc giữ sức lực; 6. Lúc đã đi bộ trên đoạn đường dài, thân thể mỏi mệt; 7. Lúc đang bị bệnh, khổ sở trối buộc quá nhiều; 8. Lúc bệnh đã lành, lo sợ bị tái phát.

Nên biết bổ-đặc-già-la như vậy thuộc loại giải đãi, không phải loại tinh tấn. Loại bổ-đặc-già-la

giải đãi đây, khi chưa gặp giải đãi nương tựa thì có ít phần tương trợ tinh tấn, nếu gặp phải rồi nhanh chóng phát sanh sự giải đãi. Cho nên gọi là chủng loại giải đãi.

Trái với tướng trên, tức là có bổ-đặc-già-la nương bốn xứ, ở trong tám lúc khác nhau, phát khởi siêng năng tinh tấn. Nên biết loại bổ-đặc-già-la như vậy năng điều phục giải đãi, thuộc loại siêng tinh tấn. Tuy gặp giải đãi nương tựa, cũng năng phát lòng chuyên tâm tinh tấn, hà huống không gặp. Cho nên gọi là loại siêng tinh tấn.

Lại có 8 chủng chánh nguyện nhiếp lấy nhân sanh khả ái, hay khiến ở trong các dục, vui sanh tăng thượng. Người không cầu vĩnh viễn lìa tất cả dục, sẽ sanh 8 chủng sanh xứ khả ái. Đó là: nguyện trong cõi người chủng loại thấp kém tu hai sự nghiệp phước thí, giới nhỏ; nguyện vui trong cõi chủng loại tôn quý tu hai sự nghiệp phước thí, giới lớn: Tứ đại thiên vương, Tam thập tam thiên, Dạ-ma thiên, Đổ-sử-đa thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên.

Lại vì 4 nhân duyên, Như Lai kiến lập 4 chúng cõi người và vì 3 nhân duyên, kiến lập 4 chúng cõi trời: Vì tối tăng thượng, vì thế gian cùng tin theo

là phước điền, vì thọ dụng tài sản của cải không do người khác, vì xả bỏ tất cả tài sản của cải thế gian. Do bốn duyên đây ở trong cõi người kiến lập bốn chúng. Vì nương gần mé đất địa, vì gần mé Dục giới, vì gần mé ngũ hành, do ba duyên đây ở trong cõi trời kiến lập bốn chúng.

Lại ở thế gian, lúc 3 xứ chuyển, thế gian hằng thường tiếp xúc 8 pháp sở xúc. Ba xứ: 1. Xứ vui muốn; 2. Xứ công dụng; 3. Xứ các duyên. Khi xứ vui muốn chuyển, hoặc tiếp xúc với lợi, hoặc tiếp xúc không phải lợi. Khi xứ công dụng chuyển, hoặc vừa ý, hoặc không vừa ý người khác, sau lưng tiếp xúc với sự khen chê, trước mặt tiếp xúc với sự khen chê. Khi xứ các duyên chuyển, hoặc do đời trước, hoặc do hiện pháp mà có các duyên khổ vui, tiếp xúc với sự khổ vui ấy.

Lại có 8 thắng giải năng dẫn Bất hoàn, hoặc các thánh thần thông A-la-hán và trụ tối thắng: 1. Thắng giải chưa hàng phục được nội sắc tướng, ngoài không nhiễm ô sắc; 2. Thắng giải đã hàng phục nội sắc tướng; 3. Thắng giải tịnh và bất tịnh chẳng phải hai sắc, xả đệ nhất. Vì ba giải thoát đây, nên ở nơi tất cả sắc được tự tại, liền có thể

dẫn phát các thánh thần thông, các thần thông đây chẳng cùng với tất cả dị sanh chung có. 4. Thắng giải Không vô biên; 5. Thắng giải Thức vô biên; 6. Thắng giải Vô sở hữu; 7. Thắng giải Phi tướng phi phi tướng; 8. Thắng giải tâm nhậm vận vi tế. Năm thắng giải đây vì thứ lớp khéo tu trì, năng dẫn trụ tối thắng là Diệt tướng thọ đẳng chí.

Lại hoặc quán các sắc, hoặc như sở quán ở trong ba chủng giải thoát đầu mà tu tập, đó là ba giải thoát đạo phương tiện nhiếp lấy ba thắng xứ. Trong đây quán ngoại các sắc hoặc nhỏ hoặc lớn, hoặc xấu hoặc đẹp, hoặc hơn hoặc kém, đó là quán sở hành phi tam-ma-địa sắc hiện có được. Do duyên tác ý sở hành tam-ma-địa không phải chủng chủng hiện tiền, nên gọi là thắng. Ở trong sở hành tam-ma-địa, hành Xa-ma-tha gọi là tri, hành Tỳ-bát-xá-na gọi là kiến. Như nơi sở hành tam-ma-địa hoặc tri hoặc kiến, như nơi sắc kia đã tầm tư, đã rõ biết phân biệt, thì nơi sở hành phi tam-ma-địa có sở tướng bên ngoài, quán các sắc cũng vậy.

Như vậy đã thuyết tám chủng Phật dạy cần nên biết. Kế đến lại thuyết chín chủng. Đó là chín kiết, như phần *Nhiếp sự* sẽ rộng kiến lập.

Lại có 9 chủng xứ sanh mà hữu tình thọ sanh cùng cư ngụ xứ kia trong ba cõi. Trừ các ác thú, vì đây là xứ đáng nhàm chán, như trước đã thuyết.

Như vậy đã thuyết chín chủng Phật dạy cần nên biết. Kế đến lại thuyết mười chủng. Đó là mười biến xứ, nên biết tức là sở tác thành tựu của các giải thoát. Giải thoát, thắng xứ, biến xứ khác, như phần *Nhiếp sự* sẽ rộng phân biệt.

Lại có 10 chi vô học nên biết nhiếp thuộc năm uẩn vô học: 1. Giới uẩn; 2. Định uẩn; 3. Tuệ uẩn; 4. Giải thoát uẩn; 5. Giải thoát tri kiến uẩn.

Như vậy đã thuyết mười chủng Phật dạy cần nên biết. Trước đã thuyết các chủng Phật dạy cần nên biết... cho đến đây, tất cả như vậy đều nhiếp thuộc Nội minh xứ.

B. Y phương minh xứ:

Nên biết minh đây lược có 4 chủng: 1. Khéo léo đối với tướng bệnh; 2. Khéo léo đối với nguyên nhân bệnh; 3. Đối với bệnh đã sanh, khéo léo đoạn trừ bệnh; 4. Đối với bệnh đã được trừ lành, phương tiện khéo léo khiến về sau không sanh.

Như vậy rộng phân biệt nghĩa khéo léo, nên

biết như kinh đã thuyết.

Như vậy đã thuyết Y phương minh xứ.

C. Nhân minh xứ:

Ở trong nghĩa, quán sát các sự sở hữu. Việc đây thế nào? Ớt-Đà-Nam nói :

*Luận thể, luận xứ sở,
Luận cú, luận trang nghiêm,
Luận thua, luận xuất ly,
Luận nhiều sở tác pháp.*

Nên biết trong đây lược có 7 chủng: **1.** Luận tánh thể; **2.** Luận xứ sở; **3.** Luận sở y; **4.** Luận trang nghiêm; **5.** Luận rơi vào chỗ thua cuộc; **6.** Luận xuất ly; **7.** Luận nhiều sở tác pháp.

1. Luận tánh thể: Có 6 chủng: **a.** Ngôn luận; **b.** Thượng luận; **c.** Tranh luận; **d.** Hủy báng luận; **e.** Thuận chánh luận; **f.** Dạy dẫn luận.

a. Ngôn luận: tất cả ngôn thuyết, ngôn âm, ngôn từ, gọi là ngôn luận.

b. Thượng luận: là sở hữu ngôn luận tùy theo sự nghe của thế gian.

c. *Tranh luận*: Nếu nương các dục mà phát khởi: Hoặc mình nhiếp lấy các dục, bị người khác xâm đoạt. Hoặc người nhiếp lấy các dục, bị mình xâm đoạt. Hoặc các dục mà hữu tình yêu thích thâm nhiếp, thì lại xâm đoạt lẫn nhau, hay muốn xâm đoạt. Hoặc các dục không nhiếp thọ, đó là nhiếp thuộc ca múa, cười đùa, hoặc nhiếp thuộc ca kỹ, nô bộc, hoặc là coi xem, hoặc là thọ dụng. Ở trong các sự dục như thế, kẻ chưa ly dục, kẻ bị tham Dục giới nhiễm ô, vì nhân chấp trước kiên cố, vì nhân chấp đắm trói buộc, vì nhân đam mê chơi đùa, vì nhân tham ái, nên phát khởi giận dữ chống trái chia lìa. Người vui thích đấu tranh thì dấy khởi chủng chủng tranh luận, dấy khởi sự tranh luận oán hại, cho nên gọi là tranh luận.

Nếu nương theo ác hành mà phát khởi: Hoặc mình tạo tác thân ngữ ác hành bị người chê trách. Hoặc người tạo tác thân ngữ ác hành, mình hành chê trách. Hoặc hữu tình ưa thích gây tạo thân ngữ ác hành, thì chê trách lẫn nhau. Trong tất cả hành gây tạo ác hạnh như vậy, kẻ mong gây tạo chưa gây tạo các ác hạnh, kẻ chưa lìa tham sân si Dục giới, kẻ bị tham sân si nặng nề cố chấp che giấu, vì nhân

chấp trước kiên cố, vì nhân chấp đấm trói buộc, vì nhân đam mê chơi đùa, vì nhân tham ái, lại thêm cấu giận nóng nảy lẫn nhau, ôm tâm nhiễm ô, chống trái chia lìa. Người vui thích đấu tranh thì dấy khởi chủng chủng tranh luận, dấy khởi sự tranh luận oán hại, cho nên gọi là tranh luận.

Nếu nương các kiến mà sanh khởi: Đó là thân kiến, đoạn kiến, vô nhân kiến, nhân bất bình đẳng kiến, thường kiến, giữa nhiều loại kiến, chủng chủng tà kiến và vô lượng các loại ác kiến khác. Ở trong các kiến chấp như vậy, hoặc mình nhiếp lấy, bị người ngăn cấm đoạn trừ. Hoặc người nhiếp lấy, mình hành ngăn cấm đoạn trừ. Hoặc hữu tình yêu thích nhiếp lấy, người đang ngăn cấm đoạn trừ, hoặc đã ngăn cấm đoạn trừ, hoặc muốn nhiếp thọ tà kiến chưa nhiếp thọ. Do nhân duyên đây, người chưa ly dục như trước nói rộng, cho đến dấy khởi chủng chủng tranh luận, dấy khởi tranh luận oán hại, cho nên gọi là tranh luận.

d. *Hủy báng luận*: Là sở hữu ngôn luận của kẻ ôm lòng phát khởi oán giận nóng nảy, dùng tâm nhiễm ô phẩn phát uy thế. Đó là do thô ác dẫn dắt, hoặc do không khiêm nhường dẫn dắt, hoặc

do ý ngôn dẫn dắt. Cho đến trong ác thuyết pháp luật, vì các hữu tình tuyên nói pháp kia, nghiên cứu quyết trạch, dạy trao dạy răn. Hết thấy luận như vậy gọi là hủy báng luận.

e. *Thuận chánh luận*: Ở trong thiện thuyết pháp luật, vì các hữu tình tuyên thuyết chánh pháp, nghiên cứu quyết trạch, dạy trao dạy răn. Vì đoạn tất cả nghi hoặc của hữu tình, vì đạt đến các cú nghĩa thâm sâu, vì khiến trí kiến rốt ráo thanh tịnh, thuận theo chánh hành, thuận theo giải thoát, cho nên luận đây gọi là thuận chánh luận.

f. *Dạy dẫn luận*: Là sở hữu ngôn luận dạy bổ-đặc-già-la tu tập tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Người tâm chưa định khiến tâm được định, người tâm đã định khiến được giải thoát. Vì khiến kia giác ngộ trí chân thật, vì khiến kia khai mở hiểu rõ trí chân thật, cho nên luận đây gọi là dạy dẫn luận.

Hỏi: Trong sáu luận đây, bao nhiêu luận chân thật năng dẫn nghĩa lợi cần phải tu tập? Bao nhiêu luận không chân thật năng dẫn vô nghĩa cần phải xa lìa?

Đáp: Hai luận sau cùng là chân là thật, năng

dẫn nghĩa lợi, nên tu tập. Hai luận giữa không chân không thật, năng dẫn vô nghĩa, nên xa lìa. Hai luận đầu cần phải phân biệt.

2. Luận xứ sở: Nên biết luận đây cũng có 6 chủng: 1. Ở nơi vương gia; 2. Ở nơi nhà thi hành luật pháp; 3. Ở trong đại chúng; 4. Ở trước bậc hiền triết; 5. Ở trước Sa-môn, Bà-la-môn khéo hiểu pháp nghĩa; 6. Ở trước bậc vui thích pháp nghĩa.

3. Luận sở y: Nên biết luận đây có 10 chủng. Đó là: nghĩa được thành lập, có 2 chủng; pháp năng thành lập, có 8 chủng.

– Nghĩa được thành lập do 2 chủng: do tự tánh và do sai biệt.

Do tự tánh thành lập: tức là có lập là có, không lập là không.

Do sai biệt thành lập: tức là hữu thượng lập hữu thượng, vô thượng lập vô thượng, thường lập là thường, vô thường lập vô thường. Như vậy hữu sắc vô sắc, có thấy không thấy, có đối không đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi... vô lượng môn sai biệt. Nên biết đây gọi là do sai biệt thành lập.

– Pháp năng thành lập có 8 chủng: **a.** Lập tông; **b.** Biện nhân; **c.** Dẫn dụ; **d.** Đồng loại; **e.** Dị loại; **f.** Hiện lượng; **g.** Tỷ lượng; **h.** Chánh giáo.

a. Lập tông:

Tức là nương 2 chủng nghĩa được thành lập, thâm nhiếp lãnh thọ mỗi loại riêng biệt trong phẩm loại mình tin theo. Hoặc thâm nhiếp lãnh thọ luận tông, đó là hoặc tự biện tài, hoặc khinh miệt người, hoặc từ người nghe, hoặc chân thật giác. Hoặc vì thành lập tông mình, hoặc vì phá hoại tông người, hoặc vì chế phục người, hoặc vì khuất phục người, hoặc vì bi mẫn người mà kiến lập nghĩa tông.

b. Biện nhân:

Vì thành tựu nghĩa tông được lập, nương sự dẫn dụ, đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng cùng với chánh giáo, kiến lập ngôn luận đạo lý thuận ích.

c. Dẫn dụ:

Cũng vì thành tựu nghĩa tông được lập, nương nơi các pháp thế gian thường hay trao đổi mà có lời nói so sánh làm cho dễ hiểu.

d. Đồng loại:

Tức là tùy theo sở hữu pháp đang có, đem so

sánh với pháp khác, tướng triển chuyển ít phần giống nhau. Đây lại có 5 chủng: 1. Tướng trạng giống nhau; 2. Tự thể giống nhau; 3. Nghiệp dụng giống nhau; 4. Pháp môn giống nhau; 5. Nhân quả giống nhau.

Tướng trạng giống nhau: tức là ở hiện tại, hoặc do trước đã thấy, tướng trạng tương quan lẫn nhau, triển chuyển giống nhau.

Tự thể giống nhau: tức là kia triển chuyển có tướng giống nhau.

Nghiệp dụng giống nhau: tức là kia triển chuyển có tác dụng giống nhau.

Pháp môn giống nhau: tức là kia triển chuyển có pháp môn giống nhau. Như vô thường cùng với pháp khổ, khổ cùng với pháp vô ngã, vô ngã cùng với pháp sanh, pháp sanh cùng với pháp lão, pháp lão cùng với pháp tử. Như vậy hữu sắc vô sắc, có thấy không thấy, có đối không đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi... hết thấy vô lượng loại pháp môn như vậy triển chuyển giống nhau.

Nhân quả giống nhau: tức là kia triển chuyển hoặc nhân, hoặc quả, năng thành, sở thành triển chuyển giống nhau.

Tất cả như vậy gọi là đồng loại.

e. Dị loại:

Tức là sở hữu pháp này so với pháp còn lại, tướng triển chuyển chút phần cũng không giống nhau. Đây cũng có 5 chủng, nên biết trái với năm tướng trên.

f. Hiện lượng:

Có 3 chủng: 1. Không phải không hiện thấy được; 2. Không phải đã suy nghĩ, nên suy nghĩ; 3. Không phải cảnh giới thác loạn.

– Hiện lượng không phải không hiện thấy, có 4 chủng. Đó là: các căn không bị hư hoại, tác ý hiện tiền, vì tương ưng sanh; vì vượt quá sanh; vì không chướng ngại; vì không phải quá xa.

Tương ưng sanh: tức là các căn Dục giới ở cảnh Dục giới, các căn địa trên ở cảnh địa trên đã sanh, đã sanh hết thủy, hoặc sanh, hoặc khởi. Đây gọi là tương ưng sanh.

Vượt quá sanh: tức là các căn địa trên ở cảnh địa dưới, đã sanh... như trước đã thuyết. Đây gọi là vượt quá sanh.

Không chướng ngại: có 4 chủng: 1. Không bị che chướng làm ngăn ngại; 2. Không bị ẩn chướng

làm ngăn ngại; 3. Không bị lấn át chướng làm ngăn ngại; 4. Không bị hoặc chướng làm ngăn ngại. Che chướng làm ngăn ngại, đó là sự che chướng của hắc ám, vô minh ám, sắc ám không trong tịnh. Ẩn chướng làm ngăn ngại, tức là sự ẩn chướng của sức được thảo, hoặc sức chú thuật, hoặc sức thần thông. Lấn át chướng làm ngăn ngại, tức là vật nhỏ bé bị các vật to lớn lấn át, cho nên không thể hiện được, như vị thuốc ở trong thức uống ăn, hoặc như đầu lông... hết thấy dạng loại như vậy có vô lượng vô biên. Lại như ánh sáng nhỏ bị ánh sáng mạnh hơn lấn đoạt, nên ánh sáng nhỏ hơn không hiện hữu, như ánh sáng mặt trời lấn đoạt ánh sáng trăng sao, lại như ánh sáng mặt trăng lấn đoạt ánh sáng của các vì sao... Lại như năng trị lấn đoạt sở trị, khiến sở trị kia không thể hiện hữu. Đó là tác ý bất tịnh lấn đoạt tướng tịnh; tác ý vô thường, khổ, vô ngã lấn đoạt tướng thường, lạc, ngã; tác ý vô tướng lấn đoạt tất cả nhóm tướng. Hoặc chướng làm ngăn ngại, tức là sự tạo làm của huyễn hóa, hoặc sắc tướng thù thắng, hoặc tương tự như vậy, hoặc sự tạo làm bên trong như hoa mắt, hôn mộng, muội say, phóng dật, hoặc lại điên

cuồng. Đây gọi là hoặc chướng. Nếu không bị bốn chướng đây làm ngăn ngại, thì được gọi là không chướng ngại.

Không phải quá xa: tức là không phải 3 chủng xứ quá xa: 1. Xứ quá xa; 2. Thời quá xa; 3. Tổn giảm quá xa.

Tất cả như thế gọi chung là không phải không hiện thấy được, vì không phải không hiển hiện, gọi là hiện lượng.

– Hiện lượng không phải đã suy nghĩ, nên suy nghĩ, có 2 chủng: 1. Vừa nắm lấy liền thành cảnh sở y của thủ; 2. Kiến lập cảnh giới cảnh sở y của thủ.

Vừa nắm lấy liền thành cảnh sở y của thủ: tức là nếu cảnh năng tạo tác vừa mới nắm lấy liền thành chỗ nương tựa của thủ. Ví như lương y trao thuốc cho bệnh nhân, sắc hương vị xúc thấy đều viên mãn, có thể lực lớn, thành thực uy đức. Nên biết thuốc sắc hương vị xúc đây, vừa mới nắm lấy liền thành chỗ nương tựa của thủ là chỗ uy đức thế lực lớn của thuốc. Bệnh nếu chưa lành gọi là nên suy nghĩ. Nếu bệnh đã lành gọi là đã suy nghĩ. Hết thấy loại như vậy gọi là vừa mới nắm lấy liền thành cảnh sở y của thủ.

Kiến lập cảnh giới cảnh sở y của thủ: tức là nếu cảnh năng làm chỗ y nương của thủ kiến lập cảnh giới, như thầy Du-già ở nơi địa, tư duy thủy, hỏa, phong giới. Nếu trụ ở địa, tư duy thủy, tức trụ tướng địa chuyển thành tướng thủy. Nếu trụ ở địa, tư duy hỏa phong, tức trụ tướng địa chuyển thành tướng hỏa phong. Trong đây, tướng địa tức là kiến lập cảnh giới của thủ, địa là kiến lập cảnh giới sở y của thủ. Như trụ ở địa, thì trụ ở thủy hỏa phong, tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Đây gọi là kiến lập cảnh giới cảnh sở y của thủ. Trong đây kiến lập cảnh giới cảnh sở y của thủ, chẳng phải đã suy nghĩ, chẳng phải nên suy nghĩ. Các giới như địa... hiểu nếu chưa thành, gọi là nên suy nghĩ. Hiểu nếu thành tựu, gọi là đã suy nghĩ.

Như vậy gọi là hiện lượng không phải đã suy nghĩ, nên suy nghĩ.

– Hiện lượng không phải cảnh giới thác loạn: hoặc 5 chủng, hoặc 7 chủng.

Năm chủng bao gồm không phải 5 chủng cảnh giới thác loạn. Những gì là năm? 1. Tướng thác loạn; 2. Số thác loạn; 3. Hình thác loạn; 4. Hiện thác loạn; 5. Nghiệp thác loạn.

Tướng thác loạn: tức là ở nơi không phải tướng kia mà khởi tướng tướng kia. Như hươu khát nước, thấy bóng nắng khởi tướng cho là nước.

Số thác loạn: tức là ở nơi số ít mà khởi tăng thượng mạn cho là số nhiều. Như người bị hoa mắt, ở nơi một mặt trăng mà thấy nhiều bóng mặt trăng.

Hình thác loạn: tức là ở nơi hình sắc này mà tăng thượng mạn khởi cho là hình sắc khác. Như ở nơi lửa quay tròn mà tăng thượng mạn cho là hình bánh xe.

Hiển thác loạn: tức là ở nơi sự hiển sắc này mà tăng thượng mạn khởi cho là hiển sắc kia. Như bệnh ca-mạt-la làm tổn hoại căn mắt, ở nơi sắc không phải vàng mà thấy hết thấy tướng vàng.

Nghiệp thác loạn: tức là ở nơi sự việc không nghiệp mà tăng thượng mạn khởi có nghiệp. Như người chạy, thấy cây hai bên đường cũng chạy.

Bảy chủng: đó là không phải 7 chủng cảnh giới thác loạn. Những gì là bảy? Tức là 5 chủng thác loạn ở trước cộng thêm 2 chủng biến hành thác loạn, tổng cộng là 7 chủng. Những gì là hai? Tâm thác loạn và kiến thác loạn.

Tâm thác loạn: tức là ở nơi 5 chủng nghĩa

thác loạn kia, tâm sanh vui vẻ.

Kiến thác loạn: tức là ở nơi 5 chủng nghĩa thác loạn mà lãnh thọ, tuyên nói rõ ràng, sanh tướng tốt lành, chấp chặt không buông xả.

Nếu không thuộc cảnh giới thác loạn như vậy, gọi là hiện lượng.

Hỏi: Hiện lượng như vậy sở hữu những gì?

Đáp: Nếu nói lược thì có 4 chủng sở hữu: 1. Hiện lượng sắc căn; 2. Hiện lượng ý thọ; 3. Hiện lượng thể gian; 4. Hiện lượng thanh tịnh.

Hiện lượng sắc căn: tức là sở hành cảnh giới của năm sắc căn, như hiện lượng tướng thể đã thuyết ở trước.

Hiện lượng ý thọ: tức là sở hành cảnh giới của ý căn, như hiện lượng tướng thể đã thuyết ở trước.

Hiện lượng thể gian: tức là hai chủng trên nhưng thuyết gộp chung làm một, là hiện lượng thể gian.

Hiện lượng thanh tịnh: hiện lượng các sở hữu thể gian cũng được gọi là hiện lượng thanh tịnh. Hoặc có hiện lượng thanh tịnh, nhưng không phải hiện lượng thể gian, đó là trí xuất thế. Ở nơi cảnh sở hành, có biết là có, không biết là không, hữu

thượng biết là hữu thượng, vô thượng biết là vô thượng. Hết thấy loại như vậy, gọi là hiện lượng thanh tịnh chẳng cùng với thế gian.

g. Tỷ lượng:

Tức là sở hữu cảnh giới đã suy nghĩ, nên suy nghĩ, cùng với sự tư duy chọn lọc. Đây lại có 5 chủng: 1. Tỷ lượng tướng; 2. Tỷ lượng thể; 3. Tỷ lượng nghiệp; 4. Tỷ lượng pháp; 5. Tỷ lượng nhân quả.

– Tỷ lượng tướng: tùy theo sở hữu tướng trạng tương quan phụ thuộc lẫn nhau, hoặc do hiện tiền thấy được, hoặc do suy đoán ở nơi cảnh giới đã hiện ra trước. Như trước thấy cờ, suy biết ở đó có xe. Trước thấy khói, suy biết đó có lửa. Như vậy lấy vua suy ra nước. Lấy chồng suy ra vợ. Lấy sừng trâu suy biết có trâu. Lấy da dẻ mịn màng, tóc đen bóng bèn, dung sắc đẹp đẽ, không điềm tĩnh, suy biết là thiếu niên. Lấy tướng da nhăn, tóc bạc suy biết là già. Lấy chấp tự tướng, suy biết là kẻ thế tục. Lấy vui thấy bậc thánh, vui nghe chánh pháp, xa lìa xan tham, suy biết là bậc chánh tín. Lấy khéo tư duy điều nên tư duy, khéo nói điều cần nên nói, khéo làm điều phải làm, suy biết là bậc thông minh. Lấy từ bi, ái ngữ, đồng mãnh vui thú, năng khéo giải

thích nghĩa thú sâu xa, suy biết là Bồ-tát. Lấy trao động lăng xăng, hý luận, ca múa, nô đùa... suy biết là kẻ chưa ly dục. Lấy các uy nghi hằng thường tịch tĩnh, suy biết là người đã ly dục. Lấy đầy đủ diệu tướng hảo của Như Lai, trí tuệ tịch tĩnh, chánh hạnh thần thông, suy biết là Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác đầy đủ nhất thiết trí. Lấy lúc già, thấy sở hữu tướng trạng ấu niên của kia, mà suy biết là kia. Hết thấy loại như vậy gọi là tỷ lượng tướng.

– Tỷ lượng thể: vì hiện thấy tánh tự thể của kia, suy biết thể không hiện thấy của vật loại kia. Hoặc hiện thấy một phần tự thể kia, suy biết phần loại còn lại của kia. Như lấy hiện tại suy biết quá khứ, hoặc lấy quá khứ suy biết vị lai, hoặc lấy sự việc gần ở hiện tại suy ra xa, hoặc lấy hiện tại suy ra vị lai. Lại như những việc ăn uống, y phục, trang sức, xe cộ... xem thấy một phần tướng của được mất, suy biết tất cả. Lại thấy một phần thành thực, suy ra phần thành thực khác. Hết thấy loại như vậy gọi là tỷ lượng thể.

– Tỷ lượng nghiệp: lấy tác dụng suy ra sở y nghiệp. Như thấy vật ở xa không lay động, có chim đậu trên đó, do hết thấy sự đây suy biết đó là gốc

cây. Nếu cũng sự việc như thế mà có lay động, suy biết là người. Nếu thấy vết chân rộng lớn, suy biết là voi. Nếu thấy thân trườn trên đường đi, suy biết là rắn. Nếu nghe tiếng hí, suy biết là ngựa. Nếu nghe tiếng rống, suy biết là sư tử. Nếu nghe tiếng gào, suy biết trâu chúa. Thấy so với mắt, nghe so với tai, hương so với mũi, nếm so với lưỡi, xúc so với thân, thức so với ý. Trong nước thấy có chướng ngại, suy biết có đất. Nếu thấy xứ đây cỏ cây tươi nhuận, hoa lá xanh tốt, suy biết có nước. Nếu thấy tro nóng, suy biết có lửa. Nếu thấy rừng cây xao động, suy biết có gió. Nếu thấy người mắt nhắm, cầm gậy dò hỏi người, đi vấp té, lạc mất đường... các việc như vậy, suy biết là người mù. Nói lớn tiếng, nghiêng tai nghe, suy biết là điếc. Chánh tín, thông tuệ, ly dục, chưa ly dục, Bồ-tát, Như Lai, tất cả như vậy lấy nghiệp để so sánh, nên biết như trước.

– Tỷ lượng pháp: lấy pháp gần nhau, tương quan phụ thuộc lẫn nhau, so sánh suy ra các pháp gần nhau khác, tương quan phụ thuộc lẫn nhau. Như lấy pháp thuộc vô thường, suy biết có khổ. Lấy pháp thuộc khổ, suy ra không, vô ngã. Lấy pháp thuộc sanh, suy ra có pháp lão. Lấy pháp

thuộc lão suy ra pháp chết. Lấy pháp thuộc hữu sắc, có thấy, có đối, suy ra có nơi chốn và có hình chất. Lấy pháp thuộc hữu lậu suy ra biết có khổ, thuộc vô lậu suy biết không khổ; thuộc hữu vi, suy biết pháp của sanh, trụ, dị, diệt; thuộc vô vi, suy biết không sanh, trụ, dị, diệt. Hết thấy loại như vậy gọi là tỷ lượng pháp.

– Tỷ lượng nhân quả: lấy tướng nhân quả triển chuyển so sánh với nhau. Như thấy có đi, suy ra đến phương khác; thấy đến phương khác, suy ra trước có đi. Nếu thấy có người như pháp thờ vua, suy ra biết đang thọ bổng lộc, tước vị to lớn; thấy có lộc vị to lớn, suy ra biết trước như pháp thờ vua. Nếu thấy có người tạo tác nghiệp thiện, suy biết ắt sẽ thu được giàu sang; thấy người tiền của giàu sang, suy biết trước đã tạo tác nghiệp thiện. Nếu trước thấy tu tập thiện hạnh, ác hạnh, suy biết sẽ có sự hưng thịnh, tổn giảm; thấy có sự hưng thịnh, tổn giảm, suy biết trước tạo làm thiện hạnh, ác hạnh. Nếu thấy ăn uống đầy đủ suy biết no nê; thấy có sự no nê, suy biết có uống ăn đầy đủ. Nếu thấy có người ăn uống không điều hòa, suy biết người đó sẽ có bệnh; hiện thấy có bệnh, suy ra biết

là người ăn uống không điều hòa. Nếu thấy có người tinh lự, suy biết ly dục; thấy người ly dục, suy biết có tinh lự. Nếu thấy người tu đạo, suy ra biết sẽ thành tựu chứng quả Sa-môn; thấy có người chứng quả Sa-môn, suy biết tu đạo. Hết thấy loại như vậy nên biết gọi chung là tỷ lượng nhân quả.

Tất cả như vậy gọi là tỷ lượng.

h. Chánh giáo lượng:

Đó là ngôn giáo sở thuyết của bậc nhất thiết trí, hoặc từ người kia được nghe, hoặc theo pháp của kia. Đây có 3 chủng: 1. Không trái với thánh ngôn; 2. Năng trị tạp nhiễm; 3. Không trái pháp tướng.

Không trái với thánh ngôn: là những lời dạy của Thánh đệ tử, hoặc kinh giáo Phật thuyết, triển chuyển lưu bố đến nay, không trái với chánh pháp, không lia chánh nghĩa.

Năng trị tạp nhiễm: tức là theo pháp đây khéo tu tập, năng vĩnh viễn điều phục tất cả phiền não tham sân si... và tùy phiền não.

Không trái với pháp tướng: ngược lại với trái pháp tướng, nên biết tức là không trái pháp tướng.

Những gì gọi là trái pháp tướng? Như ở nơi không tướng lại thêm là có tướng, như chấp có

ngã, hữu tình, mạng, sanh... hết thấy loại như vậy. Hoặc thường hoặc đoạn, hoặc hữu sắc hoặc vô sắc... hết thấy loại như vậy.

Hoặc ở nơi tướng lại giảm làm không tướng. Hoặc ở nơi quyết định mà lập là bất định. Như tất cả hành đều là vô thường, tất cả hữu lậu đều là tánh khổ, tất cả pháp đều không, vô ngã, mà lại vọng kiến lập một phần là thường, một phần vô thường, một phần là khổ, một phần không phải khổ, một phần có ngã, một phần vô ngã. Đối với pháp Đức Phật đã chế lập, không thể ghi nhớ mà lại tìm cầu phân biệt ghi nhớ, cho là có thể ghi nhớ hoặc an lập ghi nhớ.

Hoặc ở nơi bất định mà kiến lập là định. Như chấp tất cả thọ lạc đều là chỗ tùy miên của tham, tất cả thọ khổ đều là chỗ tùy miên của sân, tất cả thọ không khổ không lạc đều là chỗ tùy miên của si, tất cả thọ lạc đều là hữu lậu, tất cả lạc cùng với suy nghĩ cố tạo nghiệp, một hướng quyết định thọ khổ dị thực... Hết thấy loại như vậy.

Hoặc ở trong pháp có tướng, không tướng sai khác mà kiến lập sai khác, có tướng sai khác mà lập là không sai khác. Như ở nơi tướng hữu vi

không có sự sai khác, ở trong vô vi cũng lại kiến lập; ở nơi pháp vô vi tướng không sai khác, ở trong pháp hữu vi cũng lại kiến lập. Ở nơi hữu vi vô vi như vậy, thì ở nơi hữu sắc vô sắc, có thấy không thấy, có đối không đối, hữu lậu vô lậu... tùy theo chỗ thích hợp đều nên rõ biết.

Lại ở nơi có tướng, không như chánh lý lập tướng nhân quả. Như lập diệu hạnh chiêu cảm quả bất ái, lập các ác hạnh chiêu cảm quả khả ái. Kế chấp cho là trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da tích tập các tà hạnh, năng được thanh tịnh; trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da tu hành chánh hạnh, cho là tạp nhiễm. Ở nơi tướng không thật, đem giả ngôn thuyết lập tướng chân thật; ở nơi tướng chân thật, đem giả ngôn thuyết mà an lập chủng chủng. Ở trong tất cả pháp lìa lời, mà kiến lập lời nói, thuyết đệ nhất nghĩa. Hết thấy loại như vậy gọi là trái pháp tướng.

Trái với tướng trên, tức là không trái pháp tướng, đây gọi là chánh giáo.

Hỏi: Nếu tự tướng tất cả pháp thành tự, mỗi mỗi đã tự an lập ở trong pháp tánh, vì nhân duyên gì kiến lập hai chủng nghĩa được thành lập?

Đáp: Vì muốn khiến người sanh *tin hiểu*, chẳng phải khiến sanh *thành tướng* các pháp tánh.

Hỏi: Vì muốn thành tựu nghĩa được thành lập, có sao trước lập tông?

Đáp: Vì trước hiển nghĩa tông mà mình yêu thích.

Hỏi: Có sao kể đến biện nhân?

Đáp: Vì muốn khai hiển quyết định đạo lý nương theo sự việc hiện thấy, vì khiến người nhiếp thọ sở lập nghĩa tông.

Hỏi: Có sao kể đến dẫn dụ?

Đáp: Vì muốn nương tựa vào sự việc hiện thấy hiển thị năng thành đạo lý.

Hỏi: Có sao sau thuyết đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng, chánh giáo?

Đáp: Vì muốn khai thị trí trái nhau, không trái nhau của hai chủng nhân và dụ.

Lại trái nhau do 2 nhân duyên: 1. Vì không quyết định; 2. Vì đồng sở thành. Trái nhau, tức là ở nơi việc thành tựu nghĩa tông được lập, không thể lấy làm cái để so lường, nên không được gọi là lượng.

Không trái nhau cũng do 2 nhân duyên: 1. Vì

quyết định; 2. Vì khác sở thành. Không trái nhau, tức là ở nơi việc thành tựu nghĩa tông được lập, có thể dùng để so lường, nên gọi là lượng.

Tất cả những điều trên gọi là luận sở y.

4. Luận trang nghiêm: Luận đây lược có 5 chủng: **a.** Khéo đối với tông mình, người; **b.** Lời nói đầy đủ viên mãn; **c.** Vô úy; **d.** Đôn hậu trang nghiêm; **e.** Ứng cúng.

a. Khéo ở nơi tông mình, người: Như có người hoặc ở trong pháp Tỳ-nại-da đây sanh sâu vui thích, tức ở nơi tông chỉ của luận này đọc tụng thọ trì, lắng nghe tư duy, tu hành thuần thực, đã thuần thiện, đã tuyên thuyết, đã được sáng tỏ. Hoặc kia ở nơi pháp Tỳ-nại-da không vui không thích, nhưng vẫn ở nơi tông chỉ của luận kia đọc tụng thọ trì, nghe nghĩ thuần thực, mà chẳng tu hành. Tuy nhiên cũng đã thuần thiện, đã tuyên nói, đã được sáng tỏ. Đây gọi là khéo ở nơi tông mình người.

b. Lời nói đầy đủ viên mãn: Phạm có tuyên nói đều phải dùng âm thanh, chẳng thể không dùng âm thanh. Những gì là âm thanh? Đó là đầy đủ 5 đức tính thì được gọi là âm thanh: 1. Không

thô xấu; 2. Dễ dàng; 3. Mạnh mẽ trong sáng; 4. Tương ứng; 5. Nghĩa thiện.

Không thô xấu: tức là không dùng những ngôn từ địa phương thô thiển.

Dễ dàng: tức là nếu có tuyên nói đều dùng ngôn từ thông dụng của thế gian.

Mạnh mẽ trong sáng: tức là nương nghĩa mà kiến lập ngôn từ, năng thành tựu nghĩa kia, thiện xảo diệu khéo mạnh mẽ.

Tương ứng: tức là nghĩa pháp trước sau phù hợp với nhau, không phân tán rời rạc.

Nghĩa thiện: tức là năng dẫn phát sanh thù thắng, định thù thắng không có điên đảo.

Lại luận âm thanh đây, do 9 chủng lời nói được đầy đủ viên mãn: 1. Không tạp loạn; 2. Không thô ác; 3. Biện biệt phân minh; 4. Có hạn lượng; 5. Tương ứng với nghĩa; 6. Đúng thời; 7. Xác quyết; 8. Hiển rõ; 9. Tương tục.

Tất cả tướng như vậy gọi chung là lời nói đầy đủ viên mãn.

c. Vô úy: Như có người đối giữa chúng đông người, chúng tạp, chúng loạn, chúng chấp, chúng chân thật, chúng thiện lành... nơi tâm không hạ

liệt lo sợ, thân không toát mồ hôi, sắc mặt không lo sợ, phát âm không ngượng nghịu, lời nói không khiếp nhược. Người thuyết như vậy gọi là vô úy.

d. Đôn hậu uy nghiêm: Như có người đợi đúng thời mới thuyết mà không vội bạo. Đây gọi là đôn hậu uy nghiêm.

e. Ứng cúng: Như có người tánh điều nhu lành thiện, không xúc não người, trọn chẳng trái vượt các bậc điều nhu hiền thiện. Tùy thuận theo tâm người mà khởi lời nói đúng thời, đúng việc, như thật năng dẫn nghĩa lợi, ngôn từ nhu nhuyễn như đối với bạn lành. Đây gọi là ứng cúng.

Nếu có người nương 5 điều trang nghiêm của luận đây mà phát khởi ngôn luận, nên biết có 27 chủng khen ngợi tán thán công đức. Những gì là 27 chủng? 1. Được mọi người kính trọng; 2. Lời nói được tín thọ; 3. Ở trong đại chúng không sợ hãi; 4. Ở nơi tông chỉ của người, nhạy bén tinh tế biết được những kẽ hở; 5. Ở nơi tông chỉ của mình, biết rõ công đức thù thắng; 6. Không có kiến chấp nhỏ hẹp, đối với luận đã thọ lãnh không có phe phái; 7. Ở nơi chánh pháp và Tỳ-nại-da của mình, không thể bị dẫn đoạt; 8. Đối với sở thuyết của người, chóng

năng liễu ngộ; 9. Đối với sở thuyết của người, chóng năng lãnh thọ; 10. Đối với sở thuyết của người, chóng năng đối đáp; 11. Ngôn ngữ đầy đủ đức khiến mọi người đều vui thích; 12. Luận đầy sáng tỏ khá dễ tin hiểu; 13. Năng khéo léo tuyên nói giải thích nghĩa cú văn tự; 14. Khiến thân không mệt mỏi; 15. Khiến tâm không mệt mỏi; 16. Lời nói không lấp bắp rít rắm; 17. Biện tài vô tận; 18. Thân không trì trệ; 19. Không quên mất niệm; 20. Tâm không bị tổn não; 21. Yết hầu không bị tổn hại; 22. Phạm sự việc nói ra phân minh dễ hiểu; 23. Khéo hộ tự tâm khiến không phần nộ; 24. Khéo thuận tâm người khiến không nóng giận; 25. Khiến kẻ đối luận tâm sanh tịnh tín; 26. Phạm có hành động không lấy oán đối; 27. Danh xưng rộng lớn, tiếng lưu bố khắp mười phương, thế gian đều truyền tụng.

Đại pháp sư đây thuộc trong hàng những bậc Đại sư. Như kẻ thọ dục đem hết thủy báu vật mặt-ni, chân châu, lưu ly... để bên cạnh những báu vật như vòng xuyên để tự trang nghiêm cho mình, khiến uy đức thêm sáng rõ, quang minh soi chiếu khắp nơi. Cũng vậy, bậc luận giả dùng 27 chủng xưng tán công đức đặt bên cạnh 5 chủng luận trang

nghiêm này, lấy đây tự trang nghiêm khiến uy đức thêm sáng rõ, quang minh soi chiếu khắp. Cho nên gọi là luận trang nghiêm.

Đây gọi là luận trang nghiêm.

5. Luận rơi vào thua cuộc: Có 3 chủng: **a.** Xả bỏ lời nói; **b.** Lời nói chịu khuất; **c.** Lời nói lỗi.

a. Xả bỏ lời nói: Tức là người lập luận dụng 13 chủng từ để tạ với người đối luận, xả bỏ luận đã nói. Những gì gọi là 13 chủng từ? Đó là người lập luận nói rõ với người đối luận rằng: Luận của tôi bất thiện. Luận của ông là thiện. Tôi quán bất thiện. Ông quán thiện. Luận của tôi không có lý. Luận của ông có lý. Luận của tôi không đủ khả năng. Luận của ông có đủ khả năng. Luận của tôi bị bẻ gãy. Luận của ông được thành lập. Biện tài của tôi rốt chỉ đến đây, quá đây trở lên phải khéo suy nghĩ so lường mới vì ông nói. Vả lại, bỏ qua sự việc này, tôi không nói lại.

Dụng 13 chủng từ như vậy để tạ đối với người đối luận, xả bỏ luận đã nói. Vì xả bỏ luận đã nói, nên biết luận mình bị phá. Vì bị người thắng, rơi phía sau người, bị người kia khuất phục. Cho nên

xả bỏ lời nói gọi là rơi vào chỗ thua cuộc.

b. Lời nói chịu khuất: Người lập luận bị người đối luận khuất phục, hoặc giả mượn sự việc khác phương tiện mà thối lui, hoặc dẫn lời bên ngoài, hoặc biểu hiện sự phát giận, hoặc biểu hiện sự sân khuyển, hoặc biểu hiện sự kiêu mạn, hoặc biểu hiện sự che giấu, hoặc biểu hiện sự nã hại, hoặc biểu hiện sự không thể kham nhẫn, hoặc biểu hiện sự bất tín, hoặc lại im lặng, hoặc lại buồn bã, hoặc rút vai cúi mặt, hoặc đối lời trầm tư.

Giả mượn sự việc khác phương tiện mà thối lui: tức là xả luận đã kiến lập trước, lại mượn tông chỉ khác. Xả bỏ nhân, dụ, đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng và chánh giáo lượng trước đã kiến lập, liền mượn nhân cho đến chánh giáo khác.

Dẫn lời bên ngoài: tức là xả bỏ các nội dung của luận đã kiến lập, mà nói đến các vấn đề khác như ăn uống, vua quan, đạo tặc, đường sá, ca hát, dơ bẩn... giả mượn duyên bên ngoài để xả bỏ những vấn đề căn bản đã lập, tránh đi sự vấn nạn của người.

Biểu hiện sự phát giận: tức là dùng những lời thô ác không nhường nhịn để xua đuổi người đối luận.

Biểu hiện sự sân khuê: tức là dùng những lời oán trách, trả thù đối với người đối luận.

Biểu hiện sự kiêu mạn: tức là dùng lời nói của hạng người ti tiện để hủy báng người đối luận.

Biểu hiện sự che giấu: tức là dùng lời nói để phôi bày những điều xấu ác mà người che giấu, để nêu cử người đối luận.

Biểu hiện sự nảo hại: tức là dùng lời nói bạo ngược để mắng chửi người đối luận.

Biểu hiện sự không thể kham nhẫn: tức là dùng lời nói oán ghét để khủng bố người đối luận.

Biểu hiện sự bất tín: tức là dùng lời nói hủy hoại công hạnh để bài báng người đối luận.

Hoặc im lặng: tức là ngữ nghiệp lặng dứt. Hoặc buồn bã: tức là ý nghiệp buồn nảo.

Hoặc rút vai cúi mặt: tức là thân nghiệp nghiêm nghị mà héo hon, ủ rũ, tiều tụy.

Hoặc đốid lời, trầm tư: tức là biện tài đều cạn kiệt.

Do 13 chủng sự việc đây, nên biết là lời nói chịu khuất phục. Hai loại trước là loại vọng ngôn, kiêu loạn; bảy loại giữa phát khởi tà hành; bốn loại sau cùng là kế chấp hành. Đây gọi là lời nói

chịu khuất, rơi vào chỗ thua cuộc.

c. Lời nói lỗi: Tức là người lập luận bị rơi vào 9 chủng lời nói nhiễm ô quá thất, nên gọi là lời nói có lỗi lầm. Những gì là chín? 1. Tạp loạn; 2. Thô kém; 3. Không biện biệt rõ; 4. Không có hạn lượng; 5. Tương ứng phi nghĩa; 6. Không đúng thời; 7. Không xác quyết; 8. Không hiển rõ; 9. Không tương tục.

Tạp loạn: tức là xả bỏ những vấn đề đang luận, dùng lời nói khác xen vào.

Thô kém: tức là phát giận cáu bẳn và bực bội nóng nảy.

Không biện biệt rõ: tức là hoặc pháp hoặc nghĩa, đại chúng và người đối luận không thể lãnh ngộ.

Không có hạn lượng: tức là nghĩa được nói đến có ngôn từ nặng nề trùng lặp, hoặc lại giảm bớt.

Tương ứng phi nghĩa, nên biết đây có 10 chủng: 1. Vô nghĩa; 2. Trái nghĩa; 3. Tổn hại lý; 4. Cùng ngang sở thành; 5. Chiêu tập quá khó; 6. Không được nghĩa lợi; 7. Nghĩa không có thứ tự; 8. Nghĩa không quyết định; 9. Thành lập năng thành; 10. Thuận theo những điều không xứng lý, các luận tà ác.

Không đúng thời: tức là những điều nên nói, trước sau không có thứ tự.

Không xác quyết: tức là kiến lập rồi lại hủy bỏ, hủy bỏ rồi lại lập, thay đổi mau chóng, khó có thể rõ biết.

Không hiển rõ: tức là lời chê trách khinh thường, chưa lãnh hội mà trả lời; trước dùng điển ngữ, sau dùng tục ngữ; hoặc trước dùng tục ngữ, sau dùng điển ngữ.

Không tương tục: tức là ở khoảng giữa ngôn từ bị đứt đoạn.

Phạm có luận bàn, nếu phạm vào 9 lỗi đây gọi là lời nói lỗi, rơi vào chỗ thua cuộc.

6. Luận xuất ly: Người lập luận trước nên lấy 3 chủng quan sát để quán sát gốc luận, rồi mới hưng khởi hoặc không hưng khởi ngôn luận, gọi là luận xuất ly.

Ba chủng quán sát: **a.** Quán sát được mất; **b.** Quán sát thời chúng; **c.** Quán sát thiện xảo và không thiện xảo.

a. Quán sát được mất: Đó là người lập luận, lúc chuẩn bị hưng khởi gốc luận, trước nên quán sát: “Luận mà ta lập sẽ không làm tổn mình, sẽ không làm tổn người, sẽ không làm tổn cả hai

chứ? Không sanh tội ở hiện pháp, không sanh tội ở hậu pháp, không sanh tội ở hiện pháp và hậu pháp chứ? Không khiến thân tâm dấy khởi các khổ nhiều loạn chứ? Không khiến do đây mà phát khởi việc cầm nắm dao gậy, đấu tranh kiện tụng, siểm cuống vọng ngữ chứ? Sẽ không có chủng chủng ác bất thiện pháp sanh trưởng chứ? Chẳng phải không có sự lợi ích an lạc hoặc cho mình hoặc cho người và cho nhiều người chứ? Chẳng phải không thương xót các thế gian chứ? Chẳng do nguyên nhân đây chư thiên, người đời không được nghĩa lợi, không được an lạc chứ?”. Người lập luận kia lúc quán sát như vậy, nếu tự biết rõ luận mình lập đây năng tự tổn mình, cho đến trời người không được nghĩa lợi, cũng không được an lạc, liền tự tư duy khích lệ không nên lập luận. Ngược lại, sau khi quán sát tự biết rõ việc kiến lập luận của mình không làm tổn mình, cho đến năng dẫn nghĩa lợi trời người cùng với an lạc, bèn tự tư duy gắng sức lập chánh luận. Đây gọi là luận xuất ly tướng tạo, không tạo thứ nhất.

b. Quán sát thời chúng:

Người lập luận lúc mới hưng khởi gốc luận, nên

khéo quán sát: “Chúng hội hiện tiền có chấp nhỏ hẹp hay không chấp nhỏ hẹp? Là hiền chánh hay không hiền lương chân chánh? Là có thiện xảo hay là không có thiện xảo?”.

Lúc quán như vậy, nếu rõ biết chúng hội chỉ có hạng chấp nhỏ hẹp, chẳng phải không chấp nhỏ hẹp; chỉ có hạng không hiền lương chân chánh, không có hiền lương chân chánh; chỉ có hạng không thiện xảo, không có thiện xảo. Liên tự tư duy: “Không nên lập luận ở trong chúng đây”.

Nếu rõ biết chúng hội đây không hạng người chấp nhỏ hẹp, không phải có chấp nhỏ hẹp; chỉ hạng có hiền lương chân chánh, không có không hiền lương chân chánh; chỉ có hạng người thiện xảo, không có không thiện xảo. Liên tự tư duy khích lệ: “Phải nên lập luận trong chúng đây”. Đây gọi là luận xuất ly tướng tạo, không tạo thứ hai.

c. Quán sát thiện xảo, không thiện xảo: Tức là người lập luận lúc chuẩn bị hưng khởi gốc luận, nên tự quán sát thiện cùng với bất thiện: “Ta ở nơi luận thể tánh, luận xứ sở, luận sở y, luận trang nghiêm, luận rơi vào chỗ thua và luận xuất ly, là thiện xảo hay không được thiện xảo? Ta có đủ

năng lực để kiến lập luận mình và bẻ gãy luận người chẳng? Lúc luận bàn bị thua, ta năng thoát khỏi chẳng?”. Lúc quán như vậy, nếu tự rõ biết mình không đủ thiện xảo, chẳng phải thiện xảo, không đủ năng lực, chẳng phải có năng lực, liền tự tư duy: “Không nên lập luận cùng với các luận giả khác”. Nếu tự rõ biết mình có đủ thiện xảo, chẳng phải không thiện xảo, có đủ năng lực, chẳng phải không đủ năng lực, liền tự suy nghĩ khích lệ: “Cần phải lập luận với các luận giả khác”. Đây gọi là luận sự xuất ly tướng tạo, không tạo thứ ba.

7. Luận nhiều sở tác pháp: Đây có 3 chủng ở nơi luận được lập có nhiều sở tác pháp: **a.** Khéo đối với tông mình, tông người; **b.** Đồng mãnh vô úy; **c.** Biện tài không cạn kiệt.

Hỏi: Ba pháp như vậy ở nơi luận được lập, có sao gọi là có nhiều sở tác?

Đáp: Vì khéo rõ biết tông mình người, nên ở nơi tất cả pháp năng khởi đàm luận. Vì đồng mãnh vô úy, nên ở trong tất cả chúng năng khởi đàm luận. Vì biện tài không cạn kiệt, nên tùy theo sự vấn nạn đều khéo đáp trả. Cho nên, ba pháp đây

đối với chỗ lập luận có nhiều sở tác.

Như vậy đã thuyết Nhân minh xứ.

D. Thanh minh xứ:

Nên biết xứ đây lược có 6 tướng: **1.** Tướng pháp thi thiết kiến lập; **2.** Tướng nghĩa thi thiết kiến lập; **3.** Tướng bổ-đặc-già-la thi thiết kiến lập; **4.** Tướng thời thi thiết kiến lập; **5.** Tướng số thi thiết kiến lập; **6.** Tướng xứ sở, căn tài thi thiết kiến lập.

Ốt-Đà-Nam nói:

Pháp, nghĩa, số thủ thú,

Thời, số, cùng xứ sở,

Hoặc sở y căn tài,

Đây lược tướng Thanh minh.

1. Pháp thi thiết kiến lập: Danh thân, cú thân, văn thân cùng âm thanh tương ứng 5 đức tính: 1. Không thô xấu; 2. Dễ dàng; 3. Mạnh mẽ trong sáng; 4. Tương ứng; 5. Nghĩa thiện.

2. Nghĩa thi thiết kiến lập: Lược có 10 chủng: 1. Căn kiến lập; 2. Đại chủng kiến lập; 3. Nghiệp kiến lập; 4. Tâm cầu kiến lập; 5. Phi pháp kiến

lập; 6. Pháp kiến lập; 7. Hưng thịnh kiến lập; 8. Suy tổn kiến lập; 9. Thọ dụng kiến lập; 10. Phòng giữ kiến lập.

Ốt-Đà-Nam nói :

*Nhãn thấy và địa thấy
Thân thấy và tâm cầu,
Phi pháp, pháp, hưng thịnh,
Suy tổn, thọ dụng, phòng.*

Căn kiến lập: là nghĩa thấy, nghĩa nghe, nghĩa ngửi, nghĩa nếm, nghĩa xúc, nghĩa biết.

Đại chủng kiến lập: là nghĩa nương giữ, nghĩa tươi nhuận, nghĩa chiếu soi, nghĩa động lay...

Nghiệp kiến lập: là nghĩa đến đi, nghĩa tuyên thuyết, nghĩa suy nghĩ, nhớ niệm, quán sát, hiểu biết...

Tâm cầu kiến lập: là nghĩa tìm cầu, truy xét.

Phi pháp kiến lập: là nghĩa sát sanh, trộm cắp...

Pháp kiến lập: là nghĩa thí, giới...

Hưng thịnh kiến lập: là nghĩa chứng đắc hỷ duyệt.

Suy tổn kiến lập: là nghĩa phá hoại, sợ hãi, ưu buồn...

Thọ dụng kiến lập: là nghĩa ăn uống, che chướng, gìn giữ, thọ hành...

Phòng giữ kiến lập: là nghĩa nuôi dưỡng đầy đủ, sung túc.

Lại lược nói có 6 chủng nghĩa: 1. Nghĩa tự tánh; 2. Nghĩa nhân; 3. Nghĩa quả; 4. Nghĩa tác dụng; 5. Nghĩa tương ưng sai biệt; 6. Nghĩa chuyển.

Ốt-Đà-Nam nói:

*Tự tánh, cùng nhân, quả,
Tác dụng, tương ưng, chuyển.*

3. Bồ-đặc-già-la thi thiết kiến lập: Kiến lập tướng âm thanh nam, nữ, phi nam, phi nữ sai khác. Hoặc lại kiến lập tướng thanh của bậc hạ sĩ, trung sĩ, thượng sĩ sai khác.

4. Thời thi thiết kiến lập: Có 3 tướng âm thanh thời sai khác: 1. Quá khứ, quá khứ thù thắng; 2. Vị lai, vị lai thù thắng; 3. Hiện tại, hiện tại thù thắng.

5. Số thi thiết kiến lập: Có 3 tướng âm thanh số sai khác: số một, số hai và số nhiều.

6. Xứ sở, căn tài thi thiết kiến lập: Nên biết xứ sở lược có 5 chủng: 1. Tương tục; 2. Danh hiệu; 3. Tổng lược; 4. Ích lợi của kia; 5. Tuyên thuyết. Hoặc giới, tụng... gọi là căn tài. Hai chủng như vậy gọi chung là kiến lập xứ sở, căn tài.

Như vậy đã thuyết Thanh minh xứ.

E. Công nghiệp minh xứ:

Ở nơi 12 xứ, lược nói sở hữu diệu trí những nghề nghiệp công xảo, gọi là công nghiệp minh xứ. Những gì là 12 công nghiệp xứ? Đó là công nghiệp doanh nông, công nghiệp thương mại, công nghiệp việc vua, công nghiệp tính toán, sổ sách, đo lường, in ấn, công nghiệp xem tướng, công nghiệp chú thuật, công nghiệp xây dựng, công nghiệp sanh thành, công nghiệp phòng tà, công nghiệp hòa hợp, công nghiệp thành thực, công nghiệp âm nhạc.

